NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG *(Chủ biên)*
NGÔ THỊ THUÝ HIỀN

Ôn luyện kiến thức theo CẤU TRÚC ĐỀ THI

MÔN LỊCH SỬ

DÙNG ÔN LUYỆN THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG *(Chủ biên)*

NGÔ THỊ THÚY HIỀN

ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

MÔN LỊCH SỬ

Dùng ôn luyện thi tốt nghiệp THPT, Đại học - Cao đẳng

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

14 – 2011/CXB/355 – 2075/GD Mã số : 8D293y1 – DAI

MỞ ĐẦU

A. CẤU TRÚC CỦA SÁCH

Cuốn **"Ôn luyện kiến thức theo cấu trúc đề thi môn Lịch sử"** nhằm giúp học sinh vừa ôn luyện kiến thức, vừa làm quen với các dạng cấu trúc đề thi và cách làm bài trong quá trình chuẩn bị ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) và thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng (TSĐH–CĐ). Cuốn sách gồm các phần :

Mở đầu : Giúp học sinh nắm được những yêu cầu cơ bản về chuẩn kiến thức, kĩ năng và những yêu cầu ôn tập đáp ứng cho các kì thi.

Phần thứ nhất : Giới thiệu cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH–CĐ của môn học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Phần thứ hai : Giới thiệu một số đề ôn luyện kiến thức theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh Đại học - Cao đẳng.

Phần thứ ba : Đáp án và hướng dẫn các đề thi ôn luyện kiến thức đã cho.

Phần thứ tư : Giới thiệu một số đề thi tuyển sinh Đại học – Cao đẳng năm 2009.

B. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

Năm 2010 là năm thứ hai cả nước thực hiện đồng thời chương trình Trung học phổ thông hiện hành. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có thông báo về cấu trúc đề thi và hình thức thi TNTHPT và TSĐH–CĐ theo chương trình THPT hiện hành thống nhất trong cả nước.

Việc ôn thi TNTHPT và TSĐH–CĐ cần phải **bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng** của Chương trình Trung học phổ thông và **theo cấu trúc đề thi.**

I. MÔN THI, HÌNH THỨC, THỜI GIAN THI VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài thi

1.1. Môn thi

a) Kì thi TNTHPT : Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chính thức về các môn thi TNTHPT vào khoảng cuối tháng 3 hằng năm.

b) Kì thi TSĐH–CĐ thực hiện theo quy chế tuyển sinh ĐH – CĐ các năm.

1.2. Hình thức thi

Các môn thi trong kì thi TNTHPT và kì thi TSĐH–CĐ như sau:

a) Thi theo hình thức tự luận đối với các môn : Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí.

b) Thi theo hình thức trắc nghiệm đối với các môn : Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật).

1.3. Thời gian làm bài thi của thí sinh (không kể thời gian phát đề)

a) Kì thi TNTHPT

– Các môn Ngữ văn và Toán : 150 phút/môn.

– Các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ : 60 phút/môn.

– Các môn còn lại : 90 phút/môn.

b) Kì thi TSĐH–CĐ

– Các môn Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí : 180 phút/môn.

- Các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ : 90 phút/môn.

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Nguyên tắc lập cấu trúc đề thi

a) Nội dung thi nằm trong chương trình THPT hiện hành, chủ yếu là chương trình lớp 12 (riêng môn thi Ngoại ngữ, sẽ có đề thi dành cho học sinh học chương trình ngoại ngữ 3 năm).

b) Đề thi đáp ứng cho tất cả các đối tượng thí sinh học lớp 12 THPT.

c) Theo quy chế thi hiện hành, thí sinh tự do phải thi cùng đề thi như thí sinh đang học lớp 12 THPT : thí sinh tự do phải tự cập nhật, bổ sung kiến thức theo các hình thức khác nhau để chuẩn bị cho việc dự thi.

2.2. Cấu trúc đề thi

a) Đề thi tốt nghiệp THPT

Đề thi dành cho các đối tượng thí sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, gồm: thí sinh học Ban Khoa học Tự nhiên, Ban Khoa học Xã hội và Nhân văn, Ban Cơ bản, thí sinh học trường THPT Kĩ thuật và thí sinh tự do. Đề thi được ra theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hiện hành, chủ yếu là chương trình lớp 12.

– Đối với các môn Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, đề thi mỗi môn gồm 2 phần :

+ Phần chung cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao.

+ Phần riêng ra theo từng chương trình : chương trình Chuẩn hoặc chương trình Nâng cao. Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài ; nếu làm cả hai phần riêng thì cả hai phần riêng đều không được chấm.

– Đối với các môn Ngoại ngữ : đề thi mỗi môn chỉ có phần chung dành cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao, không có phần riêng ; đồng thời, vẫn có đề thi dành cho học sinh học chương trình ngoại ngữ 3 năm.

b) Đề thi tuyển sinh Đại học–Cao đẳng

Đề thi được ra theo chương trình THPT hiện hành, chủ yếu là chương trình lớp 12.

– Đối với các môn : Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, đề thi mỗi môn gồm 2 phần :

+ Phần chung cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao.

+ Phần riêng ra theo từng chương trình: chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao. Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài ; nếu làm cả hai phần riêng thì cả hai phần riêng đều không được chấm.

– Đối với các môn Ngoại ngữ : đề thi mỗi môn chỉ có phần chung dành cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao, không có phần riêng.

II. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH THPT

Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình Trung học phổ thông được thể hiện cụ thể trong các Chương trình môn học, hoạt động giáo dục (gọi chung là môn học) và Chương trình cấp học.

1. Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình môn học *là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của môn học mà học sinh cần phải và có thể đạt được sau mỗi đơn vị kiến thức (mỗi bài, chủ đề, chủ điểm, mô đun).*

Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng thể hiện **mức độ** cần đạt về **kiến thức, kĩ năng đã được cho ở từng bài học.**

2. Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình cấp học *là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của các môn học mà học sinh cần phải và có thể đạt được sau từng giai đoạn học tập trong cấp học.*

III. YÊU CẦU VÀ MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT KHI ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐH–CĐ

1. Đối với thi tốt nghiệp THPT

1.1. Yêu cầu ôn tập

Nội dung ôn tập. Ôn tập toàn bộ chương trình (chủ yếu kiến thức lớp 12), không nên học tủ, học lệch. Trong quá trình ôn tập cần bám sát các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng ở các mức độ đã được quy định trong chương trình môn học.

1.2. Mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng

Về kiến thức : Yêu cầu học sinh phải nhớ, nắm vững, hiểu rõ các kiến thức cơ bản trong chương trình và sách giáo khoa.

Về kĩ năng : Biết vận dụng những kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi hoặc giải bài tập; có kĩ năng tính toán, vẽ hình, dựng biểu đồ, bản đồ...

2. Đối với thi Đại học–Cao đẳng

2.1. Yêu cầu ôn tập

Nội dung ôn tập. Ôn tập toàn bộ chương trình đã học, không học tủ, học lệch. Bám sát yêu cầu, mức độ của thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng. Trong quá trình ôn tập cần nâng cao kiến thức và kĩ năng cơ bản, đồng thời cần nâng cao khả năng suy luận, năng lực tư duy, sáng tạo.

2.2. Mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng

Về kiến thức : Yêu cầu học sinh phải nắm vững, hiểu bản chất, hiểu sâu các kiến thức trong chương trình và sách giáo khoa.

Về kĩ năng : Vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi hoặc giải bài tập ; có kĩ năng tính toán, vẽ hình, dựng biểu đồ, bản đồ...

IV. HÌNH THỨC CÂU HỎI, BÀI TẬP CỦA ĐỀ THI TRONG CẤU TRÚC ĐỀ THI

Trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh ĐH–CĐ, hai hình thức được sử dụng là trắc nghiệm tự luận (tự luận) và trắc nghiệm khách quan (trắc nghiệm). Môn nào thi trắc nghiệm, môn nào thi tự luận đã giới thiệu ở mục 1.2.

1. Tự luận

Tự luận là hình thức kiểm tra, thi mà trong đó đề kiểm tra, thi gồm các câu hỏi dạng mở, yêu cầu thí sinh phải trình bày nội dung trả lời các câu hỏi trong một bài viết để giải quyết vấn đề nêu ra.

2. Trắc nghiệm

Trắc nghiệm là hình thức kiểm tra, thi mà trong đó đề kiểm tra, thi thường gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu nêu ra một vấn đề cùng với những thông tin cần thiết, sao cho thí sinh chỉ phải trả lời vắn tắt đối với từng câu hỏi.

3. Ôn luyện theo cấu trúc đề thi

Những đề thi đưa ra minh hoạ đã được tác giả tuân thủ theo cấu trúc quy định và phủ rộng theo yêu cầu kiến thức, kĩ năng của mỗi kì thi.

Các tác giả hi vọng học sinh trong quá trình ôn tập hãy tự mình làm theo các đề đã cho, sau đó đối chiếu với phần đáp án ; so sánh từng câu đã làm với đáp án ở phần thứ ba để xem câu nào làm đúng, câu nào làm sai, tìm nguyên nhân vì sao mình làm sai. Bằng cách đó, học sinh có thể tự đánh giá được kết quả ôn tập của mình.

Phần thứ nhất

NỘI DUNG ÔN TẬP THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

A. NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT

ĐỐI VỚI HỌC SINH HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

1. Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 2000

Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945–1949)

- Liên Xô và các nước Đông Âu (1945–1991). Liên bang Nga (1991–2000)
- Các nước Đông Bắc Á
- Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ
- Các nước châu Phi và Mĩ Latinh
- Nước Mĩ
- Tây Âu

Nhật Bản

Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh

- Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX

2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến đầu năm 1930
- Phong trào cách mạng 1930-1935
- Phong trào dân chủ 1936–1939

Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2–9–1945 đến trước ngày 19-12-1946
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)

– Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951–1953)

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 1954)

– Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 1965)

Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu, vừa sản xuất (1965–1973)

- Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973–1975)

Việt Nam trong năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975

- Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976–1986)

Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)

Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000.

ĐỐI VỚI HỌC SINH HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO

1. Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 2000

– Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945–1949)

Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991). Liên bang Nga (1991- 2000)

Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên

- Các nước Đông Nam Á

Ấn Độ và khu vực Trung Đông

- Các nước châu Phi và Mĩ Latinh

– Nước Mĩ

– Tây Âu

– Nhật Bản

– Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh

– Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX

2. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

Những chuyển biến mới về kinh tế và xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến đầu năm 1930
- Phong trào cách mạng 1930 - 1935
- Phong trào dân chủ 1936- 1939

Phong trào giải phóng dân tộc (1939--1945)

- Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2--9 1945 đến trước ngày 19- 12 1946

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946--1950)

Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 1953)

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953- 1954)

Miền Bắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ Diệm, gìn giữ hoà bình (1954 1960)

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1961-1965)

Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mĩ (1965 1968)

Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1969--1973)

- Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 1975)

Việt Nam trong năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975

- Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 1986)
- Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986- 2000)

B. NỘI DUNG ÔN THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

1. Lịch sử thế giới từ năm 1917 đến năm 1945

Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929–1933 và hậu quả của nó

- Đại hội II (1920) và Đại hội VII (1935) của Quốc tế Cộng sản
- Mặt trận Nhân dân Pháp
- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945).

2. Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 2000

Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945–1949)

- Liên Xô và các nước Đông Âu (1945–1991) ; Liên bang Nga (1991–2000)

Các nước Đông Bắc Á

- Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ

Các nước châu Phi và Mĩ Latinh

- Nước Mĩ
- Tây Âu
- Nhật Bản
- Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh

Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX

3. Lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất

- Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 1914)

Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất

Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914- 1918).

4. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930
- Phong trào cách mạng 1930- 1935
- Phong trào dân chủ 1936–1939

Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939–1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời

– Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2–9–1945 đến trước ngày 19-12–1946

Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946–1950)

– Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951–1953)

– Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953–1954)

– Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954–1965)

Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965–1973)

Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

– Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973–1975)

Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước

– Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976–1986)

– Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986–2000)

Phần thứ hai

MỘT SỐ ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

A. GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ĐỀ SỐ 1 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm)*. Trình bày chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2 *(4 điểm)*. Hãy cho biết chủ trương – kế hoạch của ta và các cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 1954 của quân dân ta.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*. Trình bày những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2 1945).

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*. Hãy cho biết sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động và vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay.

ĐỀ SỐ 2 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm)*. Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Câu 2 *(4 điểm)*. Phong trào Đồng khởi 1959 – 1960 nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Diễn biến, kết quả, ý nghĩa.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc và sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

ĐỀ SỐ 3 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 1939 và tháng 5 1941 đã quyết định những chủ trương mới như thế nào ?

Câu 2 *(4 điểm).* Trình bày những thành tựu và yếu kém về kinh tế – xã hội của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986–1990).

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự thành lập nhà nước này.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973.

ĐỀ SỐ 4 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng và nhân dân ta từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) diễn ra như thế nào ?

Câu 2 *(4 điểm).* Chiến dịch Biên giới thu–đông 1950 diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử mới nào ? Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1973.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy nêu những sự kiện dẫn tới tình trạng Chiến tranh lạnh giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

ĐỀ SỐ 5 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Những khó khăn của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được Đảng và Chính phủ cách mạng giải quyết như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa.

Câu 2 *(4 điểm).* Nhân dân miền Nam chiến đấu đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) của Mĩ và tay sai như thế nào ?

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Trình bày những nét chính của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

ĐỀ SỐ 6 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (1965 - 1968).

Câu 2 *(4 điểm).* Trình bày những nét chính về diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu những thành tựu trong công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945–1950).

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết những biểu hiện về sự đối lập nhau giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

ĐỀ SỐ 7 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Nêu âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", "Đông Dương hoá chiến tranh" (1969 – 1973).

Câu 2 *(4 điểm).* Trình bày diễn biến của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Hãy cho biết sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết sự thành lập, mục tiêu và kết quả hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế.

ĐỀ SỐ 8 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hãy cho biết nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Câu 2 *(4 điểm).* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9–1960) của Đảng được họp trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Nêu ý nghĩa và nội dung.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày sự ra đời, mục tiêu và vai trò của tổ chức Hiệp ước Vácsava.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết quá trình khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

ĐỀ SỐ 9 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hãy cho biết những chuyển biến về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.

Câu 2 *(4 điểm).* Hậu phương của ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ sau Đại hội II (2 - 1951) của Đảng đã phát triển mọi mặt như thế nào ?

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết đường lối và thành tựu của công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc.

ĐỀ SỐ 10 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 - 1925.

Câu 2 *(4 điểm).* Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Hãy cho biết tình hình Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

ĐỀ SỐ 11 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày sự ra đời và hoạt động của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 2 *(4 điểm).* Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965–1968) của Mĩ và giành thắng lợi như thế nào ?

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu những biến đổi của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Tóm tắt diễn biến các cuộc chiến tranh cục bộ trong cục diện đối đầu Đông – Tây từ năm 1945 đến năm 1975.

ĐỀ SỐ 12 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày nội dung chính của bản Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2 *(4 điểm).* Nêu ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày khái quát quá trình đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1950.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập tổ chức ASEAN.

ĐỀ SỐ 13 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2- ÔLKT...MLICHSỬ-DN

Câu 2 *(4 điểm).* Trình bày những kết quả và hạn chế của công cuộc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế ở miền Bắc trong những năm 1954 -1957.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu những nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và những cải cách dân chủ từ năm 1945 đến năm 1952.

ĐỀ SỐ 14 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày sự ra đời, hoạt động và vai trò của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 2 *(4 điểm).* Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được thể hiện trong những văn kiện nào ? Nêu nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến đó.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952 – 1973.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy nêu những sự kiện chứng tỏ xu thế hoà hoãn giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

ĐỀ SỐ 15 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hãy cho biết vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2 *(4 điểm).* Nêu hoàn cảnh lịch sử và diễn biến khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8–1945. Tác dụng của cao trào kháng Nhật cứu nước đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày các xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Vì sao hai siêu cường Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh ?

B. GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG

ĐỀ SỐ 1 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trên cơ sở trình bày những chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, hãy cho biết các giai cấp ở Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào ?

Câu 2 *(2 điểm).* Trình bày nội dung Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam và hãy cho biết vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam ?

Câu 3 *(2 điểm).* Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 –1954 của quân và dân ta diễn ra như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trên cơ sở trình bày sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc, hãy cho biết vai trò của tổ chức này từ khi thành lập đến nay.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết đường lối và thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.

ĐỀ SỐ 2 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Phong trào dân chủ 1936–1939 đã diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào ? Nêu các hình thức đấu tranh trong thời kì này.

Câu 2 *(2 điểm).* Đại hội đại biểu lần thứ II (2–1951) của Đảng được họp trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Nêu nội dung và ý nghĩa của Đại hội.

Câu 3 *(2 điểm).* Từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951), hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta đã phát triển về mọi mặt như thế nào ? Nêu vai trò của hậu phương đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu hoàn cảnh và những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2–1945).

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc và sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

ĐỀ SỐ 3 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Tại sao nói tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" ? Những khó khăn đó đã được Đảng và Chính phủ cách mạng giải quyết như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa.

Câu 2 *(2 điểm).* Hãy cho biết hoàn cảnh kí kết, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ 1954 về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương. Nêu hạn chế của nội dung Hiệp định.

Câu 3 *(2 điểm).* Nêu tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời như thế nào ? Nêu ý nghĩa của sự thành lập nhà nước này.

ĐỀ SỐ 4 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày nội dung, ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11–1939 và Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương (5–1941).

Câu 2 *(2 điểm).* Phân tích tính thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Tại sao nói thời cơ Cách mạng tháng Tám là thời cơ "ngàn năm có một" ?

Câu 3 *(2 điểm).* Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ – Chính quyền Sài Gòn trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961–1965). Nhân dân miền Nam chiến đấu đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ như thế nào ?

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Hãy cho biết những biến đổi của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Theo em, biến đổi nào là quan trọng nhất ? Vì sao ?

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Nêu tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật và chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973.

ĐỀ SỐ 5 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng và nhân dân ta từ sau Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương (5–1941). Nêu ý nghĩa của công cuộc chuẩn bị đó.

Câu 2 *(2 điểm).* Trình bày những thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965–1968).

Câu 3 *(2 điểm).* Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952 – 1973.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy nêu và phân tích những sự kiện chứng tỏ xu thế hoà hoãn giữa hai phe – TBCN và XHCN.

ĐỀ SỐ 6 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925. Nêu vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2 *(2 điểm).* So sánh chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh giữa thời kì 1936 – 1939 với thời kì 1930 – 1931.

Câu 3 *(2 điểm).* Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ? Nêu nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày đặc điểm, những thành tựu chính của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Nêu các xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.

ĐỀ SỐ 7 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày sự ra đời, hoạt động và vai trò của các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 2 *(2 điểm).* Nêu hoàn cảnh lịch sử và diễn biến khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8–1945. Tác dụng của cao trào kháng Nhật cứu nước đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Câu 3 *(2 điểm).* Trình bày những thắng lợi chung của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trong chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969–1973).

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và những cải cách dân chủ từ năm 1945 đến năm 1952.

ĐỀ SỐ 8 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí trong bối cảnh lịch sử như thế nào ? Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định.

Câu 2 *(2 điểm).* Nêu nội dung chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng ta. Trình bày những nét chính về diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 3 *(2 điểm).* Nêu những thành tựu và yếu kém về kinh tế – xã hội của nước ta trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1986–1990 thực hiện đường lối đổi mới.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy nêu và phân tích những sự kiện dẫn tới tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai phe – TBCN và XHCN.

ĐỀ SỐ 9 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Sự thành lập, hoạt động của Mặt trận Việt Minh. Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 2 *(2 điểm).* Trình bày âm mưu và hành động của Pháp – Mĩ ở Điện Biên Phủ. Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 3 *(2 điểm).* Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga.

PHẦN RIÊNG (3 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày khái quát quá trình đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1950.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Nêu những nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

ĐỀ SỐ 10 (thời gian làm bài 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trình bày những nét chính về diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nêu ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 2 *(2 điểm)*. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951).

Câu 3 *(2 điểm)*. Nêu những thành tựu của công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 –1965).

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*. Hãy cho biết đường lối và thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

ĐỀ SỐ 11 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm)*. Xô viết Nghệ – Tĩnh ra đời và hoạt động như thế nào ? Nêu ý nghĩa của nó đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 2 *(2 điểm)*. Nêu hoàn cảnh lịch sử và diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 3 *(2 điểm)*. Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*. Trình bày đặc điểm, những thành tựu chính và tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*. Trình bày cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc của nhân dân Lào từ năm 1945 đến năm 1975.

ĐỀ SỐ 12 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm)*. Bằng kiến thức lịch sử về cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1930, hãy làm sáng tỏ công lao của Người đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 2 *(2 điểm).* Chiến dịch Việt Bắc thu–đông 1947 diễn ra như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa của chiến dịch.

Câu 3 *(2 điểm).* Hãy cho biết điều kiện lịch sử để Đảng ta đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. Nêu nội dung, ý nghĩa của chủ trương, kế hoạch đó.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Tổ chức Hiệp ước Vácsava được hình thành và tác động đối với tình hình thế giới như thế nào ?

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Trình bày khái quát phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Trung Đông và cuộc kháng chiến của nhân dân Palextin từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

ĐỀ SỐ 13 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ – chính quyền Sài Gòn trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961–1965).

Câu 2 *(2 điểm).* Nêu những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961–1965).

Câu 3 *(2 điểm).* Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Khái quát tình hình Inđônêxia sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Xu thế toàn cầu hoá được thể hiện trên những lĩnh vực nào ? Vì sao nói : Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển ?

ĐỀ SỐ 14 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trên cơ sở trình bày hoàn cảnh ra đời và những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, hãy làm rõ vai trò của tổ chức này đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 2 *(2 điểm).* Hãy cho biết những khó khăn và thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 3 *(2 điểm).* Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu, hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn những năm đầu, từ sau Hiệp định Pari 1973 đến trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã diễn ra như thế nào ?

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày cuộc đấu tranh của nhân dân Cuba lật đổ chế độ độc tài Batixta.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Cuộc phong toả Béclin và bức tường Béclin đã được dựng lên như thế nào ?

ĐỀ SỐ 15 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Những nét chính về công cuộc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa từ sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5–1941) đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Câu 2 *(2 điểm).* Hãy cho biết hoàn cảnh ra đời và nội dung của kế hoạch Nava.

Câu 3 *(2 điểm).* Trình bày diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày những nét chính về Campuchia từ năm 1945 đến năm 1993.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết nguyên nhân dẫn đến sự mất ổn định ở khu vực Trung Đông. Nêu tiến trình hoà giải ở đây.

ĐỀ SỐ 16 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 3 *(3 điểm).* Hãy cho biết những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác động gì đến phong trào cách mạng Việt Nam ?

Câu 2 *(2 điểm).* Nêu hoàn cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng trong thời kì 1936 – 1939.

Câu 3 *(2 điểm).* Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi nào của quân và dân ta buộc Pháp phải chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài với ta ? Nêu âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch đó.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Nêu nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Theo em, nguyên nhân nào là cơ bản ? Tại sao ?

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết tình hình Liên bang Nga trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX đến nay.

ĐỀ SỐ 17 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Trong giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1945, có những sự kiện lịch sử thế giới nào ảnh hưởng, tác động đến cách mạng Việt Nam ?

Câu 2 *(2 điểm).* Nêu nội dung, ý nghĩa của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5–1941).

Câu 3 *(2 điểm).* Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trong thời gian từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã đạt được những thành tựu gì ? Nêu ý nghĩa của những thành tựu đó.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Trình bày cuộc kháng chiến của nhân dân Lào chống thực dân, đế quốc xâm lược trong những năm 1945 – 1975.

ĐỀ SỐ 18 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã thực hiện chủ trương, sách lược gì để đối phó với âm mưu mới của thực dân Pháp từ sau ngày 2 -9- 1945 đến trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ ?

Câu 2 *(2 điểm).* Nêu những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở hai miền Bắc – Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954–1975).

Câu 3 *(2 điểm).* Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của phong trào Đồng khởi 1959 1960 ở miền Nam.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Sau khi giành độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế gì ? Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược phát triển kinh tế đó.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Xu thế toàn cầu hoá ngày nay được biểu hiện như thế nào ? Vì sao nói toàn cầu hoá vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các dân tộc đang phát triển ?

ĐỀ SỐ 19 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Tại sao thực dân Pháp đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ? Nêu nội dung các chính sách khai thác của Pháp ở Việt Nam.

Câu 2 *(2 điểm).* Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời như thế nào ? Nêu nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2–9–1945.

Câu 3 *(2 điểm).* Nêu sự giống và khác nhau giữa chiến lược chiến tranh của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam : Chiến tranh cục bộ và Việt Nam hoá chiến tranh.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Trình bày khái quát về chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000. Hãy cho biết đường lối đối ngoại của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì ?

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Mâu thuẫn Đông–Tây và Chiến tranh lạnh đã bắt đầu như thế nào ?

ĐỀ SỐ 20 (thời gian làm bài 90 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(3 điểm).* Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy chứng minh rằng : Từ năm 1925 đến năm 1929, phong trào công nhân Việt Nam có sự chuyển biến rõ rệt so với giai đoạn trước. Nêu vai trò của phong trào công nhân đối với sự ra đời của Đảng.

Câu 2 *(2 điểm).* So sánh chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng, hình thức đấu tranh giữa thời kì 1936–1939 với thời kì 1930–1931.

Câu 3 *(2 điểm).* Nêu sự giống nhau và khác nhau về hoàn cảnh kí kết, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Pari.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm).* Những nét chính về tình hình Tây Âu từ năm 1973 đến năm 2000.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm).* Hãy cho biết đặc điểm tình hình thế giới thời kì sau Chiến tranh lạnh.

Phần thứ ba

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỂ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG

A. ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM ĐỂ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP THPT

ĐỀ SỐ 1

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.**	**3 điểm**
	Ở Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam, Pháp thực hiện công cuộc khai thác thuộc địa lần hai, từ năm 1919 đến trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929–1933). ***a) Kinh tế :*** Pháp đầu tư mạnh với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam, từ năm 1924 đến năm 1929, số vốn đầu tư khoảng 4 tỉ phrăng.	
	- *Nông nghiệp :* được đầu tư nhiều nhất, tăng cường cướp đoạt ruộng đất của nông dân, chủ yếu để trồng cao su.	
	– *Công nghiệp :* Mở mang các ngành dệt, muối, xay xát... chú trọng khai thác mỏ, chủ yếu là mỏ than, ngoài ra còn khai thác thiếc, kẽm, sắt...	
	– *Thương nghiệp :* Ngoại thương phát triển, giao lưu buôn bán nội địa được đẩy mạnh. Tăng cường chính sách bảo hộ hàng hoá, đặt hàng rào thuế quan để độc chiếm thị trường.	
	– *Giao thông vận tải :* Hệ thống đường sắt phát triển, các tuyến đường thuỷ, bộ cũng được mở rộng, nhiều hải cảng được mở rộng và xây dựng. Các đô thị phát triển, dân cư đông đúc.	

	Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành giấy bạc và cho vay lãi.	
	- *Tăng thu thuế :* năm 1930 ngân sách Đông Dương thu tăng gấp 3 lần so với năm 1912.	
	– *Hậu quả :* Pháp du nhập vào Việt Nam quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xen kẽ với quan hệ sản xuất phong kiến, kinh tế Việt Nam có những chuyển biến rõ rệt so với trước chiến tranh, nhưng về cơ bản, kinh tế Việt Nam vẫn bị kìm hãm và lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.	
	b) Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp	
	- *Về chính trị :* Tăng cường cai trị và khai thác thuộc địa. Bộ máy cảnh sát, mật thám, nhà tù hoạt động ráo riết. Chính sách "chia để trị", lợi dụng bộ máy cường hào của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn..., đưa thêm người Việt vào làm trong các công sở.	
	Văn hoá – giáo dục : Hệ thống giáo dục Pháp – Việt được mở rộng, ưu tiên xuất bản các sách báo nhằm cổ vũ cho chủ trương "Pháp – Việt đề huề". Du nhập các trào lưu tư tưởng, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, nghệ thuật phương Tây vào Việt Nam. Các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và ngoại lai nô dịch cùng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.	
2	**Hãy cho biết chủ trương – kế hoạch và cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân ta ?**	**4 điểm**
	a) Chủ trương – kế hoạch của ta trong Đông – Xuân 1953–1954 - Tập trung lực lượng mở những cuộc *tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược* mà ở đó địch tương đối yếu nhưng chúng không thể bỏ, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, *đồng thời buộc địch phải bị động phân tán lực lượng* đối phó với ta... - Phương châm : Tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.	

	b) Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954	
	– Ngày 10–12–1953, một bộ phận quân chủ lực của ta tiến công thị xã Lai Châu, giải phóng Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Nava buộc phải đưa 6 tiểu đoàn cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của quân Pháp.	
	- Đầu tháng 12–1953, liên quân Lào – Việt mở cuộc tiến công địch vào hướng Trung Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng thị xã Thà Khẹt, bao vây, uy hiếp Xavanakhét và căn cứ Xênô. Nava buộc phải tăng cường lực lượng cho Xênô, *Xênô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba* của thực dân Pháp.	
	– Cuối tháng 1–1954, liên quân Việt–Lào mở cuộc tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phongxalì. Nava buộc phải đưa quân từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Luông Phabang và Mường Sài, biến hai địa điểm này thành *nơi tập trung binh lực thứ tư* của quân Pháp.	
	– Đầu tháng 2–1954, giữ vững quyền chủ động đánh địch, bộ đội chủ lực của ta bất ngờ tiến công Bắc Tây Nguyên, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, uy hiếp Plâyku, buộc Pháp phải tăng cường lực lượng cho Plâyku. Plâyku biến thành nơi tập trung *binh lực thứ năm* của địch.	
	– Phối hợp chặt chẽ với mặt trận chính diện, phong trào chiến tranh du kích đã phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch từ đồng bằng Bắc Bộ đến Bình – Trị – Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ, làm cho địch phải phân tán thêm lực lượng để chống đỡ.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2–1945).	
	– Hội nghị họp tại Ianta (Liên Xô) từ ngày 4 đến ngày 11–2–1945 với sự tham gia của nguyên thủ ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh (Xtalin, Rudoven và Sócsin). Hội nghị đã đưa ra những quyết định quan trọng :	

	– Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ; Liên Xô đã tham chiến chống Nhật ở châu Á.	
	– Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.	
	– Phân chia khu vực đóng quân và khu vực ảnh hưởng giữa ba cường quốc.	
	– Toàn bộ những thoả thuận tại Hội nghị đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự hai cực Ianta.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động và vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay.	
	- *Thành lập* : Thực hiện nghị quyết của Hội nghị Ianta, từ ngày 25–4 đến ngày 26–6–1945, đại biểu của 50 nước đã họp tại thành phố XanPhranxixcô (Mĩ) để thông qua Hiến chương thành lập Liên hợp quốc. Ngày 24–10–1945, Hiến chương có hiệu lực.	
	– Mục đích của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình, an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.	
	- Nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc, gồm 5 nguyên tắc là : Bình đẳng chủ quyền ; Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập của các nước ; Không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác ; Giải quyết hoà bình các tranh chấp ; Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn – Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.	
	– Vai trò : Trong hơn nửa thế kỉ qua, Liên hợp quốc đã trở thành một diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Có nhiều cố gắng trong việc giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực, thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế...	

ĐỀ SỐ 2

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.**	**3 điểm**
	a) Hoàn cảnh	
	Cuối năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh, trong đó giai cấp công nhân thực sự trở thành lực lượng tiên phong.	
	Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời năm 1929, nhưng lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, làm cho phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ chia rẽ lớn.	
	Được tin Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất Đảng ở Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc) từ ngày 6–1–1930 đến ngày 7–2–1930.	
	b) Nội dung Hội nghị	
	Tại Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng lẻ.	
	Hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng).	
	c) Ý nghĩa : Thống nhất được ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị mang tầm vóc của một Đại hội thành lập Đảng. Đến Đại hội Đảng III (1960), quyết định lấy ngày 3–2 hằng năm làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.	
2	**Phong trào Đồng khởi 1959–1960 nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Diễn biến, kết quả, ý nghĩa.**	**4 điểm**
	a) Hoàn cảnh lịch sử	
	Trong những năm 1957–1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Tháng 5–1957, Ngô Đình Diệm ban hành đạo	

luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Luật 10/59 công khai chém giết hàng vạn cán bộ, đảng viên, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày.

Đấu tranh hoà bình, chính trị của nhân dân miền Nam không còn phù hợp nữa, đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

Tháng 1–1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền của Mĩ – Diệm...

b) Diễn biến

Phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương, như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) tháng 2–1959, Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8–1959, lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

Tại Bến Tre, ngày 17–1–1960, phong trào nổ ra ở các xã Định Thuỷ, Bình Khánh, Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện và các huyện Giồng Trôm, Thạnh Phú, ...

Quần chúng nổi dậy giải tán chính quyền địch, thành lập Uỷ ban tự quản, thành lập lực lượng vũ trang.

Phong trào Đồng khởi như nước vỡ bờ, lan nhanh ra khắp các tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh ở miền Trung Trung Bộ.

c) Kết quả

Phong trào Đồng khởi đã phá sập từng mảng lớn chính quyền địch ở các thôn xã, chính quyền về tay nhân dân....

Từ trong phong trào Đồng khởi, ngày 20–12–1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Mặt trận chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc... đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tập đoàn Ngô Đình Diệm.

d) Ý nghĩa lịch sử

Phong trào Đồng khởi thắng lợi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, chấm dứt thời kì tạm thời ổn định của chính quyền địch, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

	Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đánh dấu bước ngoặt, bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền Nam đồng thời cũng là thất bại có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của Mĩ – Diệm.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Nêu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.	
	Về công nghiệp : Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ), một số ngành có sản lượng cao nhất thế giới như dầu mỏ, than, thép..., đi đầu trong lĩnh vực công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân...	
	Về nông nghiệp : tuy gặp nhiều khó khăn nhưng trong những năm 60, sản lượng nông phẩm hằng năm tăng 16%.	
	Về khoa học–kĩ thuật : Liên Xô là nước đầu tiên trên thế giới phóng thành công vệ tinh nhân tạo (năm 1957) và đưa con người vào vũ trụ (Iuri Gagarin, năm 1961), mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.	
	Về xã hội : Tỉ lệ công nhân chiếm hơn 55% lao động trong cả nước. Trình độ học vấn của người dân được nâng cao.	
	Về đối ngoại : Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình, an ninh thế giới, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc và sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	
	a) Hoàn cảnh ra đời	
	Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển kinh tế và văn hoá, đòi hỏi phải tăng cường hợp tác giữa các nước.	
	Đồng thời, họ muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc đối với khu vực, nhất là cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Đông Dương đang bị sa lầy và thất bại là không thể tránh khỏi.	

	Những tổ chức có tính khu vực xuất hiện ngày càng nhiều, sự thành công của Khối thị trường chung châu Âu đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau. Ngày 8-8–1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với 5 nước đầu tiên là Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan và Xingapo.	
	b) Mục tiêu : Phát triển kinh tế và văn hoá thông qua sự hợp tác giữa các nước thành viên vì một Đông Nam Á hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.	
	c) Nguyên tắc hoạt động : Hiệp ước Bali đã xác định những nguyên tắc cơ bản là tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau ; không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ bằng vũ lực ; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình ; hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và xã hội.	
	d) Sự phát triển của ASEAN Tổ chức ASEAN không ngừng mở rộng các thành viên tham gia, nhất là từ thập kỉ 90. Năm 1984, Brunây gia nhập ASEAN, năm 1995 - Việt Nam, năm 1997 – Lào và Mianma, năm 1999 - Campuchia. Từ 5 nước sáng lập ban đầu, đến năm 1999 ASEAN đã phát triển thành 10 nước thành viên.	

ĐỀ SỐ 3

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11–1939 và tháng 5–1941 đã đề ra những chủ trương mới như thế nào ?**	**3 điểm**
	a) Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11–1939 Tháng 11–1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Bà Điểm (Hóc Môn–Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.	

	Xác định ***nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt*** là đánh đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương độc lập.
	Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc ; chống tô cao, lãi nặng ; thay khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết bằng khẩu hiệu lập Chính phủ Dân chủ Cộng hoà.
	Phương pháp đấu tranh, chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai ; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.
	Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
	Đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng : đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì chuẩn bị trực tiếp cho cuộc vận động cứu nước.
	b) Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (5–1941)
	Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, triệu tập Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 8 ở Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19–5–1941.
	Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.
	Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới người cày có ruộng... Sau khi đánh đuổi Pháp – Nhật, sẽ thành lập Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
	Thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, thay tên các hội Phản đế thành hội Cứu quốc và giúp đỡ Lào, Campuchia thành lập mặt trận.
	Ngày 19-5-1941, thành lập Mặt trận Việt Minh. Năm tháng sau, Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ của Việt Minh được công bố chính thức.
	Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 8 đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ Hội nghị tháng 11–1936.

2	**Trình bày những thành tựu và yếu kém về kinh tế – xã hội của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986–1990).**	**4 điểm**
	a) Thành tựu	
	Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, đến năm 1989, chúng ta đã đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, đến năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.	
	Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.	
	Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh. Từ năm 1986 đến năm 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần. Năm 1989, ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng với xuất khẩu.	
	Đã kiềm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hằng tháng năm 1986 là 20% thì năm 1990 là 4,4%. Nhờ đó, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh.	
	Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước... tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng sản phẩm cho xã hội.	
	b) Hạn chế, yếu kém	
	Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài.	
	Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút.	
	Sự nghiệp văn hoá có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ, mất dân chủ... còn nặng nề và phổ biến.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Trình bày sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự thành lập nhà nước này.

a) Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

Sau chiến tranh chống Nhật kết thúc, ở Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản (1946–1949).

Ngày 20 7 1946, cuộc nội chiến bùng nổ. Trong giai đoạn đầu, Quân giải phóng Trung Quốc đã chủ trương phòng ngự tích cực (7-1946 đến 6–1947).

Từ tháng 6 1947, Quân giải phóng chuyển sang phản công, lần lượt giải phóng các vùng do Quốc dân đảng kiểm soát.

Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch bỏ chạy ra đảo Đài Loan.

Ngày 1-10–1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập do Mao Trạch Đông làm Chủ tịch.

b) Ý nghĩa

Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Hãy cho biết tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973.

a) Về kinh tế

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ.

Công nghiệp : Khoảng nửa sau những năm 40, Mĩ chiếm hơn nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

	Nông nghiệp : Năm 1949, sản lượng nông nghiệp của Mĩ bằng hai lần sản lượng của Anh, Pháp, Đức, Iatlia, Nhật Bản cộng lại.	
	Mĩ nắm 50% tàu bè trên biển, 3/4 dự trữ vàng của thế giới, kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.	
	Khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.	
	b) Về khoa học – kĩ thuật	
	Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực : khoa học cơ bản, chế tạo công cụ sản xuất mới, sáng chế ra những vật liệu mới, tìm kiếm nguồn năng lượng mới, cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp và công cuộc chinh phục vũ trụ.	

ĐỀ SỐ 4

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng và nhân dân ta từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5–1941) đã diễn ra như thế nào ?**	**3 điểm**
	a) Xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang	
	- Xây dựng lực lượng chính trị	
	Nhiệm vụ cấp bách là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc. Năm 1942, khắp các châu của Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc. Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập.	
	Ở Bắc Kì và Trung Kì, các Hội phản đế chuyển thành các Hội cứu quốc, nhiều Hội cứu quốc mới được thành lập.	
	Năm 1943, Đảng đưa ra bản "Đề cương văn hoá Việt Nam". Năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam và Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam được thành lập và đứng trong Mặt trận Việt Minh. Đảng cũng tăng cường vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp và ngoại kiều Đông Dương chống phát xít.	

	– Xây dựng lực lượng vũ trang Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, đội du kích Bắc Sơn được thành lập và hoạt động tại căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai. Năm 1941, các đội du kích Bắc Sơn thống nhất thành Trung đội Cứu quốc quân I (2 1941), phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (7–1941 đến 2–1942). Tháng 9–1941, Trung đội Cứu quốc quân II ra đời. Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập đội tự vệ vũ trang, tổ chức các lớp huấn luyện chính trị – quân sự...	
	– Xây dựng căn cứ địa cách mạng Hội nghị Trung ương tháng 11–1940 chủ trương xây dựng căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để thí điểm xây dựng căn cứ địa.	
	b) Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền Tháng 2–1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh -Phúc Yên) vạch ra kế hoạch chuẩn bị toàn diện cho khởi nghĩa vũ trang. Khắp nông thôn, thành thị miền Bắc, các đoàn thể Việt Minh, các Hội Cứu quốc được thành lập.	
	Ở Bắc Sơn – Võ Nhai, Trung đội Cứu quốc quân III ra đời (2–1944). Ở Cao Bằng, các đội tự vệ vũ trang, đội du kích thành lập. Năm 1943, 19 ban xung phong "Nam tiến" được lập ra để liên lạc với căn cứ của Bắc Sơn – Võ Nhai và phát triển lực lượng xuống miền xuôi.	
	Tháng 5–1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa. Ngày 22–12–1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thành lập. Hai ngày sau, đánh thắng hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần.	
2	**Chiến dịch Biên giới thu–đông 1950 diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử mới nào ? Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch.**	**4 điểm**
	a) Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến	
	Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta có nhiều thuận lợi mới : cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời (1–10–1949). Tháng 1–1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.	

Về phía địch, Mĩ từng bước can thiệp sâu và "dính líu" trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương, Mĩ công nhận chính phủ bù nhìn Bảo Đại và đồng ý viện trợ kinh tế, quân sự cho Pháp...

Thực hiện kế hoạch Rơve, thực dân Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập "hành lang Đông – Tây" (Hải Phòng – Hà Nội – Hoà Bình – Sơn La), chuẩn bị kế hoạch quy mô lớn tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

b) Diễn biến chiến dịch Biên giới

Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm : tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch ; khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới ; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những điều kiện thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

Sáng 16 9–1950, quân ta nổ súng đánh vào vị trí Đông Khê mở đầu chiến dịch. Mất Đông Khê, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập, quân Pháp được lệnh rút khỏi Cao Bằng theo Đường số 4.

Để yểm trợ cho cuộc rút quân này, Pháp huy động quân từ Thất Khê tiến lên chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân từ Cao Bằng rút về ; đồng thời cho quân đánh lên Thái Nguyên để thu hút bớt chủ lực của ta.

Quân ta chủ động mai phục, chặn đánh địch trên Đường số 4 khiến cho hai cánh quân này không gặp được nhau... quân Pháp buộc phải rút về Na Sầm (8–10) ; ngày 13–10, rút khỏi Na Sầm về Lạng Sơn, cuộc hành quân của địch lên Thái Nguyên cũng bị quân ta chặn đánh.

Quân Pháp trở nên hoảng loạn, phải rút chạy. Đường số 4 được giải phóng ngày 22–10 1950.

c) Kết quả : loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 tên địch, giải phóng một vùng biên giới Việt–Trung từ Cao Bằng tới Đình Lập với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông–Tây, thế bao vây của địch đối với căn cứ Việt Bắc bị phá vỡ, kế hoạch Rơve bị phá sản.

	d) Ý nghĩa : Đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông ; quân đội ta trưởng thành ; ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1973.	
	a) Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1950	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Tây Âu bị tàn phá nặng nề, nhiều thành phố, nhà máy, khu công nghiệp, đường giao thông bị tàn phá.	
	Về kinh tế : Đến năm 1950, nền kinh tế đã được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh, trong đó viện trợ của Mĩ (kế hoạch Mácsan) đóng vai trò quan trọng.	
	Về chính trị : Ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị – xã hội trong nước. Nhiều nước Tây Âu tham gia Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ cầm đầu.	
	Đối ngoại : Nhiều nước trở lại xâm lược thuộc địa, Pháp tiến hành xâm lược Đông Dương ; Anh trở lại Miến Điện, Mã Lai ; Hà Lan trở lại Inđônêxia...	
	b) Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973	
	Về kinh tế : Nền kinh tế các nước Tây Âu có sự phát triển nhanh. Tây Âu trở thành một trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới, cùng với hai trung tâm khác là Mĩ và Nhật Bản.	
	Về chính trị : Nền dân chủ tư sản ở Tây Âu tiếp tục được củng cố, tuy nhiên đã diễn ra những cuộc đấu tranh lớn như các cuộc biểu tình, tổng đình công ở Pháp (tháng 5–1968) hoặc tổng đình công ở Italia (cuối năm 1968) góp phần làm thất bại cuộc đảo chính phản động của các tổ chức phát xít mới.	
	Về đối ngoại : Các nước Tây Âu vẫn liên minh chặt chẽ với Mĩ, đồng thời đa dạng hoá quan hệ ngoại giao. Nhiều nước đã dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ như Pháp, Thuỵ Điển, Phần Lan.	

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy nêu những sự kiện dẫn tới tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.	
	Sau năm 1945, hai nước Xô – Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh. Cụ thể với các *sự kiện sau* :	
	Sự kiện được coi là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô và gây nên Chiến tranh lạnh là thông điệp của Tổng thống Truman đọc tại Quốc hội Mĩ (12–3–1947)..., đề nghị viện trợ cho Thổ Nhĩ Kì và Hi Lạp, biến hai nước này thành căn cứ chống Liên Xô và Đông Âu.	
	Sự ra đời của kế hoạch Mácsan (6–1947), viện trợ cho các nước Tây Âu khoảng 17 tỉ USD nhằm phục hồi nền kinh tế, tạo nên sự đối lập về kinh tế và chính trị giữa Tây Âu – TBCN với Đông Âu – XHCN.	
	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ra đời (4–1949). Đây là liên minh quân sự lớn nhất do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.	
	Liên Xô và các nước Đông Âu đã thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (1 -1949) để hợp tác giúp đỡ lẫn nhau và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (5–1955) một liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước XHCN Đông Âu để chống lại chính sách thù địch của Mĩ và các nước phương Tây.	
	Sự ra đời của hai khối quân sự đã đánh dấu sự xác lập của cục diện hai phe, hai cực. Chiến tranh lạnh đã bao trùm toàn thế giới.	

ĐỀ SỐ 5

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Những khó khăn của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được Đảng và Chính phủ cách mạng giải quyết như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa.**	**3 điểm**
	a) Xây dựng chính quyền cách mạng	
	Ngày 6–1–1946, tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử, gần 90% cử tri đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu Quốc hội. Đây là	

	lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân.	
	Ngày 2–3–1946, Quốc hội đã thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp chính thức của nước Việt Nam mới, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và lập ra Ban dự thảo Hiến pháp.	
	Ở các địa phương Bắc Bộ và Trung Bộ, tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.	
	Lực lượng vũ trang được chú trọng xây dựng. Ngày 22–5–1946, Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, phát triển.	
	b) Giải quyết nạn đói	
	Để giải quyết nạn đói, Chính phủ đã đề ra những biện pháp cấp thời như tổ chức quyên góp, điều hoà thóc gạo giữa các địa phương... Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân "Nhường cơm sẻ áo". Nhân dân lập "Hũ gạo cứu đói", tổ chức "Ngày đồng tâm"...	
	Biện pháp lâu dài, đẩy mạnh "Tăng gia sản xuất". Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi "Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa !".	
	Đồng thời ta thực hiện bồi dưỡng sức dân, ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác của chế độ cũ, quy định ngày làm 8 giờ, ra thông tư giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công.	
	Nhờ những biện pháp trên, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi.	
	c) Giải quyết nạn dốt	
	Ngày 8–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ – chuyên trách chống "giặc dốt" và kêu gọi cả nước tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.	
	Đến ngày 8–9–1946, trên toàn quốc đã tổ chức gần 76 000 lớp học, xoá mù chữ cho hơn 2,5 triệu người. Đồng thời, trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng.	
	d) Giải quyết những khó khăn về tài chính	
	Trước mắt, Chính phủ kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp,	

	xây dựng "Quỹ độc lập", phát động "Tuần lễ vàng"... Chỉ trong thời gian ngắn nhân dân đã tự nguyện góp được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập, 40 triệu đồng cho Quỹ đảm phụ quốc phòng. Ngày 23–11–1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.	
2	**Nhân dân miền Nam chiến đấu đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961–1965) của Mĩ và tay sai như thế nào ?**	**4 điểm**
	a) Cuộc đấu tranh chống, phá "ấp chiến lược"	
	Cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra gay go, quyết liệt, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu. Cuối năm 1962, trên nửa tổng số "ấp chiến lược" với gần 70% nông dân toàn miền Nam vẫn do cách mạng kiểm soát.	
	Đến tháng 6–1965, địch chỉ còn kiểm soát 2200 ấp, vùng giải phóng của ta được mở rộng. Kế hoạch lập "ấp chiến lược" – xương sống của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ về cơ bản bị phá sản. Chính quyền Cách mạng các cấp được thành lập.	
	b) Phong trào đấu tranh chính trị:	
	Ở đô thị, nhất là tại các thành phố lớn như Sài Gòn – Huế, Đà Nẵng phong trào đấu tranh chính trị có những bước phát triển mạnh mẽ, diễn ra các cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, "đội quân tóc dài"...	
	c) Trên mặt trận quân sự	
	Ngày 2–1–1963, quân dân miền Nam đã giành được thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho) đập tan cuộc càn quét của trên 2000 quân địch có cố vấn Mĩ chỉ huy ; được pháo binh, máy bay, xe tăng... yểm trợ.	
	Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa quan trọng, đã đánh bại các chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của địch. Chiến thắng này đã chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, làm dấy lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" trên khắp miền Nam.	

	– Cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam làm cho kế hoạch Xtalây–Taylo bị phá sản. Ngày 1–11–1963, Mĩ giật dây các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn đảo chính giết anh em Ngô Đình Diệm. Chúng tiếp tục đưa ra kế hoạch Giônxơn–Mác Namara, nhằm bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm. Mặc dù vậy, từng mảng ấp chiến lược của địch tiếp tục bị phá vỡ.	
	Sau các chiến thắng lớn ở Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước) của quân dân miền Nam, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ bị thất bại hoàn toàn.	
	Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân miền Nam và cũng là thất bại của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, buộc địch phải thay đổi chiến lược quân sự, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).	
	Ngày 18–4–1951, "Cộng đồng than–thép châu Âu" được thành lập với sự tham gia của 6 nước Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua.	
	Ngày 25–3–1957, 6 nước trên đã kí Hiệp ước Rôma, thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).	
	Đến ngày 1–7–1967, 3 tổ chức trên được hợp nhất thành "Cộng đồng châu Âu" (EC).	
	Ngày 7–12–1991, các nước EC kí Hiệp ước Maxtrích (Hà Lan) có hiệu lực từ ngày 1–1–1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước.	
	Liên minh châu Âu từng bước đi tới hợp nhất (nhất thể hoá) về chính trị và kinh tế nhờ có một Nghị viện châu Âu (từ năm 1979), một đồng tiền chung châu Âu phát hành (đồng ơrô – Euro, từ ngày 1–1–1999) và ngày 1–1–2002 chính thức được sử dụng.	
	Ngày nay, Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực về kinh tế – chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm 1/4 GDP của thế giới, có trình độ khoa học–kĩ thuật tiên tiến.	

4- ÔLKT_MLICHSỬ-ĐN

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Trình bày những nét chính phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước châu Phi phát triển mạnh mẽ. Mở đầu là cuộc binh biến của binh lính và sĩ quan yêu nước Ai Cập (1952), lật đổ Vương triều Pharúc, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập (18–6–1953).	
	Cùng năm 1952, nhân dân Libi giành độc lập. Nhiều nước khác giành được độc lập : Tuynidi, Marốc và Xuđăng (năm 1956) ; Gana (năm 1957) ; Ghinê (năm 1958), đặc biệt là cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp (1954–1962) của nhân dân Angiêri thắng lợi.	
	Năm 1960, được gọi là "Năm châu Phi" với 17 nước châu Phi được trao trả độc lập. Năm 1975, với thắng lợi của nhân dân Ănggôla, Môdămbích, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó về cơ bản tan rã.	
	Từ sau năm 1975, các thuộc địa còn lại ở châu Phi đã giành được độc lập, nhân dân Nam Rôđêdia tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Dimbabuê (4–1980) và Namibia tuyên bố độc lập (3–1990).	
	Ở Nam Phi, trải qua cuộc đấu tranh lâu dài, bản Hiến pháp tháng 11–1993 đã chính thức xoá bỏ chủ nghĩa Apácthai. Sau cuộc bầu cử dân chủ (4–1994), Nenxơn Manđêla trở thành vị Tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử Nam Phi.	
	Tới đây, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ đã hoàn toàn sụp đổ ở châu Phi cũng như trên toàn thế giới.	

ĐỀ SỐ 6

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (1965 –1968).**	**3 điểm**
	Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.	

	Mĩ âm mưu nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hoả lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới "tìm diệt".	
	Cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về thế phòng ngự, buộc ta phải phân tán đánh nhỏ hoặc rút về biên giới.	
	Mĩ cho quân mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) và mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965–1966 và 1966–1967) bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào "Đất thánh Việt Cộng".	
2	**Trình bày những nét chính về diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.**	**4 điểm**
	a) Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4–3 đến 24–3)	
	Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ, nhưng địch nhận định sai hướng tiến công của quân ta nên chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng và bố phòng có nhiều sơ hở.	
	Ngày 10–3–1975, quân ta tiến công Buôn Ma Thuột – trận then chốt mở màn chiến dịch và giành thắng lợi (trước đó ngày 4 3 quân ta đánh nghi binh ở Plâyku và Kon Tum).	
	Ngày 12–3, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng không thành. Ngày 14–3–1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên. Trên đường rút chạy, địch bị quân ta truy kích tiêu diệt. Ngày 24–3–1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.	
	b) Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ 21–3 đến 29–3)	
	Ngày 21–3–1975, quân ta đánh thẳng vào căn cứ của địch ở Huế. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25–3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến ngày 26–3, ta giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.	
	Đà Nẵng, căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ và quân đội Sài Gòn rơi vào thế bị cô lập. Sáng 29–3–1975, quân ta từ 3 phía bắc, tây, nam tiến thẳng vào thành phố, 3 giờ chiều ta giải phóng toàn bộ Đà Nẵng.	

Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy đánh địch, giành quyền làm chủ.

c) Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26–4 đến 30–4)

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Bộ Chính trị nhận định "Thời cơ chiến lược đã đến", từ đó đi đến quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5–1975) ; chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được Bộ Chính trị quyết định mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh*.

17 giờ ngày 26–4–1975, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch. Năm cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

10 giờ 45 phút ngày 30–4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn. Dương Văn Minh vừa lên giữ chức Tổng thống chính quyền Sài Gòn ngày 28–4 đã phải đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Sau khi giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại đứng lên tiến công và nổi dậy. Ngày 2–5, Châu Đốc, tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Hãy cho biết những thành tựu trong công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945–1950).

Từ năm 1946 đến năm 1950, Liên Xô thực hiện kế hoạch 5 năm nhằm khôi phục nền kinh tế. Kế hoạch đã hoàn thành vượt mức trong 4 năm 3 tháng với những thành tích to lớn :

- Công nghiệp phục hồi năm 1947 ; tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% (1950) so với mức trước chiến tranh.
- Sản xuất nông nghiệp năm 1950 đạt mức trước chiến tranh.
- Khoa học–kĩ thuật phát triển nhanh chóng. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá thế độc quyền của Mĩ.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết những biểu hiện về sự đối lập giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.	
	a) Ở châu Âu	
	Sự chia cắt nước Đức và sự ra đời của hai nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức (9–1949) và Cộng hoà Dân chủ Đức (10–1949) với hai chế độ chính trị khác nhau.	
	Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu trong những năm 1945–1947 và tiến hành nhiều cải cách quan trọng như xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân, cải cách ruộng đất, ban hành các quyền tự do dân chủ...	
	Kế hoạch Mácsan của Mĩ thực hiện trong những năm 1947–1951 nhằm viện trợ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước này.	
	Năm 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập, nhờ đó sự hợp tác về chính trị, kinh tế... giữa Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu được củng cố, từng bước hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.	
	Kết quả là đưa tới sự hình thành hai hệ thống chính trị và kinh tế đối lập ở châu Âu – hệ thống tư bản chủ nghĩa và hệ thống xã hội chủ nghĩa.	
	b) Ở châu Á :	
	Việc nhà nước Đại Hàn Dân quốc và Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên thành lập cuối năm 1948 ; nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập (10–1949) là những sự kiện dẫn đến xuất hiện tình trạng phân cực thành hai phe ở Đông Á.	

ĐỀ SỐ 7

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Nêu âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", "Đông Dương hoá chiến tranh" (1969–1973).**	**3 điểm**
	Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ phải chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và mở rộng	

	chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh".	
	"Việt Nam hoá chiến tranh" là chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ được thực hiện bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân, hậu cần Mĩ và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.	
	Quân Mĩ và quân đồng minh sẽ rút dần khỏi chiến tranh để nhằm giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường.	
	Thực chất, đó là sự tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt".	
	Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong việc mở rộng xâm lược Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".	
	Mĩ còn dùng thủ đoạn ngoại giao : triệt để lợi dụng mâu thuẫn Trung–Xô, thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến của ta.	
2	**Trình bày diễn biến của phong trào dân chủ 1936–1939.**	**4 điểm**
	a) Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ	
	– Phong trào Đông Dương Đại hội Năm 1936, Đảng phát động nhân dân thảo ra bản dân nguyện, gửi tới phái đoàn do Quốc hội Pháp cử sang điều tra tình hình Đông Dương, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội (8–1936). Uỷ ban hành động phát truyền đơn, ra báo chí, tổ chức mít tinh, hội họp, thảo luận những yêu cầu về dân chủ, dân sinh... Tháng 9–1936, Pháp ra lệnh giải tán Uỷ ban hành động, tịch thu các báo... Qua phong trào, đông đảo quần chúng đã thức tỉnh, đoàn kết đấu tranh đòi quyền sống. Đảng thu được một số kinh nghiệm về phát động và lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.	
	Phong trào đón Gôđa và Brêviê Năm 1937, lợi dụng sự kiện đón Gôđa và Brêviê, Đảng tổ chức quần chúng mít tinh "đón rước" ; biểu dương lực lượng ; đưa yêu sách về dân sinh, dân chủ.	

	– Phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ Trong những năm 1937–1939, các cuộc mít tinh, biểu tình đòi quyền sống của các tầng lớp nhân dân vẫn tiếp tục diễn ra. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh nhân ngày 1–5–1938, lần đầu tiên có nhiều cuộc mít tinh, tổ chức công khai ở Hà Nội và nhiều nơi khác, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.	
	b) Đấu tranh nghị trường	
	Đảng đưa người của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử vào Viện dân biểu Bắc Kì và Trung Kì, Hội đồng quản hạt Nam Kì... Mục tiêu : mở rộng lực lượng Mặt trận Dân chủ và vạch trần chính sách phản động của thực dân, tay sai, bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.	
	c) Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí	
	Đảng đã xuất bản nhiều tờ báo công khai như *Tiền phong, Dân chúng, Lao động*... Báo chí đã trở thành mũi xung kích trong những phong trào lớn của cuộc vận động dân chủ, dân sinh thời kì 1936–1939. Nhiều sách chính trị – lí luận được xuất bản công khai hoặc đưa từ Pháp về, các tác phẩm văn học hiện thực phê phán, thơ cách mạng được xuất bản. Đảng thu được kết quả to lớn về văn hoá – tư tưởng : đông đảo các tầng lớp nhân dân giác ngộ cách mạng.	
PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu.	
	Trong những năm 1944 – 1945, khi Hồng quân Liên Xô tiến công truy kích quân đội phát xít, nhân dân các nước Đông Âu đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân :	
	– Cộng hoà Nhân dân Ba Lan (7–1944), Cộng hoà Nhân dân Rumani (8–1944), Cộng hoà Nhân dân Hunggari (4–1945), Cộng hoà Tiệp Khắc (5–1945)... Riêng đối với Cộng hoà Dân chủ Đức, nhà nước do giai cấp công nhân lãnh đạo, ra đời muộn hơn (10–1949).	

	– Nhà nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu là chính quyền liên hiệp với sự tham gia của nhiều đảng phái chính trị. Trong những năm 1945–1949, các nước Đông Âu tiến hành các cuộc cải cách dân chủ, nhằm hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết sự thành lập, mục tiêu và kết quả hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế.	
	Ngày 8–1–1949, *Hội đồng tương trợ kinh tế* (SEV) được thành lập với sự tham gia của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là : Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Bungari, Hunggari, Rumani, Tiệp Khắc ; năm 1950, kết nạp thêm CHDC Đức ; sau này, kết nạp thêm Mông Cổ (1962), Cuba (1972), Việt Nam (1978).	
	Mục tiêu của Hội đồng tương trợ kinh tế là tăng cường sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật, thu hẹp sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế của các nước thành viên.	
	Kết quả, trong hơn 20 năm hoạt động, SEV đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, trong những năm 1951–1973, sản xuất công nghiệp hằng năm tăng khoảng 10%, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của các nước thành viên năm 1973 tăng 5,7 lần. Liên Xô đã viện trợ không hoàn lại cho các nước thành viên tới 20 tỉ rúp (từ 1949–1970).	

ĐỀ SỐ 8

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hãy cho biết nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.**	**3 điểm**
	a) Nguyên nhân thắng lợi	
	Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi trước hết là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch	

	Hồ Chí Minh với đường lối quân sự, chính trị, ngoại giao độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.	
	Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc kháng chiến.	
	Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.	
	Sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.	
	b) Ý nghĩa lịch sử	
	Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước.	
	Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.	
	Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại của đế quốc Mĩ, đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng trên thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.	
2	**Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được họp trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Nêu nội dung, ý nghĩa.**	**4 điểm**
	a) Hoàn cảnh Đại hội toàn quốc lần thứ III	
	Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đạt nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất và phát triển kinh tế.	
	Ở miền Nam, phong trào "Đồng khởi" đã nổ ra và thắng lợi, cách mạng đang chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.	

	Trên thế giới, phong trào giải phóng dân tộc lên cao ở Á, Phi, Mĩ Latinh, nhiều nước đã giành độc lập. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu đạt nhiều thành tựu quan trọng.	
	Để đề ra đường lối cho cách mạng cả nước và cách mạng mỗi miền, Đảng ta đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III diễn ra từ ngày 5 đến ngày 10–9–1960 ở Hà Nội.	
	b) Nội dung Đại hội	
	Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.	
	Cách mạng XHCN ở miền Bắc có nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước. Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.	
	Cách mạng hai miền có quan hệ gắn bó mật thiết và tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước.	
	Đối với miền Bắc, Đại hội khẳng định đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH. Muốn thực hiện mục tiêu trên phải tiến hành công nghiệp hoá XHCN, xây dựng nền kinh tế hiện đại, lấy công nghiệp nặng làm nền tảng...	
	Đại hội nghe và thảo luận Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961–1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá XHCN.	
	Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn được bầu giữ chức Bí thư thứ nhất của Đảng.	
	c) Ý nghĩa	
	Đại hội là kim chỉ nam, là bó đuốc soi đường cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày sự ra đời, mục tiêu và vai trò của tổ chức Hiệp ước Vácsava.	
	Ngày 14–5–1955, đại biểu các nước Anbani, Ba Lan, Bungari, CHDC Đức, Hunggari, Liên Xô, Rumani, Tiệp Khắc đã họp tại Vácsava, kí Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và tương trợ, đánh dấu sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácsava.	
	Mục tiêu : Thành lập liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.	
	Vai trò : Từ khi ra đời, Tổ chức Hiệp ước Vácsava đã trở thành một đối trọng với khối quân sự NATO, có vai trò to lớn trong việc giữ gìn hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới, tạo thế cân bằng về sức mạnh quân sự giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa.	
	Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, Tổ chức Hiệp ước Vácsava tuyên bố giải tán (3–1991).	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết quá trình khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.	
	Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ đã tác động mạnh đến các nước. Trong bối cảnh đó, Liên Xô chậm đề ra những biện pháp nhằm điều chỉnh kịp thời để thích ứng với tình hình mới. Hậu quả là từ cuối những năm 70 đến đầu những năm 80, nền kinh tế Liên Xô đã có những dấu hiệu suy thoái.	
	Về chính trị, diễn biến phức tạp, xuất hiện tư tưởng đối lập chống Đảng Cộng sản và Nhà nước.	
	Trong hoàn cảnh đó, tháng 3–1985, Goócbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, đã đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng.	
	Công cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt kinh tế, chính trị và xã hội. Do phạm phải nhiều sai lầm trong quá trình tiến hành, cải tổ ngày càng gặp nhiều khó khăn bế tắc, đẩy đất nước vào tình trạng rối loạn, khủng hoảng toàn diện.	

	Đỉnh điểm của sự trì trệ, khủng hoảng là cuộc đảo chính ngày 19-8-1991 nhằm lật đổ M. Goócbachốp nhưng thất bại. Sau đó, M. Goócbachốp tuyên bố từ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Uỷ ban Trung ương Đảng, đình chỉ hoạt động của Đảng Cộng sản Liên Xô. Chính quyền Xô viết trong toàn Liên bang bị tê liệt.	
	Ngày 21-12-1991, Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) thành lập, thay cho Liên bang Xô viết.	
	Ngày 25-12-1991, Goócbachốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Cremli hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.	

ĐỀ SỐ 9

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hãy cho biết những chuyển biến về kinh tế và giai cấp, xã hội ở Việt Nam dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.**	3 điểm
	a) Những chuyển biến mới về kinh tế	
	Kinh tế Đông Dương có bước phát triển mới. Thực dân Pháp có đầu tư kĩ thuật và nhân lực, song rất hạn chế.	
	Kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối. Kinh tế Đông Dương vẫn lệ thuộc vào kinh tế Pháp và là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.	
	b) Sự chuyển biến về giai cấp ở Việt Nam : Do tác động của chính sách khai thác thuộc địa, các giai cấp ở Việt Nam có những chuyển biến mới.	
	Địa chủ phong kiến bị phân hoá thành ba bộ phận là tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Một bộ phận không nhỏ trung, tiểu địa chủ có tinh thần dân tộc chống Pháp và tay sai.	
	Nông dân bị đế quốc, phong kiến chiếm đoạt ruộng đất, bị bần cùng hoá, phá sản không lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam với đế quốc, phong kiến tay sai ngày càng trở nên gay gắt.	

	Tư sản Việt Nam số lượng ít, bị tư bản Pháp chèn ép, thế lực kinh tế yếu, dần dần phân hoá thành hai bộ phận : - Tư sản mại bản : có quyền lợi gắn liền với đế quốc và là lực lượng phản cách mạng. – Tư sản dân tộc : có khuynh hướng kinh doanh độc lập và tinh thần dân tộc dân chủ.	
	Tiểu tư sản phát triển nhanh về số lượng, có tinh thần dân tộc chống Pháp và tay sai. Bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức nhạy cảm với thời cuộc, tha thiết canh tân đất nước, hăng hái đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.	
	Công nhân ngày càng phát triển, đến năm 1929 có 22 vạn người, bị thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ bóc lột. Có quan hệ tự nhiên và gắn bó với nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên nhanh chóng trở thành lực lượng mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến.	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam diễn ra những biến đổi quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục. Mâu thuẫn xã hội diễn ra sâu sắc, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phản động tay sai. Cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai tiếp tục diễn ra gay gắt, phong phú về nội dung và hình thức.	
2	**Hậu phương của ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ sau Đại hội II của Đảng đã phát triển mọi mặt như thế nào ?**	**4 điểm**
	a) Về chính trị	
	Từ ngày 3 đến 7–3–1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Liên hợp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt).	
	Ngày 11–3–1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập, đã tăng cường hơn nữa tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ. Đánh một đòn mạnh vào âm mưu chia rẽ của địch.	
	Phong trào thi đua yêu nước lan rộng trong các ngành, các giới. Năm 1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã bầu chọn được 7 anh hùng.	

	b) Về kinh tế	
	Năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm. Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích đã sản xuất được 2,7 triệu tấn thóc và hơn 65 vạn tấn hoa màu.	
	Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu về công cụ sản xuất, những mặt hàng thiết yếu của đời sống. Năm 1953, ta sản xuất được 3500 tấn vũ khí, đạn dược...	
	Chính phủ đã đề ra các chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính ngân hàng, thương nghiệp.	
	c) Về bồi dưỡng sức dân : Năm 1953, Đảng và Chính phủ đã quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất. Từ tháng 4–1953 đến tháng 7–1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do.	
	d) Về văn hoá, giáo dục, y tế	
	– *Về giáo dục*, ta tiếp tục cuộc cải cách giáo dục (từ năm 1950) thực hiện theo ba phương châm : phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất, gắn nhà trường với đời sống xã hội.	
	– *Về văn hoá*, văn nghệ sĩ hăng hái đi sâu vào đời sống chiến đấu và sản xuất "Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hoá kháng chiến".	
	- *Về y tế*, công tác chăm lo sức khoẻ cho nhân dân được coi trọng.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.	
	Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cơ chế quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân khổ cực.	
	Không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật tiên tiến, dẫn tới tình trạng trì trệ, khủng hoảng về kinh tế – xã hội.	

	Khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm nặng nề.
	Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
	Sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất lớn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hệ thống XHCN thế giới không còn tồn tại. Trật tự thế giới hai cực đã kết thúc.
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*	
	Hãy cho biết đường lối và thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.
	a) Đường lối cải cách – mở cửa ở Trung Quốc
	Tháng 12–1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối mới, mở đầu công cuộc cải cách kinh tế – xã hội do Đặng Tiểu Bình khởi xướng, đến Đại hội XII (9–1982) được nâng lên thành Đường lối chung.
	Tại Đại hội XIII (10–1987), Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định : lấy phát triển kinh tế làm trung tâm ; tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
	b) Thành tựu
	Sau 20 năm (1979–1998), nền kinh tế tiến bộ nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện.
	Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là trên 8%. Năm 2000, GDP của Trung Quốc đạt hơn 1000 tỉ USD, thu nhập từ lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm 51%, dịch vụ 33%, nông nghiệp chỉ còn 16%...
	Khoa học - kĩ thuật, quốc phòng, văn hoá, giáo dục, y tế đạt nhiều thành tựu nổi bật (chế tạo thành công bom nguyên tử, đưa người bay vào không gian vũ trụ).
	Về đối ngoại, chính sách của Trung Quốc có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế ngày càng nâng cao. Thu hồi Hồng Công (7–1997) và Ma Cao (12–1999). Quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan từng bước được cải thiện.

ĐỀ SỐ 10

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 – 1925.**	**3 điểm**
	Sau 8 năm bôn ba khắp thế giới, năm 1917 Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp.	
	Ngày 18–6 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxai "Bản yêu sách của nhân dân An Nam" đòi quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.	
	Giữa năm 1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, khẳng định con đường đấu tranh giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.	
	Ngày 25- 12–1920, Người dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành đảng viên cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.	
	Năm 1921, Người lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari* để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, ra báo *Người cùng khổ* là cơ quan ngôn luận của Hội. Người còn viết bài cho báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân...*, đặc biệt là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp.*	
	Tháng 6–1923, Người đến Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).	
	Ngày 11–11- 1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lí luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng cho dân tộc Việt Nam.	
2	**Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.**	**4 điểm**
	a) Nội dung Hiệp định Giơnevơ	
	Ngày 8–5–1954, Hội nghị bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương. Ngày 21–7 -1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, với nội dung :	

	Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.	
	Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương, tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực. Ở Việt Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.	
	Cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương. Không được đặt căn cứ quân sự của nước ngoài ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào.	
	Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 – 1956.	
	b) Ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ	
	Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương, được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.	
	Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.	
	Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút hết quân đội về nước ; đế quốc Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

	Hãy cho biết tình hình Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.	
	Liên bang Nga là quốc gia "kế tục" Liên Xô, trong đó được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.	
	Về kinh tế, từ 1990-1995 tăng trưởng GDP là âm. Từ năm 1996, nền kinh tế Nga dần dần phục hồi, đến năm 1997 tốc độ tăng trưởng đạt 0,5 % ; năm 2000 là 9%.	

	Về chính trị, tuy Hiến pháp được ban hành tháng 12–1993, nhưng tình hình trong nước không ổn định, nhất là do phong trào li khai ở Trécxnia.	
	Về đối ngoại, lúc đầu ngả về phương Tây, sau có điều chỉnh, phát triển quan hệ với các nước châu Á.	
	Từ sau năm 2000, dưới chính quyền của Tổng thống V. Putin tình hình Liên bang Nga có nhiều chuyển biến tích cực về kinh tế, chính trị, vị thế quốc tế được nâng cao.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
	Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của các nước đế quốc. Trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của quân phiệt Nhật.	
	Tận dụng cơ hội Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, nhân dân Đông Nam Á khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố độc lập : Inđônêxia (17–8–1945), Việt Nam (2–9–1945), Lào (12–10–1945). Ở Miến Điện, Mã Lai, Philíppin, nhân dân cũng đã giải phóng nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn.	
	Ngay sau đó, các nước thực dân Âu-Mĩ trở lại xâm lược, chiếm đóng các nước Đông Nam Á. Trải qua cuộc đấu tranh kiên cường và gian khổ, các nước Đông Nam Á đều giành lại được độc lập : Philíppin 7–1946, tháng 1–1948 Liên bang Miến Điện tuyên bố độc lập, Mã Lai (nay là Malaixia) 8–1957, Xingapo 6–1959.	
	Ba nước Lào, Campuchia và Việt Nam kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp 1954, nhưng tới năm 1975 mới giành được độc lập hoàn toàn. Brunây trở thành quốc gia độc lập ngày 1–1–1984 và Đông Timo sau cuộc trưng cầu dân ý tháng 8–1999, tách khỏi Inđônêxia, đến ngày 20–5–2002, trở thành quốc gia độc lập.	

ĐỀ SỐ 11

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày sự ra đời và hoạt động của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.**	**3 điểm**
	– Sự ra đời	
	Năm 1924, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ, bí mật đưa về nước "truyền bá lí luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân", chọn một số thanh niên trong Tâm tâm xã, lập ra Cộng sản đoàn (2–1925).	
	Tháng 6–1925, thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ.	
	– Hoạt động	
	Báo *Thanh niên* (ra số đầu tiên ngày 21–6–1925) và tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ Hội nhằm tuyên truyền cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân.	
	Năm 1927, Hội đã xây dựng cơ sở khắp cả nước, các Kì bộ Trung, Bắc, Nam. Năm 1929, có khoảng 1700 hội viên và có cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan).	
	Tháng 7–1925, Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước Triều Tiên, Inđônêxia lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.	
	Từ 1927 đến 1929 nhiều cuộc bãi công của công nhân, viên chức, học sinh... nổ ra.	
	Năm 1928, Hội chủ trương "vô sản hoá", đưa cán bộ của Hội đi vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào công nhân càng phát triển mạnh...	
2	**Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ và giành thắng lợi như thế nào ?**	**4 điểm**
	Với ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược, quân dân miền Nam đã giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8- 1965) đẩy lùi cuộc hành quân của 9000 tên địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên	

địch... Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam.
Quân và dân miền Nam đã đập tan cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ nhất (1965–1966) với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn của địch, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên khu V. Quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 104000 tên địch, trong đó có 42000 quân Mĩ...
Tiếp theo, quân và dân ta đập tan cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ hai (1966–1967) với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn "tìm diệt" và "bình định", lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), loại khỏi vòng chiến đấu 151000 tên địch, trong đó có 68000 quân Mĩ...
Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "ấp chiến lược".
Ở các thành thị, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn v.v... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.
Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế... Cương lĩnh của Mặt trận được nhiều nước và tổ chức quốc tế ủng hộ.
Tiếp đó, bước vào mùa xuân 1968, so sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô. Đồng thời, lợi dụng mâu thuẫn ở nước Mĩ trong năm bầu cử Tổng thống (1968), ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam vào đêm 30 rạng sáng 31–1–1968, kéo dài trong năm. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 làm cho địch choáng váng, giáng cho địch những đòn bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "Phi Mĩ hoá chiến tranh", ngừng hoàn toàn ném bom bắn phá miền Bắc, chịu đàm phán với ta ở Pari, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Nêu những biến đổi của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
	Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước trong khu vực Đông Nam Á hầu hết là thuộc địa hoặc phụ thuộc vào các nước đế quốc, đời sống của nhân dân các nước này vô cùng khổ cực. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực đều đã giành được độc lập : Inđônêxia (17–8–1945), Việt Nam (2–9 1945), Lào (12–10–1945)... Tuy nhiên, Việt Nam và Lào còn phải tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống Pháp, sau đó là Mĩ, tới năm 1975 mới giành độc lập, thống nhất trọn vẹn...	
	Sau khi giành được độc lập, các nước trong khu vực xây dựng, củng cố nền độc lập, ra sức phát triển kinh tế, văn hoá và đạt nhiều thành tựu quan trọng, có nước đã trở thành "con rồng" kinh tế châu Á như Xingapo. Có nước bước vào ngưỡng cửa của nước công nghiệp mới như Thái Lan.	
	Đời sống vật chất và tinh thần của người dân các nước trong khu vực Đông Nam Á được nâng cao hơn trước chiến tranh, phúc lợi xã hội được bảo đảm.	
	Đến nay, hầu hết các nước đều tham gia tổ chức ASEAN. Mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế và văn hoá thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Tóm tắt diễn biến các cuộc chiến tranh cục bộ trong sự đối đầu Đông – Tây từ năm 1945 đến năm 1975.	
	a) Cuộc phong toả Béclin (1948) và bức tường Béclin (1961) – Cuộc phong toả Béclin của Liên Xô kéo dài hơn 1 năm, đến tháng 5–1949 mới chấm dứt.	
	– Năm 1961, tình trạng nước Đức trở nên căng thẳng do dân di cư ồ ạt từ Đông Đức sang Tây Đức ; vì vậy Chính phủ CHDC Đức đã xây dựng một bức tường ngăn cách hai khu vực Đông và Tây Béclin. Việc đi lại giữa hai khu vực bị đình chỉ, quan hệ giữa hai nhà nước Đức càng đối đầu quyết liệt.	

b) Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp (1945 –1954)

Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược ba nước Đông Dương.

– Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thành công. Cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương mới có điều kiện tranh thủ sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên cũng từ năm 1950, Mĩ can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Từ đó, cuộc chiến tranh Đông Dương càng chịu nhiều sự tác động của hai phe.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam, Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết, đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia, nhưng cũng phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai phe TBCN và XHCN.

c) Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950–1953)

Năm 1948, trên bán đảo Triều Tiên hai chính quyền được thành lập riêng rẽ với hai chế độ chính trị khác nhau : Đại Hàn Dân quốc ở miền Nam do Mĩ bảo trợ và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ở miền Bắc do sự bảo trợ của Liên Xô. Vĩ tuyến 38 trở thành giới tuyến phân chia tạm thời.

Từ 1950 đến 1953, cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai miền đã diễn ra. Ngày 27-7–1953, Hiệp định đình chiến được kí kết, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền.

d) Cuộc khủng hoảng Caribê (1962)

Sau khi cách mạng Cuba thắng lợi, Mĩ không ngừng chống phá làm cho tình hình trở nên căng thẳng do "cuộc khủng hoảng Caribê".

Mùa hè 1962, Liên Xô xây dựng căn cứ tên lửa giúp Cuba bảo vệ độc lập an ninh.

Mĩ đáp lại bằng việc phong toả hải quan quanh Cuba.

Tháng 10–1962, cả Mĩ và Liên Xô đều rút lui. Cuộc khủng hoảng kết thúc, nhưng quan hệ Mĩ – Cuba vẫn căng thẳng.

d) Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ (1954 –1975)

Sau năm 1954, Mĩ nhanh chóng thay thế Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

Đây là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất trong cục diện đối lập giữa hai phe. Tuy nhiên, các chiến lược chiến tranh của Mĩ cuối cùng đều bị phá sản. Tháng 1–1973, Hiệp định Pari được kí kết, Mĩ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và phải rút quân về nước.

	Nhân dân ba nước Đông Dương đã đoàn kết chiến đấu, tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đến năm 1975 đã giành được thắng lợi hoàn toàn.	

ĐỀ SỐ 12

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày nội dung của bản Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.**	**3 điểm**
	Chiến lược cách mạng : tiến hành "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".	
	Nhiệm vụ cách mạng : Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và bọn phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do, tịch thu sản nghiệp và ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất.	
	Lực lượng cách mạng : công nông, tiểu tư sản, trí thức, lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản.	
	Lãnh đạo cách mạng : Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.	
	Quan hệ với thế giới : Cách mạng Việt Nam phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.	
	Tuy còn vắn tắt, song đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc đầu tiên của Đảng, thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.	
2	**Nêu ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.**	**4 điểm**
	a) Ý nghĩa lịch sử	
	Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	
	Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới độc lập, tự do ; nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc ; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.	

Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.	
b) Bài học kinh nghiệm	
Đảng có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.	
Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất (Việt Minh), trên cơ sở liên minh công nông ; triệt để phân hoá và cô lập kẻ thù.	
Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần, chớp thời cơ tiến tới Tổng khởi nghĩa.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Trình bày khái quát quá trình đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1950.	
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ phát triển mạnh mẽ.	
Năm 1946, ở Ấn Độ có 848 cuộc bãi công, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của 2 vạn thuỷ binh trên 20 chiến hạm ở Bombay (19–2–1946) chống thực dân Anh, đòi độc lập.	
Ngày 22–2–1946, 20 vạn nhân dân Bombay đã xuống đường đấu tranh ủng hộ thuỷ binh. Phong trào đấu tranh còn lan rộng tới nhiều thành phố khác như Cancútta, Carasi, Mađrát.	
Đầu năm 1947, cao trào bãi công tiếp tục dâng cao, tiêu biểu là các cuộc bãi công của 40 vạn công nhân ở Cancútta (2–1947).	
Trước sức ép đó, thực dân Anh đã thực hiện chính sách thâm độc "chia để trị", chia Ấn Độ thành hai nước theo quy chế tự trị dựa trên đặc điểm tôn giáo : Ấn Độ của người Ấn Độ giáo và Pakixtan của người Hồi giáo. Ngày 15–8–1947, Ấn Độ tách thành hai quốc gia : Ấn Độ và Pakixtan.	
Đảng Quốc đại tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Ngày 26–1–1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập hoàn toàn và thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ, xoá bỏ mọi lệ thuộc vào thực dân Anh.	

	Sự thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ, có ảnh hưởng quan trọng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập tổ chức ASEAN.	
	a) Cơ hội	
	Nền kinh tế Việt Nam được hội nhập với nền kinh tế các nước trong khu vực, đó là cơ hội để nước ta vươn ra thế giới.	
	Tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu dần khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.	
	Tiếp thu những thành tựu về khoa học – kĩ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển kinh tế.	
	Có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lí của các nước trong khu vực và giao lưu về giáo dục, văn hoá, khoa học · kĩ thuật, y tế, thể thao với các nước trong khu vực.	
	b) Thách thức	
	Nếu không tận dụng cơ hội để phát triển thì nền kinh tế nước ta sẽ có nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực.	
	Sự cạnh tranh quyết liệt giữa nước ta với các nước. Hội nhập dễ bị "hoà tan", đánh mất bản sắc và truyền thống văn hoá của dân tộc.	

ĐỀ SỐ 13

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày nghĩa ý lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**	**3 điểm**
	Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác–Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời đại mới.	
	Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.	

	Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam.	
2	**Trình bày kết quả và hạn chế của công cuộc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế ở miền Bắc (1954 –1957).**	**4 điểm**
	a) Hoàn thành cải cách ruộng đất	
	Trong hơn hai năm (1954–1956), miền Bắc tiến hành 6 đợt giảm tô và 4 đợt cải cách ruộng đất thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du.	
	Kết quả :	
	Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, đã tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn hếc ta ruộng đất, 10 vạn con trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ chia cho trên 2 triệu hộ nông dân.	
	Đã đánh đổ được giai cấp địa chủ, chế độ chiếm hữu ruộng đất bị xoá bỏ, thực hiện được khẩu hiệu "người cày có ruộng", nguyện vọng lâu đời của người nông dân đã được thực hiện.	
	Hạn chế : Mắc một số sai lầm nghiêm trọng như đấu tố cả những người thuộc tầng lớp trên có công với cách mạng, quy nhầm thành địa chủ một số nông dân, cán bộ, đảng viên... Phương pháp đấu tố tràn lan, thô bạo.	
	b) Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh	
	Trong nông nghiệp : Nông dân đã nhanh chóng khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, sửa chữa các hệ thống nông giang và đê điều... Tính đến năm 1957, sản lượng lương thực đạt trên 4 triệu tấn. Nạn đói có tính chất kinh niên ở miền Bắc đã được giải quyết.	
	Trong công nghiệp : Chúng ta nhanh chóng khôi phục, mở rộng hầu hết các nhà máy, xí nghiệp bị hỏng, xây dựng thêm một số nhà máy mới như : Nhà máy Cơ khí Hà Nội, Nhà máy diêm Thống Nhất... Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 97 xí nghiệp, nhà máy lớn do Nhà nước quản lí.	
	Về thủ công nghiệp, thương nghiệp : Các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được khôi phục nhanh chóng, bảo đảm cung cấp nhiều mặt hàng thiết yếu cho nhân dân.	
	Ngoại thương dần dần tập trung vào Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.	
	Về giao thông vận tải : Đã khôi phục 700 km đường sắt, làm mới hàng nghìn km đường ô tô, mở rộng thêm các bến cảng như : Hải Phòng, Cẩm Phả, Bến Thuỷ, đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.	

Văn hoá – giáo dục được đẩy mạnh, hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm được khẳng định, một số trường đại học được thành lập...
Về y tế : Chăm lo sức khoẻ cho nhân dân ; Nhà nước quan tâm xây dựng các cơ sở y tế.
Về chính trị : Đảng, Chính phủ có nhiều biện pháp để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước...

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Nêu những nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
Nhiều nước Mĩ Latinh sớm giành được độc lập từ tay thực dân Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha từ đầu thế kỉ XIX, nhưng sau đó lại lệ thuộc vào Mĩ. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã biến khu vực Mĩ Latinh trở thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ diễn ra mạnh mẽ, tiêu biểu là sự thành công của cách mạng Cuba (1 - 1 - 1959).
Từ những năm 60-70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ phát triển và giành được nhiều thắng lợi : Các quốc đảo vùng Caribê lần lượt giành được độc lập : Hamaica, Trinidát và Tôbagô... Nhân dân Panama đấu tranh đòi thu hồi kênh đào, buộc Mĩ phải trao trả lại năm 1999.
Cùng với bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân... cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ, biến Mĩ Latinh trở thành "Lục địa bùng cháy".
Phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ tài ở các nước En Xanvađo, Nicaragoa, Grênađa, Vênêxuêla... diễn ra liên tục, đã lật đổ chính quyền độc tài, thiết lập chính phủ dân tộc dân chủ.

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Hãy cho biết tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và những cải cách dân chủ từ năm 1945 đến năm 1952.
a) Tình hình
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bị chiến tranh tàn phá nặng nề : khoảng 3 triệu người chết và mất tích, 40% đô thị, 80% tàu bè, 34% nhà máy, xí nghiệp bị phá huỷ....

	b) Những cải cách dân chủ	
	Về chính trị, Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã thực hiện những chính sách tiến bộ như xét xử tội phạm chiến tranh, xoá bỏ các tổ chức quân phiệt, loại bỏ những phần tử liên quan đến chủ nghĩa quân phiệt ra khỏi bộ máy nhà nước.	
	Hiến pháp ngày 3–5–1947 quy định Nhật Bản là nước quân chủ lập hiến. Hiến pháp mới vẫn duy trì ngôi vị Thiên hoàng song chỉ mang tính tượng trưng ; xác định Nghị viện gồm hai viện, do nhân dân bầu là cơ quan quyền lực tối cao. Chính phủ nắm quyền hành pháp do Thủ tướng đứng đầu.	
	Hiến pháp cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không đe doạ hoặc sử dụng vũ lực, không duy trì quân đội thường trực và đưa lực lượng vũ trang ra nước ngoài, chỉ có lực lượng phòng vệ dân sự...	
	Về kinh tế, thực hiện 3 cuộc cải cách lớn là : thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, trước hết là giải tán các Daibătxư, cải cách ruộng đất và dân chủ hoá lao động.	
	Về đối ngoại : Liên minh chặt chẽ với Mĩ, ngày 8-9-1951, Hiệp định hoà bình được kí kết. Cùng ngày, Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ được xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.	

ĐỀ SỐ 14

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày sự ra đời, hoạt động và vai trò của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.**	**3 điểm**
	a) Sự ra đời	
	Năm 1924, tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ, bí mật đưa về nước "truyền bá lí luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân", chọn một số thanh niên trong Tâm tâm xã, lập ra Cộng sản đoàn (2–1925).	

	Tháng 6–1925, thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ.	
	b) Hoạt động	
	Báo *Thanh niên* (ra số đầu tiên 21–6–1925) và tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ Hội, nhằm tuyên truyền cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân.	
	Hội đã xây dựng cơ sở khắp cả nước, các kì bộ Trung Kì, Bắc Kì, Nam Kì lần lượt ra đời. Năm 1929, có khoảng 1700 hội viên và có cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan).	
	Tháng 7–1925, Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước Triều Tiên, Inđônêxia lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.	
	Từ 1927 đến 1929, nhiều cuộc bãi công của công nhân, viên chức, học sinh... nổ ra.	
	Năm 1928, Hội chủ trương "vô sản hoá", đưa cán bộ của Hội đi vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh, không chỉ bó hẹp ở một địa phương, ngành mà có sự liên kết thành phong trào chung.	
	c) Vai trò	
	Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tuyên truyền vận động cách mạng, tổ chức quần chúng đấu tranh, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự thành lập chính Đảng vô sản sau này. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên xứng đáng là tiền thân của Đảng vô sản.	
2	**Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện ở những văn kiện nào ? Nêu nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến đó.**	**4 điểm**
	a) Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện ở những văn kiện sau :	
	Bản Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 12–12–1946, vạch rõ mục đích, tính chất, phương châm cơ bản và chương trình của cuộc kháng chiến.	

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19-12-1946. Văn kiện này đã vạch rõ nguyên nhân nổ ra cuộc kháng chiến là do chính sách xâm lược của thực dân Pháp ; đồng thời nêu lên quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta là nhằm bảo vệ độc lập, tự do, tư tưởng cơ bản về chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân và niềm tin tất thắng đối với cuộc kháng chiến.

Cuốn "*Kháng chiến nhất định thắng lợi*" của Tổng Bí thư Trường Chinh, viết vào tháng 9-1947, nhằm giải thích rõ đường lối kháng chiến của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến thể hiện ở các điểm : toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế

Kháng chiến toàn dân : Đường lối này xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ mục đích của cuộc kháng chiến, từ quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác-Lênin, từ tư tưởng "chiến tranh nhân dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Muốn phát huy sức mạnh của toàn dân kháng chiến phải đánh lâu dài, muốn có lực lượng đánh lâu dài phải huy động lực lượng toàn dân.

Kháng chiến toàn diện : Cuộc kháng chiến của ta bao gồm tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao. Ta phải kháng chiến toàn diện, vì địch đánh ta không chỉ về quân sự mà cả chính trị, văn hoá và ngoại giao nên ta phải chống lại chúng toàn diện. Đồng thời, ta vừa "kháng chiến" vừa "kiến quốc", tức là xây dựng chế độ mới nên phải xây dựng toàn diện.

Kháng chiến lâu dài, so sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta về quân sự và kinh tế, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, phải có thời gian để chuyển hoá lực lượng làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh, đến một lúc nào đó ta mạnh hơn địch, tiến lên đánh bại địch.

– Kháng chiến tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế : Ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm vào.	
Đường lối kháng chiến trên nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, toàn diện của dân tộc, khắc phục những nhược điểm của ta về vật chất, kĩ thuật, vừa đánh vừa bồi dưỡng sức ta, làm cho ta càng đánh càng mạnh để cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn. Đường lối kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh hơn trong quá trình kháng chiến, đặc biệt là Đại hội lần thứ II (1951).	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Trình bày sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản (1952 – 1973)	
Sau khi được phục hồi, từ năm 1952, kinh tế Nhật Bản có sự phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến năm 1973. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 1960 đến năm 1969 là 10,8%/năm. Năm 1968, Nhật đã vượt các nước Anh, Pháp, CHLB Đức, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ).	
Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.	
Về khoa học – kĩ thuật, Nhật Bản luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng việc mua các bằng phát minh sáng chế, tập trung vào sản xuất, ứng dụng dân dụng và đạt nhiều thành tựu to lớn, với những sản phẩm nổi tiếng như ti vi, tủ lạnh, tàu biển, ô tô, tàu hoả, xây dựng chiếc cầu đường bộ nối liền đảo Hônsu với Sicôcư, đường ngầm nối đảo Hônsu với Hốccaiđô ...	

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Hãy nêu những sự kiện chứng tỏ xu thế hoà hoãn giữa hai phe – TBCN và XHCN.	
Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, hai cường quốc Xô – Mĩ đã xuất hiện những cuộc gặp gỡ thương lượng, mở ra xu thế hoà hoãn Đông - Tây. Các sự kiện chính :	

	Ngày 9–11–1972, hai nước Đức đã kí *Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.*	
	Năm 1972, hai siêu cường đã thoả thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược. Ngày 26–5–1972, Liên Xô và Mĩ đã kí *Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa* ABM và *Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược*...	
	Tháng 8–1975, Mĩ và Canada cùng với 33 nước châu Âu kí *Định ước Henxinki*... nhằm đảm bảo an ninh châu Âu và sự hợp tác giữa các nước...	
	Định ước Henxinki năm 1975 đánh dấu sự chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai khối nước TBCN và XHCN ở châu Âu,...	
	Từ năm 1985, các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa nguyên thủ hai nước Xô – Mĩ diễn ra hằng năm với các văn kiện hợp tác mà trọng tâm là thoả thuận về việc thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu và cắt giảm vũ khí chiến lược. Đây chính là những thoả thuận hạn chế chạy đua vũ trang giữa hai nước.	
	Tháng 12–1989, M.Goócbachốp và G.Busơ (cha) đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, do cả hai nước đã bị suy giảm ưu thế, Mĩ bị Đức, Nhật Bản và Tây Âu cạnh tranh, còn Liên Xô thì lâm vào tình trạng khủng hoảng, trì trệ...	

ĐỀ SỐ 15

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hãy cho biết vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.**	**3 điểm**
	Truyền bá chủ nghĩa Mác–Lênin về Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	
	Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6–1925), tổ chức tiền thân của Đảng, trực tiếp huấn luyện và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt của Đảng.	

	Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác–Lênin làm nền tảng tư tưởng.	
	Soạn thảo Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.	
2	**Nêu hoàn cảnh lịch sử và diễn biến khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8–1945. Tác dụng của cao trào kháng Nhật cứu nước đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.**	**4 điểm**
	a) Hoàn cảnh lịch sử	
	– Thế giới : đầu năm 1945, Liên Xô đánh bại phát xít Đức, một loạt các nước châu Âu được giải phóng. Ở châu Á – Thái Bình Dương, Nhật thất bại nặng nề.	
	Trong nước : Tối 9–3–1945, Nhật đảo chính Pháp. Ngày 12–3–1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *"Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*, nhận định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Quyết định phát động một "cao trào kháng Nhật cứu nước" mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.	
	b) Diễn biến	
	Ở căn cứ Cao – Bắc – Lạng, Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện, chính quyền nhân dân được thành lập.	
	Ở Bắc Kì và Bắc Trung Kì, trước nạn đói trầm trọng, Đảng chủ trương "Phá kho thóc, giải quyết nạn đói", đáp ứng nguyện vọng cấp bách của nông dân, tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có.	
	Việt Minh lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Hiệp Hoà, Tiên Du, Bần Yên Nhân...	
	Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ. Hàng ngàn cán bộ cách mạng bị giam trong các nhà tù ở Hà Nội, Buôn Ma Thuột, Hội An đấu tranh đòi tự do, phá nhà giam, ra ngoài hoạt động.	
	Ở Nam Kì, Việt Minh hoạt động mạnh ở Mĩ Tho, Hậu Giang.	

6- ÔLKT...MLICHSỬ-ĐN

	c) Tác dụng	
	Qua cao trào, lực lượng chính trị và vũ trang cả nước phát triển mạnh, tạo thời cơ cho Tổng khởi nghĩa mau chín muồi.	
	Là cuộc tập dượt lớn, có tác dụng chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa thắng lợi.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Các xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.	
	Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành với xu hướng đa cực, với sự vươn lên của Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc...	
	Các nước điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh của mỗi quốc gia...	
	Sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ có được một lợi thế tạm thời nên Mĩ đã ra sức thiết lập trật tự "một cực", với mục đích bá chủ thế giới.	
	Hoà bình thế giới được củng cố nhưng tình hình nhiều nơi không ổn định, vẫn còn xung đột vũ trang, nội chiến, khủng bố...	
	Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp. Tuy vậy, cuộc tấn công khủng bố kinh hoàng vào nước Mĩ ngày 11–9–2001 đã đặt các quốc gia trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố. Thế giới ngày nay, các quốc gia – dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.	
Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Vì sao hai siêu cường Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh ?	
	Cuộc chạy đua vũ trang trong Chiến tranh lạnh kéo dài hơn bốn thập kỉ đã làm cho cả hai nước quá tốn kém và bị suy giảm thế mạnh trên nhiều mặt so với các cường quốc khác.	

	Sự vươn lên mạnh mẽ của Đức, Nhật Bản và Tây Âu... đã đặt ra nhiều khó khăn và thách thức to lớn. Các nước này đã trở thành những đối thủ đáng gờm của Mĩ. Kinh tế Liên Xô khi đó đang lâm vào khủng hoảng.	
	Cả Liên Xô và Mĩ đều cần phải thoát ra khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.	
	Nhiều vấn đề có tính toàn cầu như chiến tranh, khủng bố, ô nhiễm môi trường, bệnh tật... cần có sự tham gia của hai cường quốc Mĩ và Liên Xô.	

B. ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

ĐỀ SỐ 1

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trên cơ sở trình bày những chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, hãy cho biết các giai cấp ở Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào ?**	**3 điểm**
	a) Những chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất	
	– *Về Kinh tế :* Pháp đầu tư mạnh với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam từ năm 1924 đến năm 1929, số vốn đầu tư khoảng 4 tỉ phrăng.	
	Nông nghiệp : Được đầu tư nhiều nhất, tăng cường cướp đoạt ruộng đất của nông dân, lập đồn điền, chủ yếu trồng cao su.	
	Công nghiệp : Mở mang các ngành dệt, muối, xay xát... Chú trọng khai thác mỏ, chủ yếu là mỏ than, ngoài ra còn khai thác thiếc, kẽm, sắt...	
	Thương nghiệp : Ngoại thương phát triển, giao lưu buôn bán nội địa được đẩy mạnh. Tăng cường chính sách bảo hộ hàng hoá, hàng rào thuế quan để độc chiếm thị trường.	
	Giao thông vận tải : Hệ thống đường sắt phát triển, các tuyến đường thuỷ, bộ cũng được mở rộng, nhiều hải cảng được mở rộng và xây dựng. Các đô thị phát triển, dân cư đông đúc.	

	Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành giấy bạc và cho vay lãi.	
	Tăng thu thuế : năm 1930 ngân sách Đông Dương thu tăng gấp 3 lần so với 1912.	
	- *Hậu quả :* Pháp du nhập vào Việt Nam quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xen kẽ với quan hệ sản xuất phong kiến, kinh tế Việt Nam có những chuyển biến rõ rệt so với trước chiến tranh, nhưng về cơ bản, kinh tế Việt Nam vẫn bị kìm hãm và lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.	
	– Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp	
	Về chính trị : Pháp tăng cường cai trị và khai thác thuộc địa. Bộ máy cảnh sát, mật thám, nhà tù hoạt động ráo riết. Thực hiện chính sách "chia để trị", lợi dụng bộ máy cường hào của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn... đưa thêm người Việt vào làm trong các công sở.	
	Văn hoá giáo dục : Hệ thống giáo dục Pháp – Việt được mở rộng, ưu tiên xuất bản các sách báo cổ vũ chủ trương "Pháp – Việt đề huề". Các trào lưu tư tưởng, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, nghệ thuật phương Tây vào Việt Nam. Các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và ngoại lai nô dịch cùng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.	
	b) Sự chuyển biến về giai cấp xã hội	
	Giai cấp địa chủ phong kiến bị phân hoá thành ba bộ phận là tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Một bộ phận không nhỏ trung, tiểu địa chủ có tinh thần dân tộc chống Pháp và tay sai.	
	Giai cấp nông dân bị đế quốc, phong kiến chiếm đoạt ruộng đất, bị bần cùng hoá, phá sản không lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam với đế quốc phong kiến tay sai ngày càng thêm gay gắt. Nông dân là lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc.	
	Giai cấp tư sản Việt Nam số lượng ít, bị tư bản Pháp chèn ép, thế lực kinh tế yếu, dần dần phân hoá thành hai bộ phận : Tư sản mại bản : có quyền lợi gắn liền với đế quốc và là thế lực phản cách mạng. Tư sản dân tộc : có khuynh hướng kinh doanh độc lập, có tinh thần dân tộc dân chủ.	

	Giai cấp tiểu tư sản, phát triển nhanh về số lượng, có tinh thần dân tộc chống Pháp và tay sai. Bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức nhạy cảm với thời cuộc, tha thiết canh tân đất nước, hăng hái đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc. *Giai cấp công nhân*, ngày càng phát triển, đến năm 1929 có 22 vạn người, bị thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ bóc lột. Có quan hệ tự nhiên và gắn bó với nông dân, kế thừa truyền thống yêu nước, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên nhanh chóng trở thành lực lượng mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến.	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam diễn ra những biến đổi quan trọng về kinh tế, xã hội. Mâu thuẫn xã hội diễn ra sâu sắc, trong đó chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phản động tay sai.	
2	**Trình bày nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam và hãy cho biết vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam ?**	**2 điểm**
	a) Nội dung Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt	
	Chiến lược cách mạng : *tiến hành "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".*	
	Nhiệm vụ cách mạng : đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và bọn phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do, tịch thu sản nghiệp của đế quốc, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất.	
	Lực lượng cách mạng : công nông, tiểu tư sản, trí thức, lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản.	
	Lãnh đạo cách mạng : Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.	
	Quan hệ với thế giới : Cách mạng Việt Nam phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.	
	Tuy còn vắn tắt, song đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc đầu tiên của Đảng, thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.	

	b) Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam	
	Đảng ra đời đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản đã xây dựng được lực lượng mới cho cách mạng, chủ yếu là liên minh công nông...	
	Đảng ra đời đã đề ra được phương pháp cách mạng đúng đắn. Đó là phương pháp cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin...	
	Kể từ khi Đảng ra đời, cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới...	
	Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.	
3	**Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân và dân ta diễn ra như thế nào? Nêu kết quả và ý nghĩa.**	**2 điểm**
	– Các cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân và dân ta	
	Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong Đông – Xuân 1953–1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương.	
	Ngày 10–12–1953, một bộ phận quân chủ lực của ta tiến công địch ở thị xã Lai Châu, loại khỏi vòng chiến đấu 24 đại đội địch, giải phóng Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Nava buộc phải đưa 6 tiểu đoàn cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của quân Pháp.	
	Đầu tháng 12–1953, liên quân Lào – Việt mở cuộc tiến công địch vào hướng Trung Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng thị xã Thà Khẹt, bao vây, uy hiếp Xavanakhét và căn cứ Xênô. Nava buộc phải tăng cường lực lượng cho Xênô, Xênô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của thực dân Pháp.	
	Cuối tháng 1–1954, liên quân Việt – Lào mở cuộc tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phongxalì. Nava buộc phải đưa quân từ đồng bằng Bắc Bộ tăng cường cho Luông Phabang và Mường Sài, biến hai địa điểm này thành nơi tập trung binh lực thứ tư của Pháp.	

	Đầu tháng 2–1954, giữ vững quyền chủ động đánh địch, bộ đội chủ lực của ta bất ngờ tiến công Bắc Tây Nguyên, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, uy hiếp Plâyku, buộc Pháp phải tăng cường lực lượng cho Plâyku. Plâyku biến thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch.	
	Phong trào chiến tranh du kích đã phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch từ đồng bằng Bắc Bộ đến Bình – Trị – Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ, làm cho địch phải phân tán thêm lực lượng để chống đỡ.	
	– Kết quả, ý nghĩa	
	Các cuộc tiến công của quân dân ta trong Đông–Xuân 1953–1954 đã làm cho địch phải bị động và phân tán lực lượng thành năm nơi. Điều đó chứng tỏ kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trên cơ sở trình bày sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc, hãy cho biết vai trò của tổ chức này từ khi thành lập đến nay.	
	- *Thành lập* : Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Ianta, từ ngày 25–4 đến ngày 26–6–1945, đại biểu của 50 nước đã họp tại thành phố Xan – Phranxixcô (Mĩ) để thông qua Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc. Ngày 24–10–1945, Hiến chương có hiệu lực.	
	- *Mục đích* của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình, an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.	
	– *Nguyên tắc hoạt động* của Liên hợp quốc gồm 5 nguyên tắc : Bình đẳng chủ quyền ; Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập của các nước ; Không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác ; Giải quyết hoà bình các tranh chấp ; Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn – Liên Xô (nay là Liên bang Nga), Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.	

	– Vai trò : Trong hơn nửa thế kỉ qua, Liên hợp quốc đã trở thành diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Có nhiều cố gắng trong việc giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực, thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế...
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*	
	Hãy cho biết đường lối và thành tựu trong công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.
	a) Đường lối cải cách – mở cửa ở Trung Quốc
	Tháng 12–1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối mới, mở đầu công cuộc cải cách kinh tế – xã hội do Đặng Tiểu Bình khởi xướng, đến Đại hội XII (9–1982) được nâng lên thành Đường lối chung.
	Tại Đại hội XIII (10- 1987), Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định : lấy phát triển kinh tế làm trung tâm ; tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
	b) Thành tựu
	Sau 20 năm (1979–1998), nền kinh tế tiến bộ nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện.
	Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là trên 8%. Năm 2000, GDP của Trung Quốc đạt hơn 1000 tỉ USD, thu nhập công nghiệp và xây dựng chiếm 51%, dịch vụ 33%, nông nghiệp chỉ còn 16%...
	Khoa học – kĩ thuật, quốc phòng, văn hoá, giáo dục, y tế đạt nhiều thành tựu nổi bật (chế tạo thành công bom nguyên tử, đưa người bay vào không gian vũ trụ).
	Về đối ngoại, chính sách của Trung Quốc có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế ngày càng nâng cao. Thu hồi Hồng Công (7 -1997) và Ma Cao (12–1999). Quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan từng bước được cải thiện.

ĐỀ SỐ 2

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Phong trào dân chủ 1936–1939 đã diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào ? Nêu các hình thức đấu tranh trong thời kì này.**	**3 điểm**
	a) Hoàn cảnh lịch sử	
	– Tình hình thế giới	
	Những năm 30, thế lực phát xít cầm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản đã tích cực chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh nhằm phân chia lại thế giới.	
	Tháng 7–1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII xác định nhiệm vụ của nhân dân thế giới là chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.	
	Tháng 6–1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, thi hành các cải cách tiến bộ ở thuộc địa.	
	– Tình hình trong nước	
	Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, cử Toàn quyền mới, nới rộng quyền tự do báo chí ...	
	Nhiều đảng phái chính trị hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, nhưng Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ, chủ trương rõ ràng.	
	Về kinh tế, Pháp tập trung khai thác thuộc địa để bù đắp thiệt hại cho kinh tế chính quốc :	
	– Nông nghiệp : chiếm đoạt ruộng đất, lập đồn điền (trồng lúa, cao su, ...).	
	– Công nghiệp : đẩy mạnh ngành khai mỏ ; sản lượng các ngành dệt, rượu tăng ; các ngành điện, nước, cơ khí, đường,... ít phát triển.	
	– Thương nghiệp : Pháp độc quyền bán thuốc phiện, rượu, muối... nhập máy móc và hàng công nghiệp tiêu dùng, xuất khẩu khoáng sản, nông sản.	
	Kinh tế Việt Nam phục hồi và phát triển nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.	

Về xã hội, đời sống đa số nhân dân khó khăn :

Công nhân bị thất nghiệp còn nhiều. Nông dân không có đủ ruộng cày. Họ chịu mức địa tô cao và nhiều thủ đoạn bóc lột khác của địa chủ, cường hào... nên hăng hái tham gia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.

b) Các hình thức đấu tranh

– Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ

Phong trào Đông Dương Đại hội : Năm 1936, Đảng phát động nhân dân thảo ra bản dân nguyện gửi tới phái đoàn Chính phủ Pháp, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội (8–1936).

Ủy ban hành động thành lập, phát truyền đơn, ra báo chí, tổ chức mít tinh, hội họp, thảo luận những yêu cầu về dân chủ, dân sinh.... Tháng 9–1936, Pháp giải tán Ủy ban hành động, tịch thu các báo...

Phong trào đón Gôđa và Brêviê : Năm 1937, lợi dụng sự kiện đón Gôđa và Brêviê, Đảng tổ chức quần chúng mít tinh "đón rước", biểu dương lực lượng ; đưa yêu sách về quyền dân sinh, dân chủ.

Phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ : Trong những năm 1937–1939, các cuộc mít tinh, biểu tình đòi quyền sống của các tầng lớp nhân dân vẫn tiếp tục diễn ra. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh vào ngày 1–5–1938, lần đầu tiên mít tinh tổ chức công khai ở Hà Nội và nhiều nơi khác, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

– Đấu tranh nghị trường

Đảng đưa người của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử vào Viện dân biểu Bắc Kì, Trung Kì, Hội đồng quản hạt Nam Kì...

Mục tiêu : mở rộng lực lượng Mặt trận Dân chủ và vạch trần chính sách phản động của thực dân, tay sai, bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.

– Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí

Đảng đã xuất bản nhiều tờ báo công khai như *Tiền phong, Dân chúng, Lao động*... báo chí đã trở thành mũi xung kích trong những phong trào lớn của cuộc vận động dân chủ, dân sinh thời kì 1936 – 1939.

	Nhiều sách chính trị – lí luận được xuất bản công khai hoặc được đưa từ Pháp sang, các tác phẩm văn học hiện thực phê phán, thơ cách mạng được xuất bản.	
2	**Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2–1951) được họp trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Nêu nội dung và ý nghĩa của Đại hội.**	**2 điểm**
	– Hoàn cảnh lịch sử	
	Từ năm 1947 đến năm 1950, cuộc kháng chiến của ta thu được nhiều thắng lợi về quân sự và ngoại giao. Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi đã làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta gặp những khó khăn, phức tạp.	
	Tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển mới, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đề ra đường lối nhằm đánh thắng thực dân Pháp và can thiệp Mĩ. Đứng trước yêu cầu đó, Đảng ta đã họp Đại hội đại biểu lần thứ II.	
	Đại hội họp từ ngày 11 đến 19–2–1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên.	
	– Nội dung Đại hội	
	Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh từ khi ra đời và khẳng định đường lối chống Pháp của Đảng.	
	Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày báo cáo *"Bàn về cách mạng Việt Nam"* nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn, xoá bỏ những tàn tích phong kiến, làm cho người cày có ruộng...	
	Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác–Lênin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định tên mới của Đảng là *Đảng Lao động Việt Nam* và đưa Đảng ra hoạt động công khai.	
	Đại hội thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới, quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.	

	Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng. Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.	
	– Ý nghĩa Đại hội	
	Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".	
3	**Từ sau Đại hội lần thứ II của Đảng (2–1951), hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta đã phát triển về mọi mặt như thế nào ? Nêu vai trò của hậu phương đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.**	**2 điểm**
	a) Sự phát triển mọi mặt của hậu phương trong kháng chiến chống Pháp	
	– Về chính trị	
	Từ ngày 3 đến ngày 7–3–1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt).	
	Ngày 11–3–1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập, đã tăng cường hơn nữa tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mĩ ; đánh một đòn mạnh vào âm mưu chia rẽ của địch và mở ra một triển vọng mới cho nhân dân 3 nước Đông Dương.	
	Phong trào thi đua yêu nước lan rộng trong các ngành, các giới. Năm 1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã bầu chọn được 7 anh hùng.	
	– Về kinh tế	
	Năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm. Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra đã sản xuất được 2,7 triệu tấn thóc và hơn 65 vạn tấn hoa màu.	
	Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu về công cụ sản xuất, những mặt hàng thiết yếu của đời sống.	

Năm 1953, ta sản xuất được 3500 tấn vũ khí đạn dược, cung cấp tạm đủ cho bộ đội về thuốc men, quân trang quân dụng. Chính phủ đã đề ra các chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính ngân hàng, thương nghiệp.	
Năm 1953, Đảng và Chính phủ đã quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất. Từ tháng 4–1953 đến tháng 7–1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do.	
– Về văn hoá, giáo dục	
Ta tiếp tục cuộc cải cách giáo dục (từ năm 1950) thực hiện theo ba phương châm : phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất, gắn nhà trường với đời sống xã hội. Văn nghệ sĩ hăng hái đi sâu vào đời sống chiến đấu và sản xuất, thực hiện lời dạy của Bác Hồ : "Kháng chiến hoá văn hoá và văn hoá hoá kháng chiến".	
– Về y tế	
Công tác chăm lo sức khoẻ cho nhân dân được coi trọng. Bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng nhiều nơi.	
b) Vai trò của hậu phương	
Hậu phương đáp ứng được nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, đẩy mạnh sự nghiệp phản phong, xây dựng cơ sở kinh tế văn hoá cho chế độ dân chủ nhân dân.	
Gây mầm mống cho việc tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Nêu hoàn cảnh và những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2–1945).	
a) Hoàn cảnh	
Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng, cấp bách được đặt ra trước các cường quốc đồng minh như : nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít ; tổ chức lại thế giới sau chiến tranh ; phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.	

b) Những quyết định quan trọng	
– Hội nghị họp tại Ianta (Liên Xô) từ ngày 4 đến ngày 11–2–1945 với sự tham gia của nguyên thủ ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh (Xtalin, Rudơven va Sócsin). Hội nghị đã đưa ra những quyết định quan trọng :	
– Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ; Liên Xô tham chiến chống Nhật ở châu Á.	
– Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.	
– Phân chia khu vực đóng quân và khu vực ảnh hưởng giữa ba cường quốc.	
– Toàn bộ những thoả thuận tại Hội nghị đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự hai cực Ianta.	

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc và sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	
a) Hoàn cảnh ra đời	
Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển kinh tế và văn hoá, đòi hỏi phải tăng cường hợp tác giữa các nước.	
Đồng thời, họ muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc đối với khu vực, nhất là cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Đông Dương đang bị sa lầy và thất bại là không thể tránh khỏi.	
Những tổ chức có tính khu vực xuất hiện ngày càng nhiều, sự thành công của Khối thị trường chung châu Âu đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.	
Ngày 8- 8- 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với 5 nước đầu tiên là Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Thái Lan và Xingapo.	
b) Mục tiêu	
Phát triển kinh tế và văn hoá thông qua sự hợp tác giữa các nước thành viên vì một Đông Nam Á hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.	

	c) Nguyên tắc hoạt động	
	Hiệp ước Bali đã xác định những nguyên tắc cơ bản là tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau ; không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ bằng vũ lực ; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình ; hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và xã hội.	
	d) Sự phát triển của ASEAN	
	Tổ chức ASEAN, không ngừng mở rộng các thành viên tham gia, nhất là từ thập kỉ 90. Năm 1984, Brunây gia nhập, năm 1995 – Việt Nam, năm 1997 – Lào và Mianma, năm 1999 – Campuchia. Từ 5 nước sáng lập ban đầu, đến năm 1999, ASEAN đã phát triển thành 10 nước thành viên.	

ĐỀ SỐ 3

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Tại sao nói tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" ? Những khó khăn đó đã được Đảng và Chính phủ cách mạng giải quyết như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa.**	**3 điểm**
	a) Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" vì :	
	Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo theo các tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) nhằm cướp chính quyền của ta.	
	Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, hơn một vạn quân đội Anh vào chiếm đóng, ra sức mở đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.	
	Lúc này, ở nước ta còn khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp, trong đó có một bộ phận theo lệnh của đế quốc Anh đánh lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.	
	Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới ra đời, chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu.	

Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề ; hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 – đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục ; tiếp đó nạn lụt lội, hạn hán kéo dài làm cho đồng ruộng không cày cấy được. Nhiều xí nghiệp vẫn nằm trong tay tư bản Pháp, các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi được sản xuất. Hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt...

Ngân sách Nhà nước hầu như trống rỗng, kho bạc chỉ còn hơn 1,2 triệu đồng. Chính quyền cách mạng chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương. Quân Trung Hoa Dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho tài chính nước ta càng thêm rối loạn.

Các tàn dư văn hoá lạc hậu của chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân ta không biết chữ.

Những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám là rất lớn, đã đặt nước ta vào tình thế hiểm nghèo "ngàn cân treo sợi tóc".

b) Những khó khăn đó đã được Đảng và Chính phủ cách mạng giải quyết như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa.

– Xây dựng chính quyền cách mạng

Ngày 6–1–1946, tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử, gần 90% cử tri đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu Quốc hội. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân.

Ngày 2 3 1946, Quốc hội đã thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp chính thức của nước Việt Nam mới, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và lập ra Ban dự thảo Hiến pháp.

Ở địa phương Bắc Bộ và Trung Bộ, tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Lực lượng vũ trang được chú trọng xây dựng. Ngày 22–5–1946, Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, phát triển.

– Giải quyết nạn đói

Để giải quyết nạn đói, Chính phủ đã đề ra những biện pháp cấp thời như tổ chức quyên góp, điều hoà thóc gạo giữa các địa phương... Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân "Nhường cơm sẻ áo". Nhân dân lập "Hũ gạo cứu đói", tổ chức "Ngày đồng tâm"..

Biện pháp lâu dài, đẩy mạnh "Tăng gia sản xuất". Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi "Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa !".

	Đồng thời ta thực hiện bồi dưỡng sức dân, ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác của chế độ cũ, quy định ngày làm 8 giờ, ra thông tư giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công.	
	Nhờ những biện pháp trên, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi.	
	– Giải quyết nạn dốt	
	Ngày 8–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ – chuyên trách chống "giặc dốt", kêu gọi cả nước tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.	
	Đến ngày 8–9–1946, trên toàn quốc đã tổ chức được gần 76000 lớp học, xoá mù chữ cho hơn 2,5 triệu người. Đồng thời, trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng.	
	– Giải quyết những khó khăn về tài chính	
	Trước mắt, Chính phủ kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp, xây dựng "Quỹ độc lập", phát động "Tuần lễ vàng"... Chỉ trong thời gian ngắn, nhân dân đã tự nguyện góp được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập, 40 triệu đồng cho Quỹ đảm phụ quốc phòng.	
	Ngày 23–11–1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.	
2	**Hãy cho biết hoàn cảnh kí kết, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ 1954 về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương. Nêu hạn chế của Hiệp định.**	**2 điểm**
	a) Hoàn cảnh	
	– Thế giới	
	Từ năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ ta ; ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.	
	Hiệp định đình chiến ở Triều Tiên (1953) được kí kết, phản ánh một xu thế mới trong việc giải quyết các cuộc chiến tranh có sự tham gia của hai phe – xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.	
	Bối cảnh quốc tế trên có tác động về cả hai mặt – thuận lợi, khó khăn đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta nói chung, cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao nói riêng.	

	– Trong nước	
	Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Đảng và Chính phủ ta luôn tỏ rõ quan điểm là sẵn sàng giải quyết cuộc chiến tranh bằng con đường ngoại giao, nhưng bị Pháp từ chối.	
	Từ cuối năm 1953, cuộc kháng chiến của ta đi vào giai đoạn cuối. Với việc giành được những thắng lợi lớn trên mặt trận quân sự, chính trị..., Đảng ta chủ trương mở rộng mặt trận đấu tranh ngoại giao. Đối với Pháp, đến lúc này do bị thất bại nặng trên chiến trường nên chúng phải thay đổi thái độ.	
	b) Nội dung	
	Ngày 8–5–1954, Hội nghị bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương, đến ngày 21–7–1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết.	
	Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.	
	Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương, tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực ; ở Việt Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.	
	Cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương. Không được đặt căn cứ quân sự của nước ngoài ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào.	
	Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 – 1956.	
	c) Ý nghĩa	
	Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương, được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.	
	Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.	
	d) Hạn chế	
	Đó là thắng lợi chưa trọn vẹn, mới giải phóng được miền Bắc.	
	Miền Nam vẫn dưới sự thống trị của Pháp, sau là Mĩ, cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.	

3	**Nêu tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954.**	**2 điểm**
	– ***Tình hình*** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được kí kết, chấm dứt cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. Ngày 10–10–1954, quân ta về tiếp quản Hà Nội ; ngày 1–1–1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô.	
	Ngày 16–5–1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng). Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.	
	Giữa tháng 5–1956, Pháp rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng chưa thực hiện Hiệp thương tổng tuyển cử tự do, thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam.	
	Ngay sau Hiệp định Giơnevơ, Mĩ liền thay thế thực dân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.	
	– ***Nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ***	
	Miền Bắc : hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.	
	Miền Nam : tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.	
	Nhiệm vụ chung của cách mạng hai miền Nam – Bắc là đánh đuổi đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tạo điều kiện để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Nêu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.	
	a) Những thành tựu trong công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945–1950)	
	Từ năm 1946 đến năm 1950, Liên Xô thực hiện kế hoạch 5 năm nhằm khôi phục nền kinh tế. Kế hoạch đã hoàn thành vượt mức trong thời gian 4 năm 3 tháng với những thành tích to lớn.	

	Công nghiệp phục hồi năm 1947 ; tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% (1950) so với mức trước chiến tranh.	
	Sản xuất nông nghiệp năm 1950 đạt mức trước chiến tranh.	
	Khoa học–kĩ thuật phát triển nhanh chóng. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền của Mĩ.	
	b) Nêu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.	
	Về công nghiệp : Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ), một số ngành có sản lượng cao nhất thế giới như dầu mỏ, than, thép... đi đầu trong lĩnh vực công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân...	
	Về nông nghiệp : tuy gặp nhiều khó khăn, trong những năm 60 sản lượng nông phẩm hằng năm tăng 16%.	
	Về khoa học–kĩ thuật : Liên Xô là nước đầu tiên trên thế giới phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957) và đưa con người vào vũ trụ (Iuri Gagarin, năm 1961), mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.	
	Về xã hội : Tỉ lệ công nhân chiếm hơn 55% lao động cả nước. Trình độ học vấn của người dân được nâng cao.	
	Về đối ngoại : Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình, an ninh thế giới, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời như thế nào ? Nêu ý nghĩa của sự thành lập nhà nước này.	
	a) Sự ra đời nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	
	Sau chiến tranh chống Nhật kết thúc, ở Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản (1946–1949).	
	Ngày 20–7–1946, cuộc nội chiến bùng nổ. Trong giai đoạn đầu, Quân giải phóng đã chủ trương phòng ngự tích cực (7–1946 đến 6–1947).	
	Từ tháng 6–1947, Quân giải phóng chuyển sang phản công, lần lượt giải phóng các vùng do Quốc dân đảng kiểm soát.	

	Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch bỏ chạy ra đảo Đài Loan.	
	Ngày 1–10–1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập, do Mao Trạch Đông làm Chủ tịch.	
	b) Ý nghĩa	
	Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do tiến lên chủ nghĩa xã hội.	
	Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.	

ĐỀ SỐ 4

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày nội dung, ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11–1939 và Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương Đảng tháng 5–1941.**	**3 điểm**
	a) Hội nghị Trung ương tháng 11–1939	
	Tháng 11–1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.	
	Xác định nhiệm vụ, *mục tiêu trước mắt* là đánh đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.	
	Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc ; chống tô cao, lãi nặng ; thay khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết bằng khẩu hiệu lập Chính phủ dân chủ cộng hoà.	
	Phương pháp đấu tranh, chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai ; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.	
	Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.	

	Đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng của Đảng : đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì chuẩn bị trực tiếp cho cuộc vận động cứu nước.	
	b) Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5–1941)	
	Ngày 28–1–1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, triệu tập Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương Đảng ở Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19–5–1941.	
	Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.	
	Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới người cày có ruộng... Sau khi đánh đuổi Pháp – Nhật sẽ thành lập Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	
	Thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, thay tên các hội Phản đế thành hội Cứu quốc và giúp đỡ Lào, Campuchia thành lập mặt trận.	
	Ngày 19–5–1941, thành lập Mặt trận Việt Minh. Năm tháng sau, Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ của Việt Minh được công bố chính thức.	
	Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ Hội nghị tháng 11–1936.	
2	**Phân tích tính thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Tại sao nói : thời cơ Cách mạng tháng Tám là thời cơ "ngàn năm có một" ?**	**2 điểm**
	a) Thời cơ Cách mạng tháng Tám	
	– Khách quan :	
	Đầu tháng 8–1945, quân Đồng minh tiến công quân Nhật ở châu Á–Thái Bình Dương. Ngày 6 và 9–8–1945, Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hirôsima và Nagasaki (Nhật Bản).	
	Ngày 9–8–1945, Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.	
	Ngày 15–8–1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang lo sợ, điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.	

	– *Chủ quan :* Đảng đã chuẩn bị chu đáo, nhân dân sẵn sàng nổi dậy khi có lệnh khởi nghĩa.	
	Ngày 13–8–1945, Trung ương Đảng và Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa Toàn quốc, ban bố "Quân lệnh số 1", phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.	
	Từ ngày 14 đến ngày 15 –8–1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước và quyết định những vấn đề quan trọng về đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.	
	Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17–8–1945, Đại hội Quốc dân ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.	
	b) Thời cơ "ngàn năm có một"	
	Chưa có lúc nào như lúc này, cách mạng nước ta hội tụ được những điều kiện thuận lợi để phát động toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền.	
	Thời cơ "ngàn năm có một" chỉ tồn tại trong thời gian từ sau khi quân phiệt Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh kéo vào giải giáp quân Nhật (đầu tháng 9- 1945).	
	Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh khi thời cơ đến, kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh (Anh – Pháp - Tưởng) vào Đông Dương giải giáp quân Nhật khiến Tổng khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.	
3	**Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ – chính quyền Sài Gòn trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961–1965). Nhân dân miền Nam chiến đấu đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ như thế nào ?**	**2 điểm**
	a) Âm mưu và thủ đoạn	
	"Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.	
	Âm mưu cơ bản của Mĩ là "dùng người Việt, đánh người Việt".	

	Để tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã đề ra các kế hoạch Xtalây – Taylo với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (giữa 1961 – cuối năm 1962) ; kế hoạch Giônxơn – Mác Namara được thực hiện trong 2 năm (1964 – 1965).	
	Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", sử dụng chiến thuật mới "trực thăng vận", "thiết xa vận".	
	"Ấp chiến lược" được coi là "quốc sách", là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", coi đó như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân để hòng "tát nước bắt cá", đàn áp tiêu diệt phong trào cách mạng.	
	Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho miền Nam.	
	b) Nhân dân miền Nam chiến đấu, đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và tay sai	
	-- Cuộc đấu tranh chống, phá "ấp chiến lược":	
	Cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra gay go, quyết liệt, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu. Cuối năm 1962, trên nửa tổng số "ấp chiến lược" với gần 70% nông dân toàn miền Nam vẫn do cách mạng kiểm soát.	
	Đến tháng 6–1965, địch chỉ còn kiểm soát 2200 ấp, vùng giải phóng của ta được mở rộng. Kế hoạch "ấp chiến lược", là xương sống của "Chiến tranh đặc biệt" về cơ bản bị phá sản. Chính quyền các cấp được thành lập.	
	- Phong trào đấu tranh chính trị : Ở đô thị, nhất là tại các thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng phong trào đấu tranh chính trị có những bước phát triển mạnh mẽ, diễn ra các cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, "đội quân tóc dài"...	

	– Trên mặt trận quân sự	
	Ngày 2–1–1963, quân dân miền Nam đã giành được thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho), đập tan cuộc hành quân càn quét của trên 2000 quân địch, có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng... yểm trợ.	
	Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa quan trọng, đã đánh bại các chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của địch. Chiến thắng này đã chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, làm dấy lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" khắp miền Nam.	
	Cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam làm cho kế hoạch Xtalây –Taylo bị phá sản. Ngày 1–11–1963, Mĩ giật dây các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn làm cuộc đảo chính giết anh em Ngô Đình Diệm. Chúng tiếp tục đưa ra kế hoạch Giônxơn –Mác Namara, nhằm bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm. Mặc dù vậy, từng mảng ấp chiến lược của địch tiếp tục bị phá vỡ.	
	Sau các chiến thắng lớn ở Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước) của quân dân miền Nam, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị thất bại hoàn toàn.	
	Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược lần thứ hai của quân dân miền Nam và cũng là thất bại có ý nghĩa chiến lược lần thứ hai của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, buộc địch phải thay đổi chiến lược quân sự, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết những biến đổi của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Theo em, biến đổi nào là quan trọng nhất ? Vì sao ?	
	a) Những biến đổi của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai	
	Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước trong khu vực Đông Nam Á hầu hết là thuộc địa hoặc phụ thuộc vào các nước đế quốc, đời sống của nhân dân các nước này vô cùng khổ cực.	

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực đều đã giành được độc lập : Indônêxia (17–8–1945), Việt Nam (2-9–1945), Lào (12-10–1945). Tuy nhiên, Việt Nam và Lào còn phải tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống Pháp, sau đó là Mĩ, tới năm 1975 mới giành độc lập, thống nhất trọn vẹn...

Sau khi giành được độc lập, các nước trong khu vực xây dựng, củng cố nền độc lập, ra sức phát triển kinh tế, văn hoá và đạt nhiều thành tựu quan trọng, có nước đã trở thành "con rồng" kinh tế châu Á như Xingapo. Có nước bước vào ngưỡng cửa của nước công nghiệp mới (NICs) như Thái Lan.

Đời sống vật chất và tinh thần của người dân các nước trong khu vực Đông Nam Á được nâng cao hơn trước chiến tranh, phúc lợi xã hội được bảo đảm.

Đến nay, tất cả các nước đều gia nhập tổ chức ASEAN. Mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế và văn hoá thông qua những nỗ lực hợp tác chung, trên tinh thần duy trì và ổn định khu vực.

b) Biến đổi quan trọng nhất là hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á đều đã giành được độc lập.

Có giành được độc lập thì các nước Đông Nam Á mới có điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Nêu tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật và chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973.

a) Về kinh tế

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ.

Công nghiệp : Khoảng nửa sau những năm 40, Mĩ chiếm hơn nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

Nông nghiệp : Năm 1949, sản lượng nông nghiệp Mĩ bằng 2 lần sản lượng của Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại.

Mĩ nắm 50% tàu thuyền trên biển, 3/4 dự trữ vàng của thế giới, kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

	Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.	
	b) Về khoa học – kĩ thuật	
	Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực : khoa học cơ bản, chế tạo công cụ sản xuất mới, sáng chế ra những vật liệu mới, tìm kiếm nguồn năng lượng mới, cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp và công cuộc chinh phục vũ trụ.	
	c) Về chính sách đối ngoại	
	Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Chiến lược toàn cầu nhằm 3 mục tiêu quan trọng : ngăn chặn, tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới ; đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình dân chủ, tiến bộ thế giới ; khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.	
	Để thực hiện chính sách đối ngoại đó, Mĩ khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh, đồng thời trực tiếp gây ra hoặc tiếp tay cho nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, bạo loạn, lật đổ... tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.	
	Năm 1972, Tổng thống Mĩ R. Níchxơn đi thăm Trung Quốc, rồi Liên Xô, nhằm hoà hoãn với hai nước lớn đó chống phá cách mạng các dân tộc.	

ĐỀ SỐ 5

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng và nhân dân ta từ sau Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương (5–1941). Nêu ý nghĩa của công cuộc chuẩn bị đó.**	**3 điểm**
	a) Xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang	
	- Xây dựng lực lượng chính trị	
	Nhiệm vụ cấp bách là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc.	

	Năm 1942, khắp các châu của Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc. Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập.	
	Ở Bắc Kì và Trung Kì, các "Hội phản đế" chuyển thành các "Hội cứu quốc", nhiều "Hội cứu quốc" mới được thành lập.	
	Năm 1943, Đảng đưa ra bản "Đề cương văn hoá Việt Nam". Năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam và Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam được thành lập và đứng trong Mặt trận Việt Minh. Đảng cũng tăng cường vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp và ngoại kiều Đông Dương chống phát xít.	
	– Xây dựng lực lượng vũ trang Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, đội du kích Bắc Sơn thành lập, hoạt động tại căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai. Năm 1941, các đội du kích Bắc Sơn thống nhất thành Trung đội Cứu quốc quân I (2–1941), phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (7–1941 đến 2–1942). Tháng 9–1941, Trung đội Cứu quốc quân II ra đời. Cuối 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập đội tự vệ vũ trang, tổ chức các lớp huấn luyện chính trị – quân sự...	
	– Xây dựng căn cứ địa cách mạng Hội nghị Trung ương tháng 11–1940 chủ trương xây dựng căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai. Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa.	
	b) Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền	
	Tháng 2–1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh – Phúc Yên) vạch ra kế hoạch chuẩn bị toàn diện cho khởi nghĩa vũ trang. Khắp nông thôn, thành thị miền Bắc, các đoàn thể Việt Minh, các Hội Cứu quốc được thành lập.	
	Tại Bắc Sơn – Võ Nhai, Trung đội Cứu quốc quân III ra đời (2–1944). Ở Cao Bằng, các đội tự vệ vũ trang, đội du kích thành lập. Năm 1943, 19 ban xung phong "Nam tiến" được lập ra để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai và phát triển lực lượng xuống miền xuôi.	

	Tháng 5–1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa". Ngày 22–12–1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thành lập. Hai ngày sau, đánh thắng hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần.	
	c) Ý nghĩa	
	Lực lượng chính trị và vũ trang cả nước được xây dựng và phát triển mạnh, sẵn sàng nổi dậy khi thời cơ đến.	
	Công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền được tiến hành gấp rút, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.	
2	**Trình bày những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.**	**2 điểm**
	Với ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược, quân dân miền Nam đã giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8–1965) đẩy lùi cuộc hành quân của 9000 tên địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên địch... Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam.	
	Quân và dân miền Nam đã đập tan cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ nhất (1965–1966) với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn của địch, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên khu V. Quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 104000 địch, trong đó có 42000 quân Mĩ...	
	Tiếp theo, quân và dân ta đập tan cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ hai (1966–1967) với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn "tìm diệt" và "bình định", lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), loại khỏi vòng chiến đấu 151000 tên địch, trong đó có 68000 quân Mĩ...	

	Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "ấp chiến lược".	
	Ở các thành thị, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, phật tử, binh sĩ Sài Gòn v.v... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.	
	Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế... Cương lĩnh của Mặt trận được nhiều nước và tổ chức quốc tế ủng hộ.	
3	**Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.**	**2 điểm**
	a) Nguyên nhân thắng lợi	
	Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước thắng lợi trước hết là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối quân sự, chính trị, ngoại giao độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.	
	Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc kháng chiến.	
	Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.	
	Sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.	
	b) Ý nghĩa lịch sử	
	Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc kể từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám	

	năm 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước.	
	Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.	
	Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại nặng nề của đế quốc Mĩ, có tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng trên thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản (1952 – 1973)	
	Sau khi được phục hồi, từ năm 1952, kinh tế Nhật Bản có sự phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến năm 1973. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 1960 đến năm 1969 là 10,8%/năm. Năm 1968, Nhật đã vượt các nước Anh, Pháp, CHLB Đức, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ). Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới.	
	Về khoa học – kĩ thuật, Nhật Bản luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng việc mua các bằng phát minh sáng chế, tập trung vào sản xuất ứng dụng dân dụng và đạt nhiều thành tựu to lớn, với những sản phẩm nổi tiếng như ti vi, tủ lạnh, tàu biển, ôtô, tàu hoả, xây dựng chiếc cầu đường bộ nối liền đảo Hônsu với Sicôcư, đường ngầm nối đảo Hônsu và Hốccaiđô...	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy nêu những sự kiện chứng tỏ xu thế hoà hoãn giữa hai phe – TBCN và XHCN.	
	Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, hai cường quốc Xô - Mĩ đã tiến hành những cuộc gặp gỡ thương lượng, mở ra xu hướng hoà hoãn Đông – Tây. Các sự kiện chính :	

	Ngày 9–11–1972, hai nước Đức đã kí *Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức*.	
	Năm 1972, hai siêu cường đã thoả thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược. Ngày 26–5–1972, Liên Xô và Mĩ đã kí *Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa ABM* và *Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược*...	
	Tháng 8–1975, Mĩ và Canada cùng với 33 nước châu Âu kí *Định ước Henxinki*... nhằm đảm bảo an ninh châu Âu và sự hợp tác giữa các nước...	
	Định ước Henxinki năm 1975 đánh dấu sự chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai khối nước TBCN và XHCN ở châu Âu, ...	
	Từ năm 1985, các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa nguyên thủ hai nước Xô – Mĩ diễn ra hằng năm với các văn kiện hợp tác mà trọng tâm là thoả thuận về việc thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu và cắt giảm vũ khí chiến lược. Đây chính là những thoả thuận hạn chế chạy đua vũ trang giữa hai nước.	
	Tháng 12–1989, M.Goócbachốp và G. Busơ (cha) đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, do cả hai nước đã suy giảm vị thế, Mĩ bị Đức, Nhật Bản và Tây Âu cạnh tranh, còn Liên Xô thì lâm vào tình trạng khủng hoảng, trì trệ...	

ĐỀ SỐ 6

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925. Nêu vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.**	**3 điểm**
	a) Những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (1919 – 1925)	
	Sau 8 năm bôn ba khắp thế giới, năm 1917 Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).	

	Ngày 18–6–1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxai "Bản yêu sách của nhân dân An Nam" đòi quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.	
	Giữa năm 1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, khẳng định con đường giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.	
	Ngày 25–12–1920, Người dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành đảng viên cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.	
	Năm 1921, Người lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pari để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, ra báo *Người cùng khổ* là cơ quan ngôn luận của Hội. Người còn viết bài cho báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân...*, đặc biệt là tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp.*	
	Tháng 6–1923, Người đến Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).	
	Ngày 11–11–1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lí luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.	
	b) Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	
	Truyền bá chủ nghĩa Mác–Lênin về Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	
	Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6–1925) – tổ chức tiền thân của Đảng, trực tiếp huấn luyện và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt của Đảng.	
	Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác–Lênin làm nền tảng tư tưởng.	
	Soạn thảo Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.	

B- ÔLKT_MLICHSỬ-ĐN

2	**So sánh chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh giữa thời kì 1936 – 1939 với thời kì 1930 – 1931.**	**2 điểm**

	1930 – 1931	**1936 – 1939**
Nhận định kẻ thù	Đế quốc và phong kiến	Thực dân Pháp phản động và tay sai
Mục tiêu – nhiệm vụ	Độc lập dân tộc và người cày có ruộng	Tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình
Tập hợp lực lượng	Liên minh công nông	Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tập hợp mọi lực lượng dân chủ, yêu nước và tiến bộ
Hình thức đấu tranh	Bạo lực cách mạng, vũ trang, bí mật, bất hợp pháp : bãi công, biểu tình, đấu tranh vũ trang, lập các Xô viết ở Nghệ–Tĩnh.	Đấu tranh chính trị hoà bình, công khai, hợp pháp : phong trào Đông Dương Đại hội, đấu tranh nghị trường, báo chí, bãi công, bãi thị, bãi khoá...
Lực lượng tham gia	Chủ yếu là công nông	Đông đảo các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, chính trị
Địa bàn	Nông thôn và các trung tâm công nghiệp	Chủ yếu ở thành thị

3	**Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ? Nêu nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp.**	**2 điểm**

a) Nguyên nhân cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ

Sau khi Hiệp định Sơ bộ 6–3 và Tạm ước 14–9–1946 được kí kết, thực dân Pháp lại tìm cách phá hoại, đẩy mạnh việc chuẩn bị xâm lược nước ta một lần nữa.

Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp tiến đánh chiếm các vùng tự do của ta.

Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, hạ tuần tháng 11–1946, thực dân Pháp khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Tháng 12–1946, chúng chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương.

Ở Hà Nội, chúng chiếm một số cơ quan của ta (Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính), gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh, đầu cầu Long Biên... các ngày 18 và 19–12–1946, chúng gửi tối hậu thư đòi ta phá bỏ các chướng ngại, công sự, giải tán lực lượng tự vệ... Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận thì chậm nhất là sáng 20–12–1946, chúng sẽ hành động.

Trước âm mưu và hành động của thực dân Pháp, Đảng ta đã họp Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng (ngày 18 và 19–12–1946) quyết định phát động cả nước đứng lên kháng chiến.

b) Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến thể hiện ở các điểm : toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế

Kháng chiến toàn dân: Đường lối này xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ mục đích của cuộc kháng chiến, từ quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác–Lênin, từ tư tưởng "chiến tranh nhân dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Muốn phát huy sức mạnh của toàn dân kháng chiến phải đánh lâu dài, muốn có lực lượng đánh lâu dài phải huy động lực lượng toàn dân.

Kháng chiến toàn diện : Cuộc kháng chiến của ta bao gồm tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao. Chúng ta phải kháng chiến toàn diện, vì địch đánh ta không chỉ về quân sự mà cả chính trị, văn hoá và ngoại giao nên ta phải chống lại chúng toàn diện. Đồng thời, ta vừa "kháng chiến" vừa "kiến quốc", tức là xây dựng chế độ mới nên phải xây dựng toàn diện.

– *Kháng chiến lâu dài :* so sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta về quân sự và kinh tế, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, phải có thời gian để chuyển hoá lực lượng làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh, đến một lúc nào đó ta mạnh hơn địch, tiến lên đánh bại địch.

– *Kháng chiến tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế :*

Chúng ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến

	của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm.	
	Đường lối kháng chiến trên nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, toàn diện của dân tộc, khắc phục những nhược điểm của ta về vật chất, kĩ thuật, vừa đánh vừa bồi dưỡng sức dân, làm cho ta càng đánh càng mạnh để cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn. Đường lối kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh hơn trong quá trình kháng chiến, đặc biệt là tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951).	
PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 4a.Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày đặc điểm, những thành tựu chính của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX.	
	a) Đặc điểm	
	Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay là khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.	
	Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học, khoa học trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ về kĩ thuật và công nghệ.	
	Từ những năm 70, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật chủ yếu diễn ra về công nghệ, cuộc cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học – kĩ thuật. Vì thế, cuộc cách mạng này còn được gọi là cách mạng khoa học – công nghệ.	
	b) Thành tựu chính	
	– Trong lĩnh vực khoa học cơ bản có những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu những bước nhảy vọt chưa từng có trong lịch sử các ngành Toán, Lí, Hoá, Sinh học... Trên cơ sở những phát minh này, con người đã ứng dụng vào việc phục vụ sản xuất và đời sống (3–1997, cừu Đôli bằng phương pháp sinh sản vô tính đã ra đời, 6–2000 các nhà khoa học công bố "Bản đồ gen người").	
	– Trong lĩnh vực công nghệ đã xuất hiện những phát minh quan trọng và đạt những thành tựu to lớn :	

	Những công cụ sản xuất mới như sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động, rôbốt và hệ thống máy tự động...	
	Những nguồn năng lượng mới như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió...	
	Những vật liệu mới như pôlime, các loại vật liệu siêu sạch, siêu cứng...	
	Công nghệ sinh học đã dẫn tới thành công trong công nghệ di truyền, vi sinh..., dẫn tới "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.	
	Đạt được những tiến bộ thần kì trong lĩnh vực giao thông vận tải, thông tin liên lạc (máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hỏa tốc độ cao...) và chinh phục vũ trụ (vệ tinh nhân tạo, du hành vũ trụ)...	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Nêu các xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.	
	Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành với xu hướng đa cực, với sự vươn lên của Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc...	
	Các nước điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh của mỗi quốc gia...	
	Sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ có được một lợi thế tạm thời nên Mĩ đã ra sức thiết lập trật tự "một cực", với mục đích bá chủ thế giới.	
	Hoà bình thế giới được củng cố nhưng tình hình nhiều nơi không ổn định, vẫn còn xung đột vũ trang, nội chiến, khủng bố...	
	Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp. Tuy vậy, cuộc tấn công khủng bố kinh hoàng vào nước Mĩ ngày 11-9-2001 đã đặt các quốc gia trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố. Thế giới ngày nay, các quốc gia – dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.	

ĐỀ SỐ 7

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày sự ra đời, hoạt động và vai trò của các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng.**	**3 điểm**
	a) Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	
	– Sự ra đời	
	Năm 1924, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ, bí mật đưa về nước "truyền bá lí luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân", chọn một số thanh niên trong Tâm tâm xã lập ra Cộng sản đoàn (2–1925).	
	Tháng 6–1925, thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ.	
	Hoạt động	
	Báo *Thanh niên* (ra số đầu tiên 21-6-1925) và tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ Hội nhằm tuyên truyền cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân.	
	Năm 1927, Hội đã xây dựng cơ sở khắp cả nước, các kì bộ Trung, Bắc, Nam. Năm 1929, có khoảng 1700 hội viên và có cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan).	
	Tháng 7–1925, Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước Triều Tiên, Inđônêxia lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.	
	Từ năm 1927 đến năm 1929, nhiều cuộc bãi công của công nhân, viên chức, học sinh... nổ ra.	
	Năm 1928, Hội chủ trương "vô sản hoá", đưa cán bộ của Hội đi vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh...	

	– *Vai trò :* Truyền bá chủ nghĩa Mác–Lênin, tuyên truyền vận động cách mạng, tổ chức quần chúng đấu tranh, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự thành lập chính Đảng vô sản sau này. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên xứng đáng là tiền thân của Đảng vô sản.	
	b) Tân Việt Cách mạng đảng	
	- *Sự ra đời :* Ngày 14–7–1925, tù chính trị ở Trung Kì cùng nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư Phạm Hà Nội lập ra Hội Phục Việt, sau đổi thành Hội Hưng Nam. Đến ngày 14–7–1928, Hội đổi thành Tân Việt Cách mạng đảng.	
	– *Hoạt động :* Chủ trương đánh đổ đế quốc chủ nghĩa nhằm thiết lập một xã hội bình đẳng và bác ái. Lực lượng : những trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, số còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập chính đảng cách mạng theo học thuyết Mác–Lênin.	
	Vai trò : Góp phần thúc đẩy sự phát triển các phong trào của công nhân, các tầng lớp nhân dân trong phong trào dân tộc, dân chủ ở các địa phương có đảng hoạt động.	
2	**Nêu hoàn cảnh lịch sử và diễn biến khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8–1945. Tác dụng của cao trào kháng Nhật cứu nước đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.**	**2 điểm**
	a) Hoàn cảnh lịch sử	
	- *Thế giới :* Đầu năm 1945, Liên Xô đánh bại phát xít Đức, một loạt các nước châu Âu được giải phóng. Ở châu Á - Thái Bình Dương, quân phiệt Nhật bị thất bại nặng nề.	
	- *Trong nước :* Tối 9–3–1945, Nhật đảo chính Pháp. Ngày 12–3–1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*, nhận định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Quyết định phát động một "cao trào kháng Nhật cứu nước" mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.	

	b) Diễn biến	
	Ở căn cứ Cao – Bắc – Lạng, Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện; chính quyền nhân dân được thành lập.	
	Ở Bắc Kì và Bắc Trung Kì, trước nạn đói trầm trọng, Đảng chủ trương "Phá kho thóc, giải quyết nạn đói", đáp ứng nguyện vọng cấp bách của nông dân, tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có.	
	Việt Minh lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Hiệp Hoà, Tiên Du, Bần Yên Nhân...	
	Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ. Hàng ngàn cán bộ cách mạng bị giam trong các nhà tù ở Hà Nội, Buôn Ma Thuột, Hội An đấu tranh đòi tự do, phá nhà giam, ra ngoài hoạt động.	
	Ở Nam Kì, Việt Minh hoạt động mạnh ở Mĩ Tho, Hậu Giang.	
	c) Tác dụng	
	Qua cao trào, lực lượng chính trị và vũ trang cả nước phát triển mạnh, tạo thời cơ cho Tổng khởi nghĩa mau chín muồi.	
	Là cuộc tập dượt lớn, có tác dụng chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa thắng lợi.	
3	**Trình bày những thắng lợi chung của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trong chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969–1973).**	**2 điểm**
	a) Trên mặt trận chính trị – ngoại giao	
	Ngày 6–6–1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập, là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam. Ngay khi vừa ra đời đã được 23 nước công nhận, trong đó 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.	
	Ngày 24 và 25–4–1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia được tổ chức. Hội nghị biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của 3 dân tộc Đông Dương, bước đầu	

	làm thất bại âm mưu chia rẽ khối đoàn kết của ba dân tộc Đông Dương và lập một phòng tuyến phản động hòng cô lập cách mạng Việt Nam của Mĩ cùng tay sai.	
	b) Trên mặt trận quân sự	
	Từ ngày 30–4 đến ngày 30–6–1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Campuchia chiến đấu anh dũng, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.	
	Từ ngày 12–2 đến ngày 23–3–1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn – 719" với sự tham gia của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, buộc quân Mĩ và quân đội Sài Gòn phải rút khỏi Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.	
	c) Trên mặt trận chống bình định	
	Ở các đô thị miền Nam, phong trào đấu tranh của nhân dân nổ ra rầm rộ, liên tục mà đi tiên phong là học sinh– sinh viên Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.	
	Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven đô thị đều có phong trào phá "ấp chiến lược", chống bình định nông thôn của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng đã giành được quyền làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân. Ở vùng giải phóng, chính quyền cách mạng đã cấp cho nông dân hơn 1,6 triệu ha ruộng đất.	
	Bước vào năm 1972, ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị (3–1972), lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp miền Nam. Trong thời gian ngắn ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược (thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh").	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4 a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
	Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của các nước đế quốc. Trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của quân phiệt Nhật.	

Tận dụng cơ hội Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, nhân dân Đông Nam Á khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố độc lập : Inđônêxia (17-8-1945), Việt Nam (2–9–1945), Lào (12-10 1945). Ở Miến Điện, Mã Lai, Philíppin, nhân dân cũng đã giải phóng nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn.

Ngay sau đó, các nước thực dân Âu-Mĩ lại trở lại xâm lược, chiếm đóng các nước Đông Nam Á. Trải qua cuộc đấu tranh kiên cường và gian khổ, các nước Đông Nam Á đều giành lại được độc lập : Philíppin tháng 7–1946, Liên bang Miến Điện tuyên bố độc lập tháng 1–1948, Mã Lai (nay là Malaixia) tháng 8–1957, Xingapo tháng 6–1959.

Ba nước Lào, Campuchia và Việt Nam kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp 1954, nhưng tới năm 1975 mới giành được độc lập hoàn toàn. Brunây trở thành quốc gia độc lập ngày 1–1- 1984 và Đông Timo sau cuộc trưng cầu dân ý tháng 8–1999 tách khỏi Inđônêxia, đến 20 5 -2002 trở thành quốc gia độc lập.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Hãy cho biết tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và những cải cách dân chủ từ năm 1945 đến năm 1952.

a) Tình hình

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bị tàn phá nặng nề : khoảng 3 triệu người chết, 40% đô thị, 80% tàu thuyền, 34% nhà máy, xí nghiệp bị phá huỷ,...

b) Những cải cách dân chủ

Về chính trị, Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã thực hiện những chính sách tiến bộ như xét xử tội phạm chiến tranh, xoá bỏ các tổ chức quân phiệt, loại bỏ những phần tử liên quan đến chủ nghĩa quân phiệt ra khỏi bộ máy nhà nước.

Hiến pháp ngày 3–5–1947, quy định Nhật Bản là nước quân chủ lập hiến. Hiến pháp mới vẫn duy trì ngôi vị Thiên hoàng song chỉ mang tính tượng trưng ; xác định Nghị viện gồm hai viện, do nhân dân bầu là cơ quan quyền lực tối cao. Chính phủ nắm quyền hành pháp do Thủ tướng đứng đầu.

	Nội dung Hiến pháp cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không đe doạ hoặc sử dụng vũ lực, không duy trì quân đội thường trực, chỉ có lực lượng phòng vệ dân sự...	
	Về kinh tế, thực hiện 3 cuộc cải cách lớn là : thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, trước hết là giải tán các Daibátxư, cải cách ruộng đất và dân chủ hoá lao động.	
	Về đối ngoại : Liên minh chặt chẽ với Mĩ, ngày 8–9–1951, Hiệp định hoà bình được kí kết. Cùng ngày, Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật được kí kết, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ được xây dựng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.	

ĐỀ SỐ 8

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào ? Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định.**	**3 điểm**
	a) Hoàn cảnh	
	Quân và dân miền Bắc đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 của Mĩ, buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari.	
	Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27 1–1973 giữa bốn ngoại trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự Hội nghị và bắt đầu có hiệu lực.	
	b) Nội dung Hiệp định	
	Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.	

	Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27–1–1973 và Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.	
	Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.	
	Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.	
	Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.	
	Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.	
	Hoa Kì cam kết đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.	
	c) Ý nghĩa	
	Đây là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.	
	Với Hiệp định Pari, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi quan trọng, tạo thời cơ để giải phóng hoàn toàn miền Nam.	
2	**Nêu nội dung chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng ta. Trình bày những nét chính về diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.**	**2 điểm**
	a) Nội dung chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam	
	Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.	
	Bộ Chính trị cũng nhận định cả năm 1975 là thời cơ và chỉ rõ : "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".	

	Bộ Chính trị nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt các cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.	
	Chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị đã thể hiện rõ sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng. Chủ trương đó thực sự là ngọn đuốc soi đường dẫn đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.	
	b) Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.	
	– Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4–3 đến 24–3)	
	Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ, nhưng địch nhận định sai hướng tiến công của quân ta, chỉ chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng và bố phòng có nhiều sơ hở. Ngày 10–3–1975, quân ta tiến công Buôn Ma Thuột – trận then chốt mở màn chiến dịch và giành thắng lợi (trước đó ngày 4–3, quân ta đánh nghi binh ở Plâyku và Kon Tum).	
	Ngày 12–3, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng không thành. Ngày 14–3–1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên. Trên đường rút chạy, địch bị quân ta truy kích tiêu diệt. Ngày 24–3–1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.	
	– Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ 21–3 đến 29–3) Ngày 21–3–1975, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch ở Huế. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25–3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến ngày 26–3, ta giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.	
	Đà Nẵng, căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ và quân đội Sài Gòn rơi vào thế bị cô lập. Sáng ngày 29–3–1975, quân ta từ 3 phía bắc, tây, nam tiến thẳng vào thành phố, 3 giờ chiều ta giải phóng toàn bộ Đà Nẵng.	
	Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy đánh địch, giành quyền làm chủ.	

	– Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26–4 đến 30–4)	
	17 giờ ngày 26–4–1975, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch. Năm cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.	
	10 giờ 45 phút ngày 30-4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các Sài Gòn. Dương Văn Minh vừa lên giữ chức Tổng thống chính quyền Sài Gòn ngày 28–4 đã phải đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh.	
	Sau khi giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại thừa thắng, nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy, theo phương thức "xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh". Ngày 2–5, Châu Đốc–tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng.	
3	**Nêu những thành tựu và yếu kém về kinh tế – xã hội của nước ta trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1986–1990 thực hiện đường lối đổi mới.**	**2 điểm**
	a) Thành tựu	
	Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, đến năm 1989, chúng ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, đến năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.	
	Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.	
	Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh. Từ năm 1986 đến năm 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần. Năm 1989, ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng với xuất khẩu.	
	Đã kiềm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hằng tháng năm 1986 là 20% thì năm 1990 là 4,4%.	

Nhờ đó, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh.
Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước... tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng sản phẩm cho xã hội.
b) Hạn chế, yếu kém
Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài.
Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút.
Sự nghiệp văn hoá có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ, mất dân chủ... còn nặng nề và phổ biến.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Trình bày những nét chính phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước châu Phi phát triển mạnh mẽ. Mở đầu là cuộc binh biến của binh lính và sĩ quan yêu nước Ai Cập (1952), lật đổ Vương triều Pharúc, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập (18-6–1953).
Cùng năm 1952, nhân dân Libi giành độc lập. Nhiều nước khác giành được độc lập : Tuynidi, Marốc và Xuđăng (năm 1956) ; Gana (năm 1957) ; Ghinê (năm 1958), đặc biệt là cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp (1954-1962) của nhân dân Angiêri thắng lợi.
Năm 1960, được lịch sử gọi là "Năm châu Phi" với 17 nước châu Phi được trao trả độc lập. Năm 1975, với thắng lợi của nhân dân Ănggôla, Môdămbích, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó về cơ bản tan rã.

	Từ sau năm 1975, các thuộc địa còn lại ở châu Phi đã giành được độc lập. Nhân dân Nam Rôđêdia tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Dimbabuê (4–1980) và Namibia tuyên bố độc lập (3–1990).	
	Ở Nam Phi, trải qua cuộc đấu tranh lâu dài, bản Hiến pháp tháng 11–1993 đã chính thức xoá bỏ chủ nghĩa Apácthai. Sau cuộc bầu cử dân chủ (4–1994), Nenxơn Mandêla trở thành vị Tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử Nam Phi.	
	Tới đây, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ đã hoàn toàn sụp đổ ở châu Phi cũng như trên toàn thế giới.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy nêu những sự kiện dẫn tới tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.	
	Sau năm 1945, hai nước Xô – Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh. Cụ thể với các sự kiện sau :	
	Sự kiện được coi là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô và gây nên Chiến tranh lạnh là thông điệp của Tổng thống Truman đọc tại Quốc hội Mĩ (12–3–1947)..., đề nghị viện trợ cho Thổ Nhĩ Kì và Hi Lạp, biến hai nước này thành căn cứ chống Liên Xô và Đông Âu.	
	Sự ra đời của kế hoạch Mácsan (6–1947), viện trợ cho Tây Âu khoảng 17 tỉ USD, nhằm phục hồi nền kinh tế Tây Âu, tạo nên sự đối lập về kinh tế và chính trị giữa Tây Âu TBCN với Đông Âu XHCN.	
	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ra đời (4–1949). Đây là liên minh quân sự lớn nhất do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.	
	Liên Xô và các nước Đông Âu đã thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (1–1949) để hợp tác giúp đỡ lẫn nhau và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (5–1955) một liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước XHCN châu Âu nhằm chống lại chính sách thù địch của Mĩ và các nước phương Tây.	
	Sự ra đời của hai khối quân sự đã đánh dấu sự xác lập của cục diện hai phe, hai cực. Chiến tranh lạnh đã bao trùm toàn thế giới.	

ĐỀ SỐ 9

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Sự thành lập, hoạt động của Mặt trận Việt Minh. Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.**	**3 điểm**
	a) Sự thành lập	
	Tháng 5-1941, Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp tại Pác Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc đã quyết định thành lập Việt Minh.	
	Ngày 19–5–1941, Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập, bao gồm các tổ chức quần chúng, lấy tên là các Hội cứu quốc.	
	b) Hoạt động	
	Cao Bằng được coi là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc. Năm 1942, Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh Cao–Bắc–Lạng thành lập. Năm 1943, lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng xuống miền xuôi, nối liền với căn cứ Bắc Sơn–Võ Nhai.	
	Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương văn hoá Việt Nam*, vận động thành lập Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam, Đảng Dân chủ Việt Nam. Công tác vận động binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp và Việt kiều cũng được tăng cường...	
	Năm 1944, sau chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" của Tổng bộ Việt Minh, các đội cứu quốc phát triển mạnh, đặc biệt ở các vùng căn cứ địa cách mạng, quần chúng nhân dân sẵn sàng vùng dậy giành chính quyền. Báo chí, sách... của Mặt trận đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, thu hút quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.	
	Đến ngày 22–12–1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ra đời, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng rừng núi, mở rộng căn cứ địa và các chiến khu cách mạng, tạo điều kiện cho sự thành lập Khu giải phóng Việt Bắc (6–1945)... Việt Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước – hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam sau này.	

9- ÔLKT...MLICHSỬ-ĐN

	Đến tháng 8–1945, Mặt trận Việt Minh đã phát triển trên phạm vi cả nước, công cuộc chuẩn bị lực lượng cách mạng của Đảng đã hoàn thành. Toàn thể dân tộc Việt Nam sẵn sàng vùng dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.	
	c) Vai trò của Mặt trận Việt Minh	
	Mặt trận Việt Minh đã tập hợp được đông đảo quần chúng, hình thành nên lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Mặt khác, còn phân hoá và cô lập kẻ thù, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào quân Pháp – Nhật và tay sai.	
	Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, lực lượng vũ trang cách mạng từng bước hình thành và phát triển, cùng với lực lượng chính trị đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.	
	Việt Minh còn làm tốt chức năng của chính quyền nhà nước khi ta chưa giành được chính quyền như chuẩn bị lực lượng cho tổng khởi nghĩa, tổ chức và lãnh đạo tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.	
2	**Trình bày âm mưu và hành động của Pháp – Mĩ ở Điện Biên Phủ. Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.**	**2 điểm**
	a) Âm mưu và hành động của Pháp ở Điện Biên Phủ	
	Để đối phó với các cuộc tiến công của ta lên Tây Bắc, Nava quyết định co lực lượng về giữ Điện Biên Phủ và xây dựng Điện Biên Phủ trở thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.	
	Nava tăng dần số quân chiếm đóng ở Điện Biên Phủ lên tới 16200 quân, với 49 cứ điểm, 2 sân bay, chia làm 3 phân khu. Điện Biên Phủ trở thành "pháo đài bất khả xâm phạm", "con nhím khổng lồ" ở núi rừng Tây Bắc, "cái máy nghiền khổng lồ", sẵn sàng "nghiền nát bộ đội chủ lực Việt Nam" nếu dám động vào Điện Biên Phủ.	

Điện Biên Phủ từ chỗ không có tên trong kế hoạch Nava, nay trở thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava, muốn đập tan kế hoạch này thì ta phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

b) Diễn biến : Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua ba đợt

Đợt 1, từ 13–3 đến 17–4 năm 1954, quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2 000 tên địch.

Đợt 2, từ ngày 30–3 đến ngày 26–4–1954, quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như E1, D1, C1, A1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch...

Đợt 3, từ ngày 1–5 đến ngày 7–5–1954, quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều 7–5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 ngày 7–5–1954, tướng Đờ Caxtơri – chỉ huy trưởng cùng toàn bộ Ban Tham mưu địch bị bắt. Tập đoàn cứ điểm của địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

c) Kết quả

Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 tên địch, trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi, phá huỷ 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

d) Ý nghĩa

Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi quân sự to lớn nhất của ta trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, trực tiếp mở ra khả năng kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

Làm cho kế hoạch Nava bị phá sản, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, tạo cơ sở thực lực để đi đến kí kết Hiệp định Giơnevơ về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương. Chiến thắng này đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

3	**Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga.**	**2 điểm**
	Làm thay đổi vận mệnh đất nước Nga và số phận hàng triệu con người ở Nga. Một kỉ nguyên mới đã mở ra trong lịch sử nước Nga.	
	Đưa giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột.	
	Làm thay đổi cục diện thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, để lại nhiều bài học quý báu cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày khái quát quá trình đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1950.	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc của Ấn Độ phát triển mạnh mẽ.	
	Năm 1946, ở Ấn Độ có 848 cuộc bãi công, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của 2 vạn thuỷ binh trên 20 chiến hạm ở Bombay (19–2–1946) chống thực dân Anh đòi độc lập.	
	Ngày 22-2–1946, 20 vạn nhân dân Bombay đã xuống đường đấu tranh ủng hộ thuỷ binh. Phong trào đấu tranh cũng lan rộng tới nhiều thành phố khác như Cancútta, Carasi, Mađrát.	
	Đầu năm 1947, cao trào bãi công tiếp tục dâng cao, tiêu biểu là các cuộc bãi công của 40 vạn công nhân ở Cancútta (2–1947).	
	Trước sức ép đó, thực dân Anh đã thực hiện chính sách thâm độc "chia để trị", chia Ấn Độ thành hai nước theo quy chế tự trị dựa trên đặc điểm tôn giáo : Ấn Độ của người Ấn Độ giáo và Pakixtan của người Hồi giáo. Ngày 15–8–1947, Ấn Độ tách thành hai quốc gia Ấn Độ và Pakixtan.	

	Đảng Quốc đại tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Ngày 26–1–1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập hoàn toàn và thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ, xoá bỏ mọi lệ thuộc vào thực dân Anh.	
	Sự thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ, có ảnh hưởng quan trọng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Nêu những nét chính về phong trào giải phóng dân tộc khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
	Nhiều nước Mĩ Latinh sớm giành được độc lập từ tay thực dân Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha từ đầu thế kỉ XIX, nhưng sau đó lại lệ thuộc vào Mĩ. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã biến khu vực Mĩ Latinh trở thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ diễn ra mạnh mẽ, tiêu biểu là sự thành công của cách mạng Cuba (1–1–1959).	
	Từ những năm 60– 70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ phát triển và giành được nhiều thắng lợi : Các quốc đảo vùng Caribê lần lượt giành được độc lập : Hamaica, Trinidát và Tôbagô... Nhân dân Panama đấu tranh đòi thu hồi kênh đào, buộc Mĩ phải trao trả lại vào năm 1999.	
	Cùng với bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân... cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ nên khu vực này được gọi là "Lục địa bùng cháy".	
	Phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước Xanvađo, Nicaragoa, Grênađa, Vênêxuêla... diễn ra liên tục, đã lật đổ chính quyền độc tài, thiết lập chính phủ dân tộc dân chủ.	

ĐỀ SỐ 10

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày nét chính diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nêu ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.**	**3 điểm**
	a) Diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	
	Từ ngày 14–8–1945, một số cấp bộ đảng, Việt Minh căn cứ tình hình cụ thể của địa phương và vận dụng chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phát động nhân dân khởi nghĩa ở nhiều xã, huyện của các tỉnh đồng bằng châu thổ sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Khánh Hoà...	
	Chiều 16–8–1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa.	
	Ngày 18–8–1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.	
	– Giành chính quyền ở Hà Nội : Chiều 17–8, quần chúng tổ chức mít tinh tại Nhà hát Lớn. Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội quyết định giành chính quyền vào ngày 19–8–1945. Ngày 18–8, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên các đường phố chính. Ngày 19–8, hàng chục vạn nhân dân xuống đường biểu dương lực lượng, chiếm Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện... Tối 19–8–1945, khởi nghĩa thắng lợi.	
	– Giành chính quyền ở Huế: Ngày 20–8, Uỷ ban khởi nghĩa được thành lập. Ngày 23–8–1945, hàng chục vạn nhân dân biểu tình thị uy chiếm các công sở, giành chính quyền về tay nhân dân.	
	– Giành chính quyền ở Sài Gòn : Xứ ủy Nam Kì quyết định khởi nghĩa ngày 25–8. Sáng 25–8–1945, các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong", công nhân, nông dân các tỉnh kéo về thành phố, chiếm các công sở và giành chính quyền.	

	– Đồng Nai Thượng và Hà Tiên giành chính quyền muộn nhất vào ngày 28–8–1945. Tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trên cả nước.	
	b) Ý nghĩa lịch sử	
	Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	
	Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới độc lập, tự do ; nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc ; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.	
	Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.	
	c) Bài học kinh nghiệm	
	Đảng có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn Việt Nam, nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.	
	Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất (Việt Minh), trên cơ sở liên minh công nông ; triệt để phân hoá và cô lập kẻ thù.	
	Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần, chớp thời cơ tiến tới Tổng khởi nghĩa.	
2	**Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2–1951).**	**2 điểm**
	a) Hoàn cảnh	
	Từ 1947 đến 1950, cuộc kháng chiến của ta thu nhiều thắng lợi về quân sự, ngoại giao. Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Đông Dương, Pháp đề ra kế hoạch *Đờ Lát đơ Tátxinhi* đã làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta gặp nhiều khó khăn, phức tạp.	

	Tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển mới, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đề ra đường lối đánh thắng thực dân Pháp và can thiệp Mĩ. Đứng trước yêu cầu đó, Đảng ta đã họp Đại hội đại biểu lần thứ II. Đại hội họp từ ngày 11 đến 19–2–1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.	
	b) Nội dung Đại hội	
	Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh từ khi ra đời và khẳng định đường lối chống Pháp của Đảng.	
	Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày báo cáo *"Bàn về cách mạng Việt Nam"* nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn, xoá bỏ những tàn tích phong kiến, làm cho người cày có ruộng...	
	Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác–Lênin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là *Đảng Lao động Việt Nam*.	
	Đại hội thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới, quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.	
	Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Hồ Chí Minh được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.	
	c) Ý nghĩa	
	Đại hội Đảng lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".	
3	**Nêu những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961–1965).**	**2 điểm**
	Trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, với nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp...	

	Công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng, từ năm 1961 đến năm 1964 vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho công nghiệp là 48%. Giá trị sản lượng công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960, nhiều khu công nghiệp mới ra đời : gang thép Thái Nguyên, nhiệt điện Uông Bí, khu công nghiệp Việt Trì...	
	Trong nông nghiệp, từ năm 1961 các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao, nông dân bước đầu áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thuỷ nông phát triển, trong đó có công trình Bắc Hưng–Hải. Nhiều hợp tác xã đã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc/hécta gieo trồng.	
	Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.	
	Về giao thông : hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn trước.	
	Về giáo dục : hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh, năm học 1964–1965 miền Bắc có hơn 9000 trường học các cấp với trên 2,6 triệu học sinh...	
	Về y tế : chăm lo sức khoẻ cho người dân ; đầu tư phát triển, xây dựng khoảng 6000 cơ sở y tế.	
	Trong 5 năm, miền Bắc đã chuyển vào miền Nam nhiều tấn vũ khí, dạn dược, thuốc men...	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

	Hãy cho biết đường lối và thành tựu trong công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.	
	a) Đường lối cải cách – mở cửa ở Trung Quốc	
	Tháng 12–1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối mới, mở đầu công cuộc cải cách kinh tế – xã hội do Đặng Tiểu Bình khởi xướng, đến Đại hội XII (9–1982) được nâng lên thành Đường lối chung.	

	Tại Đại hội XIII (10–1987), Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định : lấy phát triển kinh tế làm trung tâm ; tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.	
	b) Thành tựu	
	Sau 20 năm (1979–1998), nền kinh tế tiến bộ nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện.	
	Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là trên 8%. Năm 2000, GDP của Trung Quốc đạt hơn 1000 tỉ USD, thu nhập công nghiệp và xây dựng chiếm 51%, dịch vụ 33%, nông nghiệp chỉ còn 16%...	
	Khoa học – kĩ thuật, quốc phòng, văn hoá, giáo dục, y tế đạt nhiều thành tựu nổi bật (chế tạo thành công bom nguyên tử, đưa người bay vào không gian vũ trụ).	
	Về đối ngoại, chính sách của Trung Quốc có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế ngày càng nâng cao. Thu hồi Hồng Kông (7–1997) và Ma Cao (12–1999). Quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan từng bước được cải thiện.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Trình bày quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).	
	Ngày 18–4–1951, "Cộng đồng than – thép châu Âu" được thành lập với sự tham gia của 6 nước Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua.	
	Ngày 25–3–1957, 6 nước trên đã kí Hiệp ước Rôma, thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).	
	Đến ngày 1–7–1967, 3 tổ chức trên được hợp nhất thành "Cộng đồng châu Âu" (EC).	

	Ngày 7–12–1991, các nước EC kí Hiệp ước Maxtrích (Hà Lan) có hiệu lực từ ngày 1–1–1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước.	
	Liên minh châu Âu từng bước đi tới hợp nhất (nhất thể hoá) về chính trị và kinh tế như có một Nghị viện châu Âu (từ 1979), một đồng tiền chung (đồng Ơrô – Euro, từ ngày 1–1–1999) và ngày 1-1–2002 chính thức được sử dụng.	
	Ngày nay, Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực về kinh tế – chính trị vào hàng lớn nhất hành tinh, chiếm 1/4 GDP của thế giới, có trình độ khoa học – kĩ thuật tiên tiến.	

ĐỀ SỐ 11

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Xô viết Nghệ – Tĩnh ra đời và hoạt động như thế nào ? Nêu ý nghĩa của nó đối với Cách mạng tháng Tám.**	**3 điểm**
	– Sự ra đời :	
	Tháng 9–1930, phong trào cách mạng ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh lên đến đỉnh cao. Các cuộc biểu tình rầm rộ của quần chúng khiến cho chính quyền thực dân, phong kiến ở một số thôn xã bị tê liệt, tan rã.	
	Trong tình hình đó, nhiều cấp ủy Đảng ở thôn xã đã lãnh đạo nhân dân đứng ra làm chủ vận mệnh của mình, tự quản lí đời sống ở địa phương.	
	Tại Nghệ An, Xô viết ra đời từ tháng 9–1930 ở một số xã thuộc huyện Anh Sơn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên... Ở Hà Tĩnh, Xô viết thành lập ở các xã thuộc huyện Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Khê vào cuối năm 1930, đầu năm 1931.	
	- Hoạt động :	
	Các xô viết thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động, điều hành mọi mặt đời sống xã hội, với chức năng như một tổ chức chính quyền cơ sở.	

	Về chính trị : quần chúng được tự do hoạt động trong các doàn thể cách mạng, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ, tòa án nhân dân được thành lập.	
	Về kinh tế : tịch thu ruộng đất công, tiền, lúa công chia cho dân cày nghèo ; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối, xoá nợ cho người nghèo ; tổ chức đắp đê, phòng lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông ; lập các tổ chức để nông dân giúp đỡ nhau trong sản xuất.	
	Về văn hoá – xã hội : xoá bỏ các tệ nạn xã hội như mê tín, dị đoan, rượu chè, cờ bạc. Giữ gìn trật tự an ninh, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong nhân dân được xây dựng.	
	Ý nghĩa :	
	Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931. Tuy chỉ tồn tại được 4 – 5 tháng nhưng nó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.	
2	**Nêu hoàn cảnh lịch sử và diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.**	**2 điểm**
	a) Hoàn cảnh lịch sử	
	Đầu tháng 8-1945, quân Đồng minh tiến công quân Nhật ở châu Á-Thái Bình Dương. Ngày 6 và 9-8-1945, Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hirôsima và Nagasaki (Nhật Bản).	
	Ngày 9-8-1945, Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.	
	Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang lo sợ. Điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.	
	Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Việt Minh thành lập Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc, ban bố "Quân lệnh số 1", phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.	
	Từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước. Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, Đại hội quốc dân ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa...	

b) Diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
Chưa có lúc nào như lúc này, cách mạng nước ta hội tụ được những điều kiện thuận lợi như thế. Thời cơ "ngàn năm có một" chỉ tồn tại trong thời gian từ sau khi quân phiệt Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh kéo vào giải giáp quân Nhật (đầu tháng 9–1945).
Từ ngày 14–8–1945, một số cấp bộ Đảng. Việt Minh căn cứ tình hình cụ thể của địa phương và vận dụng chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phát động nhân dân khởi nghĩa ở nhiều xã, huyện ở các tỉnh đồng bằng châu thổ sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Khánh Hoà...
Chiều 16–8–1945, theo lệnh của Uỷ ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa.
Ngày 18–8–1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.
– Giành chính quyền ở Hà Nội : Chiều 17–8, quần chúng tổ chức mít tinh tại Nhà hát Lớn. Uỷ ban khởi nghĩa Hà Nội quyết định giành chính quyền vào ngày 19 8–1945. Ngày 18–8, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên các đường phố chính. Ngày 19–8, hàng chục vạn nhân dân xuống đường biểu dương lực lượng, chiếm Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện... Tối 19–8–1945, khởi nghĩa thắng lợi.
– Giành chính quyền ở Huế : Ngày 20–8, Uỷ ban khởi nghĩa được thành lập. Ngày 23–8–1945, hàng chục vạn nhân dân biểu tình thị uy chiếm các công sở, giành chính quyền về tay nhân dân.
– Giành chính quyền ở Sài Gòn : Xứ uỷ Nam Kì quyết định khởi nghĩa ngày 25–8. Sáng 25–8–1945, các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong", công nhân, nông dân các tỉnh kéo về thành phố, chiếm các công sở và giành chính quyền.
– Đồng Nai Thượng và Hà Tiên giành chính quyền muộn nhất vào ngày 28–8–1945. Tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trên cả nước.

3	**Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973.**	**2 điểm**
	a) Nội dung Hiệp định	
	Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.	
	Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27–1–1973 và Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.	
	Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.	
	Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.	
	Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.	
	Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.	
	Hoa Kì cam kết đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.	
	b) Ý nghĩa	
	Đây là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.	
	Với Hiệp định Pari, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi quan trọng, tạo thời cơ để giải phóng hoàn toàn miền Nam.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày đặc điểm, những thành tựu chính và tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX.	
	a) Đặc điểm	
	Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay là khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.	

	Mỗi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học, khoa học trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ về kĩ thuật và công nghệ.	
	Từ những năm 70, cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về công nghệ, cuộc cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học – kĩ thuật. Vì thế cuộc cách mạng này còn được gọi là cách mạng khoa học – công nghệ.	
	b) Thành tựu chính	
	– Trong lĩnh vực khoa học cơ bản có những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu những bước nhảy vọt chưa từng có trong lịch sử các ngành Toán, Lí, Hoá, Sinh học... Trên cơ sở những phát minh này, con người đã ứng dụng vào phục vụ sản xuất và đời sống (3–1997, cừu Đôli bằng phương pháp sinh sản vô tính đã ra đời, 6 -2000 các nhà khoa học công bố "Bản đồ gen người").	
	– Trong lĩnh vực công nghệ đã xuất hiện những phát minh quan trọng và đạt những thành tựu to lớn :	
	+ Những công cụ sản xuất mới như sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động, rôbốt và hệ thống máy tự động...	
	+ Những nguồn năng lượng mới như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió...	
	+ Những vật liệu mới như pôlime, các loại vật liệu siêu sạch, siêu cứng...	
	+ Công nghệ sinh học đã dẫn tới thành công trong công nghệ di truyền, vi sinh..., dẫn tới "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.	
	+ Đạt được những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải, thông tin liên lạc (máy siêu âm khổng lồ, tàu hoả tốc độ cao...) và chinh phục vũ trụ (vệ tinh nhân tạo, du hành vũ trụ)...	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Trình bày cuộc đấu tranh chống đế quốc của nhân dân Lào từ năm 1945 đến năm 1975.	
	Giữa tháng 8–1945, Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, tận dụng thời cơ thuận lợi, ngày 23–8–1945 nhân dân Lào đã nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12–10–1945, Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.	

	Tháng 3–1946, Pháp trở lại xâm chiếm Lào. Cuộc kháng chiến bùng nổ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến của nhân nhân Lào ngày càng phát triển.	
	Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, Pháp buộc phải kí Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương ngày 21–7–1954, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Lào.	
	Sau đó, Mĩ thay chân Pháp, tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, quân dân Lào đã tiến hành cuộc đấu tranh trên cả ba mặt trận : quân sự – chính trị - ngoại giao và giành được nhiều thắng lợi.	
	Nhân dân Lào lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ, vùng giải phóng mở rộng tới 4/5 lãnh thổ (đầu những năm 70).	
	Tháng 2–1973, *Hiệp định Viêng Chăn* về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết.	
	Từ tháng 5 đến tháng 12–1975, quân dân Lào đã tiến hành tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn đất nước. Ngày 2 12–1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tuyên bố thành lập.	

ĐỀ SỐ 12

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Bằng kiến thức lịch sử về cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1930, hãy làm sáng tỏ công lao của Người đối với cách mạng Việt Nam.**	**3 điểm**
	– Năm 1920, ngay sau khi tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam để hình thành con đường cách mạng Việt Nam.	

– Cùng với quá trình đó, Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về mọi mặt tư tưởng, chính trị, tổ chức để tiến tới thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, để lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện con đường cứu nước mới.
Về mặt tư tưởng chính trị :
Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp đang sống ở Pari thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari. Hội có nhiệm vụ tuyên truyền tư tưởng cách mạng, truyền bá tài liệu về chủ nghĩa Mác – Lênin và sách báo cách mạng tới các thuộc địa Pháp.
Các tài liệu cách mạng đó được bí mật chuyển về trong nước nhằm giác ngộ những người công nhân. Vì vậy, phong trào công nhân Việt Nam được tiếp thu luồng tư tưởng mới.
Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc), Người mở các lớp huấn luyện cho những người yêu nước Việt Nam về lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, con đường cách mạng Việt Nam và phương pháp làm cách mạng.
Năm 1928, những người yêu nước này về nước thực hiện "vô sản hoá", đồng thời tuyên truyền, giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lênin cho đông đảo công nhân. Từ năm 1929, phong trào công nhân có bước phát triển về chất : từ tự phát lên tự giác.
Tổ chức cách mạng của tiểu tư sản ở trong nước là Tân Việt Cách mạng đảng cũng tiếp thu tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và ngả theo lập trường vô sản. Lúc này, phong trào yêu nước Việt Nam cũng phát triển đến đỉnh cao.
Về việc đào tạo cán bộ :
Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho những thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam đang hoạt động yêu nước ở Trung Quốc.
Một số người được tiếp tục đào tạo trong nhà trường ở cấp cao như được gửi sang học tại Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcơva (Liên Xô), hoặc Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

10- ÔLKT...MLICHSỬ-ĐN

	Về mặt tổ chức :	
	Tháng 2–1925, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã để tổ chức thành lập nhóm Cộng sản đoàn.	
	Tháng 6–1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai.	
	Trong quá trình phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước những năm 1928 – 1929, các tổ chức cách mạng đã chuyển thành các tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.	
	Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, thông qua Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.	
2	**Chiến dịch Việt Bắc thu–đông 1947 diễn ra như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa của chiến dịch.**	**2 điểm**
	a) Âm mưu	
	Tháng 3 – 1947, Bôlae được cử sang làm Cao uỷ Pháp ở Đông Dương, Bôlae vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt quân chủ lực của ta, hòng nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.	
	b) Cuộc tiến công lên Việt Bắc của Pháp	
	Thực dân Pháp huy động 12000 quân, mở cuộc tiến công lên Việt Bắc từ ngày 7–10–1947. Rạng sáng 7 – 10 – 1947, một binh đoàn quân Pháp nhảy dù xuống chiếm Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn...	
	Cùng ngày, một binh đoàn cơ giới tiến theo Đường số 4 đánh Cao Bằng, rồi theo Đường số 3 vòng xuống Bắc Kạn, bao vây Việt Bắc từ phía đông và phía bắc.	
	Ngày 9–10–1947, binh đoàn hỗn hợp bộ binh, lính thuỷ đánh bộ ngược sông Hồng và sông Lô lên Tuyên Quang bao vây căn cứ Việt Bắc ở phía tây.	

	c) Diễn biến	
	Chủ trương của ta : Khi Pháp vừa tiến công lên Việt Bắc, Đảng ta đã ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp".	
	Quân ta đã chủ động bao vây và tiến công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã... buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã cuối tháng 11–1947.	
	Ở mặt trận hướng đông, quân ta chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là trận đèo Bông Lau (30–10–1947).	
	Ở mặt trận hướng tây, quân dân ta liên tục chặn đánh địch nhiều trận trên sông Lô, nổi bật là trận Đoan Hùng, Khe Lau.	
	Hai gọng kìm Đông và Tây của địch không khép kín lại được mà đã bị bẻ gãy. Ngày 19–12–1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, chiến dịch Việt Bắc kết thúc với thắng lợi thuộc về ta.	
	d) Kết quả Quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, 11 tàu chiến và ca nô, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh. Cơ quan đầu não kháng chiến vẫn được bảo toàn, bộ đội ta ngày càng trưởng thành.	
	e) Ý nghĩa Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới. Chiến thắng Việt Bắc đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta và thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".	
3	**Hãy cho biết điều kiện lịch sử để Đảng ta đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. Nêu nội dung, ý nghĩa của chủ trương, kế hoạch đó.**	**2 điểm**
	a) Điều kiện lịch sử	
	Sau Hiệp định Pari, nhất là từ cuối năm 1974 – đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng miền Nam : Mĩ phải rút hết quân về nước.	

	Thực tế, sau thắng lợi Phước Long (6–1–1975) với sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn ; về khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mĩ là điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam.	
	b) Nội dung chủ trương, kế hoạch	
	Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.	
	Bộ Chính trị cũng nhận định cả năm 1975 là thời cơ và chỉ rõ : "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".	
	Bộ Chính trị nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt các cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.	
	c) Ý nghĩa	
	Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị đã thể hiện rõ sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng. Chủ trương đó thực sự là ngọn đuốc soi đường dẫn đến thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.	
PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Tổ chức Hiệp ước Vácsava được hình thành và tác động đối với tình hình thế giới như thế nào ?	
	a) Sự hình thành	
	Tháng 4–1949, tại thủ đô Oasinhtơn, Mĩ và 11 nước phương Tây (Anh, Pháp, Canada, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua, Đan Mạch, Na Uy, Aixơlen, Bồ Đào Nha) đã kí Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương, chính thức thành lập NATO. Sau này thêm Hi Lạp, Thổ Nhĩ Kì (1952), Cộng hoà Liên bang Đức (1955), Tây Ban Nha (1982) nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.	

	Để chống lại chính sách thù địch của Mĩ và các nước phương Tây. Tháng 5–1955, Liên Xô và các nước Đông Âu (Anbani, Ba Lan, Hunggari, Bungari, Cộng hoà Dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Rumani) đã thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị–quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.	
	b) Tác động đối với tình hình thế giới	
	Thế giới hình thành hai phe – tư bản chủ nghĩa do Mĩ đứng đầu và XHCN do Liên Xô đứng đầu.	
	Chiến tranh lạnh đã bao trùm cả thế giới.	

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

	Trình bày khái quát phong trào giải phóng dân tộc khu vực Trung Đông và cuộc kháng chiến của nhân dân Palextin từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.	
	Trước chiến tranh, khu vực Trung Đông thuộc ảnh hưởng của Anh, Pháp. Sau chiến tranh, Mĩ lợi dụng sự suy yếu của Anh, Pháp và từng bước chiếm ảnh hưởng ở khu vực này. Năm 1946, Pháp công nhận độc lập của Xiri, Libăng. Ngày 14–8–1958, cuộc cách mạng Irắc thành công. Tháng 2–1979, cách mạng Hồi giáo Iran thắng lợi, thành lập nước Cộng hoà Hồi giáo Iran.	
	Tiêu biểu cho phong trào giải phóng dân tộc Trung Đông là cuộc kháng chiến của nhân dân Palextin. Tháng 11–1947, Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết số 181, chia lãnh thổ Palextin làm hai phần : một phần của người Do Thái và một phần của người Palextin. Ngày 14–5–1948, Nhà nước Ixraen của người Do Thái được thành lập. Các nước A Rập đã tiến hành cuộc đấu tranh chống Mĩ và Israen. Trải qua 4 cuộc chiến tranh (1948–1949, 1956, 1967, 1973), Israen đã chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Palextin và đất đai của một số nước A Rập như cao nguyên Gôlan (Xiri), bán đảo Xinai (Ai Cập), miền Nam Libăng.	
	Dưới sự lãnh đạo của Tổ chức Giải phóng Palextin PLO (thành lập 1964) do Y. Araphát đứng đầu, cuộc kháng chiến của nhân dân Palextin diễn ra hết sức ngoan cường. Năm 1988, Nhà nước Palextin ra đời do Araphát làm Tổng thống.	

	Israen và Palextin đã tiến hành đàm phán, kí kết Hiệp định hoà bình Gada – Giêricô ngày 13–9–1993. Tiếp đó, ngày 28–9–1995 tại Mĩ, hai nước đã kí hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Palextin ở bờ Tây sông Gioócđan.	
	Ngày 23–10–1998, Israen và Palextin kí Bản ghi nhớ Oai Rivơ. Theo đó, Israen sẽ chuyển giao 27,2% lãnh thổ bờ Tây cho Palextin trong vòng 12 tuần. Song tiến trình hoà bình ở Trung Đông còn diễn ra hết sức khó khăn và phức tạp. Các cuộc xung đột vẫn không ngừng diễn ra.	

ĐỀ SỐ 13

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hãy cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ – chính quyền Sài Gòn trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961–1965).**	**3 điểm**
	"Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.	
	Âm mưu cơ bản của Mĩ là "dùng người Việt, đánh người Việt".	
	Để tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã đề ra các kế hoạch Xtalây – Taylo với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (giữa 1961 – cuối 1962) ; kế hoạch Giônxơn–Mác Namara được thực hiện trong 2 năm (1964 – 1965).	
	Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", sử dụng chiến thuật mới "trực thăng vận", "thiết xa vận".	
	"Ấp chiến lược" được coi là "quốc sách", là "xương sống" của "Chiến tranh đặc biệt", coi đó như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân để "tát nước bắt cá", để đàn áp, tiêu diệt phong trào cách mạng và bóc lột nhân dân ta.	

	Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho miền Nam.	
2	**Nêu những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 –1965).**	**2 điểm**
	Trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm...	
	Công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng. Giá trị sản lượng công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960, nhiều khu công nghiệp mới ra đời : gang thép Thái Nguyên, nhiệt điện Uông Bí, khu công nghiệp Việt Trì...	
	Trong nông nghiệp, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao, nông dân bước đầu áp dụng khoa học–kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp... Nhiều hợp tác xã đã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc/hécta gieo trồng.	
	Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.	
	Về giao thông : hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn trước.	
	Về giáo dục : hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh. Năm học 1964 – 1965 miền Bắc có hơn 9000 trường học các cấp với trên 2,6 triệu học sinh...	
	Về y tế : chăm lo sức khoẻ cho nhân dân, đầu tư phát triển, xây dựng khoảng 6000 cơ sở y tế.	
	Miền Bắc đã chuyển vào miền Nam nhiều tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men. Nhiều đơn vị vũ trang, cán bộ quân sự được đưa vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu.	

3	**Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ.**	**2 điểm**
	– Nguyên nhân thắng lợi : Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước thắng lợi trước hết là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối quân sự, chính trị, ngoại giao độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo ; đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.	
	Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc kháng chiến.	
	Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương. Sự đồng tình, ủng hộ giúp đỡ to lớn, của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.	
	– Ý nghĩa lịch sử Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước.	
	Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử của dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.	
	Thắng lợi của ta, thất bại nặng nề của đế quốc Mĩ, có tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng trên thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Khái quát tình hình Inđônêxia sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
Trong chiến tranh, dưới ách chiếm đóng của phát xít Nhật, phong trào đấu tranh diễn ra mạnh mẽ. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, ngày 17–8–1945 tại thủ đô Giacácta, Xucácnô (lãnh tụ Đảng Quốc dân) đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Inđônêxia.	
Ngày 18–8 1945, Uỷ ban trù bị độc lập đã họp, thông qua Hiến pháp, bầu Xucácnô làm Tổng thống nước Cộng hoà Inđônêxia.	
Tháng 11-1945, thực dân Hà Lan trở lại xâm lược Inđônêxia. Cuộc kháng chiến bùng nổ. Tháng 11–1949, Hiệp ước La Hay được kí kết, Inđônêxia vẫn phụ thuộc nhiều mặt vào Hà Lan.	
Do cuộc đấu tranh của nhân dân, ngày 15–8–1950 nước Cộng hoà Inđônêxia thống nhất được thành lập. Từ năm 1953, chính phủ Inđônêxia do Xucácnô đứng đầu đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm củng cố độc lập, chủ quyền đất nước.	
Ngày 30–9–1965, một cuộc đảo chính quân sự nổ ra nhưng bị thất bại. Từ năm 1967, Xucácnô lên làm Tổng thống, tình hình Inđônêxia đi dần vào ổn định.	
Inđônêxia hiện nay đang đứng trước những khó khăn về xung đột sắc tộc – li khai, chủ nghĩa khủng bố... cùng những thiên tai như động đất, sóng thần.	

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Xu thế toàn cầu hoá được thể hiện trên những lĩnh vực nào ? Vì sao nói : toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển ?	
a) Xu thế toàn cầu hoá được thể hiện trên những lĩnh vực :	
Sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ thương mại quốc tế. Nền kinh tế các nước có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau.	
Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia. Có khoảng 500 công ti xuyên quốc gia lớn kiểm soát 25% tổng sản phẩm thế giới.	

	Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.	
	Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực, có vai trò ngày càng quan trọng trong các vấn đề kinh tế chung của thế giới.	
	b) Thời cơ và thách thức	
	Tích cực : Thúc đẩy sự phát triển nhanh, mạnh của lực lượng sản xuất, làm chuyển biến cơ cấu kinh tế, làm gia tăng tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế.	
	Tiêu cực : Làm trầm trọng thêm bất công xã hội, phân hoá giàu nghèo, dẫn tới nguy cơ mất bản sắc văn hoá dân tộc, xâm phạm nền độc lập tự chủ...	

ĐỀ SỐ 14

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trên cơ sở trình hoàn cảnh ra đời và những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, hãy làm rõ vai trò của tổ chức này đối với cách mạng Việt Nam.**	**3 điểm**
	Sự ra đời :	
	Năm 1924, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ, bí mật đưa về nước "truyền bá lí luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân", chọn một số thanh niên trong Tâm tâm xã lập ra Cộng sản đoàn (2–1925). Tháng 6- 1925, thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình.	
	Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ.	
	Hoạt động :	
	Báo *Thanh niên* (ra số đầu tiên 21–6–1925) và tác phẩm *"Đường Kách mệnh"* (1927) đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ Hội nhằm tuyên truyền cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân.	

	Năm 1927, Hội đã xây dựng cơ sở khắp cả nước, các kì bộ Trung, Bắc, Nam. Năm 1929, có khoảng 1700 hội viên và có cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan).	
	Tháng 7–1925, Người và một số nhà yêu nước Triều Tiên, Inđônêxia lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.	
	Từ năm 1927 đến năm 1929 nhiều cuộc bãi công của công nhân, viên chức, học sinh... nổ ra.	
	Năm 1928, Hội chủ trương "vô sản hoá", đưa cán bộ của Hội đi vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào công nhân càng phát triển mạnh, không chỉ bó hẹp ở một địa phương, ngành mà có sự liên kết thành phong trào chung.	
	Vai trò :	
	Truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin, tuyên truyền vận động cách mạng, tổ chức quần chúng đấu tranh, chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự thành lập chính Đảng vô sản sau này.	
	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên xứng đáng là tiền thân của Đảng vô sản.	
2	**Hãy cho biết những khó khăn và thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.**	**2 điểm**
	a) Khó khăn	
	Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ vừa mới ra đời đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Quân đội các nước Đồng minh, dưới danh nghĩa vào giải giáp quân đội Nhật, đã kéo vào nước ta.	
	Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo theo các tổ chức phản động Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) nhằm cướp chính quyền của ta.	
	Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, hơn một vạn quân đội Anh vào chiếm đóng, ra sức mở đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.	
	Lúc này, ở nước ta còn khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp, trong đó có một bộ phận theo lệnh của đế quốc Anh đánh lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.	

	Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới ra đời, chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu.	
	Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp của nước ta vốn đã lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục, tiếp đó nạn lụt lội, hạn hán kéo dài làm cho đồng ruộng không cày cấy được. Nhiều xí nghiệp vẫn nằm trong tay tư bản Pháp, các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi được sản xuất. Hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt...	
	Ngân sách Nhà nước hầu như trống rỗng, kho bạc chỉ còn hơn 1,2 triệu đồng. Chính quyền cách mạng chưa nắm được Ngân hàng Đông Dương. Quân Trung Hoa Dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho tài chính nước ta càng thêm rối loạn.	
	Các tàn dư văn hoá lạc hậu của chế độ thực dân, phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân ta không biết chữ.	
	Những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám là rất lớn, đã đặt nước ta vào tình thế hiểm nghèo "Ngàn cân treo sợi tóc".	
	b) Thuận lợi	
	Nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ, phấn khởi gắn bó với chế độ.	
	Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt lãnh đạo.	
	Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao...	
3	**Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu, hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn những năm đầu, từ sau Hiệp định Pari 1973 đến trước Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã diễn ra như thế nào ?**	**2 điểm**
	a) Âm mưu, hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari	
	– Với Hiệp định Pari năm 1973, Mĩ buộc phải rút quân về nước (ngày 29–3–1973), nhưng Mĩ vẫn giữ lại 2 vạn cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.	

– Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari. Chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", liên tiếp mở những cuộc hành quân "bình định – lấn chiếm" vùng giải phóng. Đây thực chất là hành động tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Níchxơn.

b) Đấu tranh của nhân dân miền Nam

Cuộc đấu tranh của dân và quân ta chống địch "bình định – lấn chiếm", chống âm mưu "tràn ngập lãnh thổ" của chúng, những tháng đầu sau Hiệp định đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, nên trên một số địa bàn quan trọng, ta bị mất đất, mất dân.

Trước tình hình đó, tháng 7–1974, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hội nghị nhấn mạnh, trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973, quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự ở đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Trong chiến dịch này (từ ngày 12–12–1974 đến ngày 6–1–1975), ta loại khỏi vòng chiến đấu 3 000 địch, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50 000 dân.

Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe doạ từ xa.

Thực tế thắng lợi của ta ở Phước Long và với phản ứng của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau đó, cho thấy rõ về sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn ; về khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mĩ.

	Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao, nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.	
	Tại các vùng giải phóng, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược cho cuộc chiến đấu hoàn thành giải phóng miền Nam.	
PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày cuộc đấu tranh của nhân dân Cuba lật đổ chế độ độc tài Batixta.	
	Tháng 3–1952, chế độ độc tài quân sự Batixta được thiết lập ở Cuba. Chính quyền Batixta xoá bỏ Hiến pháp tiến bộ, tàn sát nhiều người yêu nước.	
	Nhân dân Cuba đứng lên đấu tranh chống chế độ độc tài, mở đầu bằng cuộc tấn công trại lính Môncađa của 135 thanh niên yêu nước do Phiđen Cátxtơrô chỉ huy (26–7–1953).	
	Năm 1955, Phiđen Cátxtơrô chuyển sang hoạt động ở Mêhicô, tích cực chuẩn bị lực lượng. Cuối năm 1956, ông cùng 81 chiến sĩ trở về nước phát động nhân dân đấu tranh vũ trang lật đổ chế độ độc tài.	
	Ngày 1–1–1959, chế độ độc tài Batixta sụp đổ, cuộc cách mạng của nhân dân Cuba thắng lợi hoàn toàn. Nước Cộng hoà Cuba ra đời do Phiđen đứng đầu.	
	Thắng lợi của cách mạng Cuba nêu một tấm gương về một nước nhỏ bé nằm cạnh nước Mĩ vẫn có thể đấu tranh giành thắng lợi. Cuba trở thành lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc Mĩ Latinh.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Cuộc phong toả Béclin và bức tường Béclin được dựng lên như thế nào ?	
	Theo thoả thuận của Hội nghị Ianta và Pốtxđam, lãnh thổ và thủ đô Béclin (Đức) chia thành 4 khu vực do Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp chiếm đóng. Mĩ, Anh, Pháp đã từng bước cải cách kinh tế, chính trị ở Tây Đức, Tây Béclin nhằm chia cắt lâu dài nước Đức, chống phá vùng Đông Đức và Đông Béclin.	

	Trước tình hình đó, Liên Xô đã tiến hành phong toả Tây Béclin. Cuộc phong toả Béclin kéo dài khoảng hơn 1 năm, tình hình châu Âu trở nên căng thẳng.	
	Quan hệ giữa Đông Béclin và Tây Béclin vẫn diễn biến phức tạp. Mĩ và các nước Tây Âu đã lợi dụng vị trí của Tây Béclin để hoạt động lật đổ, phá hoại, gián điệp chống lại Đông Béclin và Cộng hoà Dân chủ Đức... Trước tình hình đó, đêm 12–8–1961 với sự giúp đỡ của Liên Xô, bức tường Béclin đã được dựng lên ngăn cách giữa Tây và Đông Béclin. Việc qua lại giữa Đông và Tây Béclin hoàn toàn chấm dứt.	
	Bức tường Béclin được coi là một biểu tượng của Chiến tranh lạnh, đối đầu Đông – Tây. Ngày 9–11–1989, Cộng hoà Dân chủ Đức tuyên bố bỏ ngỏ "Bức tường Béclin". Bức tường bị phá bỏ như một sự chấm dứt của Chiến tranh lạnh.	

ĐỀ SỐ 15

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Những nét chính về công cuộc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa từ sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5–1941) đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám.**	**3 điểm**
	Xây dựng lực lượng chính trị	
	Nhiệm vụ cấp bách là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc. Năm 1942, khắp các châu của Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc. Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập.	
	Ở Bắc Kì và Trung Kì, các "Hội phản đế" chuyển thành các "Hội cứu quốc", nhiều "Hội cứu quốc" mới được thành lập.	
	Năm 1943, Đảng đưa ra bản "Đề cương văn hoá Việt Nam". Năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam và Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam được thành lập và đứng trong Mặt trận Việt Minh.	

	Đảng cũng tăng cường vận động binh lính người Việt và ngoại kiều Đông Dương chống phát xít.	
	Báo chí của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã góp phần vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống thủ đoạn lừa bịp về chính trị, văn hoá của địch.	
	Xây dựng lực lượng vũ trang	
	Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành những đội du kích hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai.	
	Năm 1941, các đội du kích thống nhất lại thành Trung đội Cứu quốc quân I (14-2-1941). Cứu quốc quân I phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng để đối phó với sự vây quét của địch, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15-9-1941, Trung đội Cứu quốc quân II ra đời.	
	Xây dựng căn cứ địa	
	Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 chủ trương xây dựng căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai.	
	Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa.	
2	**Hãy cho biết hoàn cảnh ra đời và nội dung của kế hoạch Nava.**	**2 điểm**
	a) Hoàn cảnh	
	Lực lượng cách mạng của ta sau 8 năm kháng chiến đã lớn mạnh một cách toàn diện và liên tiếp giành thắng lợi ngày càng to lớn trên mặt trận quân sự. Vùng giải phóng được mở rộng, Chính quyền dân chủ dân dân, Mặt trận dân tộc thống nhất và khối liên minh công nông được củng cố. Dư luận quốc tế ngày càng đồng tình ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.	
	Trong khi đó, phía Pháp bị thiệt hại ngày càng nặng nề ; đến năm 1953, bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân và tiêu tốn hơn 2000 tỉ phrăng. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp. Quân Pháp trên chiến trường ngày càng đi vào thế phòng ngự, bị động.	

	Đế quốc Mĩ ra sức can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương, ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh, đồng thời tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.	
	b) Nội dung kế hoạch Nava : được chia thành hai bước	
	Bước thứ nhất, trong thu–đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược để bình định miền Trung và Nam Đông Dương, đồng thời ra sức mở rộng nguỵ quân, tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.	
	Bước thứ hai, từ thu–đông năm 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.	
	Từ thu–đông 1953, Nava tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ tới 44 tiểu đoàn quân cơ động, tiến hành nhiều cuộc càn quét bình định vùng chiếm đóng, mở các cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hoá (10–1953)... để phá kế hoạch tiến công của ta.	
3	**Trình bày diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.**	**2 điểm**
	a) Diễn biến : Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua ba đợt	
	Đợt 1, từ ngày 13–3 đến ngày 17– 4 năm 1954, quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2 000 địch.	
	Đợt 2, từ ngày 30 – 3 đến ngày 26–4–1954, quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như E1, D1, C1, A1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt địch...	
	Đợt 3, từ ngày 1 – 5 đến ngày 7–5–1954, quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều 7–5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 ngày 7–5–1954, tướng Đờ Cátxtơri – Chỉ huy trưởng cùng toàn bộ Ban Tham mưu địch bị bắt. Tập đoàn cứ điểm của địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.	

b) Kết quả
Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 địch, trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi, phá huỷ 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.
c) Ý nghĩa
Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi quân sự to lớn nhất của ta trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, trực tiếp mở ra khả năng kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.
Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ đã làm cho kế hoạch Nava bị phá sản, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, tạo cơ sở thực lực để đi đến kí kết Hiệp định Giơnevơ về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương. Chiến thắng này đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Trình bày những nét chính về Campuchia từ năm 1945 đến năm 1993.
Tháng 10–1945, Pháp quay trở lại xâm lược Campuchia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, từ năm 1951 là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, nhân dân Campuchia đã tiến hành kháng chiến chống Pháp.
Xihanúc đã tiến hành cuộc vận động ngoại giao, gây sức ép với thực dân Pháp, ngày 9–11–1953, Pháp phải kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Campuchia" nhưng vẫn đóng quân trên lãnh thổ Campuchia.
Với việc Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết, thực dân Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, Lào và Việt Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1970, Chính phủ Xihanúc đã thi hành đường lối hoà bình, trung lập, không liên kết, đất nước được hoà bình, ổn định và phát triển.

Ngày 18–3–1970, chính phủ Xihanúc bị lật đổ bởi thế lực tay sai thân Mĩ và chiến tranh mở rộng sang Campuchia. Cuộc kháng chiến chống Mĩ và tay sai của nhân dân Campuchia phát triển nhanh chóng. Ngày 17–4–1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia kết thúc thắng lợi.

Ngay sau đó, tập đoàn "Khơme đỏ" thi hành chính sách diệt chủng tàn bạo. Nhân dân Campuchia được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam đã nổi dậy đánh đổ tập đoàn Khơme đỏ. Ngày 7–1–1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, nước Cộng hoà Nhân dân Campuchia được thành lập.

Từ năm 1979, ở Campuchia đã diễn ra cuộc nội chiến kéo dài hơn 10 năm. Với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, ngày 23–10–1991 Hiệp định hoà bình về Campuchia được kí kết tại Pari.

Tháng 9 - 1993, Quốc hội mới họp thông qua Hiến pháp, tuyên bố thành lập Vương quốc Campuchia do Xihanúc làm Quốc vương, từ đó Campuchia dần dần đi vào ổn định và phát triển.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Hãy cho biết nguyên nhân dẫn đến sự mất ổn định ở khu vực Trung Đông. Nêu tiến trình hoà giải ở đây.

Trung Đông là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng tiếp giáp với ba châu Á, Phi, Âu, cùng với kênh đào Xuyê nối liền Địa Trung Hải ra Ấn Độ Dương, trở thành đầu mối giao thông quan trọng nhất.

Trung Đông là nơi cư trú của nhiều dân tộc và tôn giáo khác nhau như Hồi giáo, Thiên Chúa giáo...

Trong lịch sử trước đây đã từng diễn ra các cuộc chiến tranh đẫm máu. Mâu thuẫn giữa người Do Thái và người A Rập là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc xung đột và chiến tranh.

Trung Đông còn là khu vực tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn bởi các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là dầu mỏ ở khu vực này – chiếm 41% trữ lượng dầu của toàn thế giới.

	Những mâu thuẫn phức tạp giữa các phe phái trong nội bộ từng nước như thế lực cực hữu ở Israen, lực lượng Hồi giáo cực đoan trong các nước A Rập cũng như những hạn chế về sự thống nhất của thế giới A Rập ...	
	Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, xu thế hoà dịu ở Trung Đông xuất hiện. Các nước có nhiều nỗ lực để giải quyết cuộc xung đột giữa Israen và Palextin, nhưng những mâu thuẫn trong nội bộ Palextin (giữa phái HAMAS và FATA) càng làm cho tình hình trở nên phức tạp hơn.	

ĐỀ SỐ 16

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Hãy cho biết những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác động gì đến phong trào cách mạng Việt Nam ?**	3 điểm
	Hoàn cảnh thế giới và trong nước sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và những tác động của nó đến Việt Nam đã ảnh hưởng đến các khuynh hướng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.	
	Trong nước	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, chúng đã dùng mọi thủ đoạn để vơ vét, bóc lột nhân dân ta làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp trở nên sâu sắc. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta lên cao hơn trước.	
	Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, các giai cấp trong xã hội Việt Nam phân hoá sâu sắc hơn, các giai cấp bị áp bức bóc lột nặng nề đẩy mạnh đấu tranh, do đó phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra sôi nổi hơn, quyết liệt hơn với nhiều hình thức khác nhau.	

	Thế giới	
	Giữa lúc phong trào cách mạng Việt Nam đang diễn ra sôi nổi thì tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, đó là sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga 1917 ; hàng loạt các đảng Cộng sản ở các nước tư bản và các nước thuộc địa ra đời : Đảng Cộng sản Đức (1–1919), Đảng Cộng sản Mĩ (1921), Đảng Cộng sản Inđônêxia (5–1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (7–1921) ; Quốc tế Cộng sản được thành lập. Điều đó chứng tỏ phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng mới – khuynh hướng cách mạng vô sản.	
	Sự chuyển biến đó có ảnh hưởng và thúc đẩy sự chuyển biến của cách mạng Việt Nam. Trước hết, ảnh hưởng đến nhận thức của Nguyễn Ái Quốc trong việc lựa chọn con đường cứu nước.	
	Tháng 7 –1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lê nin, Người đã tìm thấy con đường cứu nước giải phóng cho dân tộc Việt Nam – con đường cách mạng vô sản đi theo chủ nghĩa Mác Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga.	
	Sau khi Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng vô sản, cùng với sự thất bại của các khuynh hướng cứu nước tư sản và với cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng, kể từ đó phong trào đấu tranh giành độc lập ở Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn.	
2	**Nêu hoàn cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng trong thời kì 1936 –1939.**	**2 điểm**
	Tình hình thế giới	
	Những năm 30 của thế kỉ XX, thế lực phát xít cầm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản tích cực chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh nhằm phân chia lại thế giới.	
	Tháng 7–1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII xác định nhiệm vụ chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.	

	Tháng 6-1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, thi hành cải cách tiến bộ ở thuộc địa.
	Tình hình trong nước
	Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, cử Toàn quyền mới, nới rộng quyền tự do báo chí ...
	Nhiều đảng phái chính trị hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, nhưng Đảng Cộng sản Đông Dương là mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ, chủ trương rõ ràng.
	Về kinh tế, Pháp tập trung khai thác thuộc địa để bù đắp thiệt hại cho kinh tế "chính quốc". Kinh tế Việt Nam phục hồi và phát triển nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc kinh tế Pháp.
	Về xã hội, đời sống đa số nhân dân khó khăn : Công nhân bị thất nghiệp còn nhiều... Nông dân không có đủ ruộng cày. Họ chịu mức địa tô cao và nhiều thủ đoạn bóc lột khác... Tư sản dân tộc chỉ lập được những công ti nhỏ, phải chịu thuế cao, bị tư bản nước ngoài chèn ép.
	Hầu hết các giai cấp, tầng lớp trong xã hội hăng hái tham gia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.
	Chủ trương mới của Đảng
	Tháng 7–1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, do Lê Hồng Phong chủ trì, họp ở Thượng Hải (Trung Quốc).
	Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và phong kiến.
	Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình.
	Kẻ thù trước mắt là thực dân phản động Pháp và tay sai. Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
	Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương.

	Sau đó, Hội nghị Trung ương các năm 1937 và 1938 bổ sung và phát triển nội dung cơ bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 7–1936. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 3–1938, Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.	
3	**Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi nào của quân và dân ta buộc Pháp phải chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài với ta ? Nêu âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch đó.**	
	Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 đã buộc thực dân Pháp phải chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài với ta.	
	Âm mưu của Pháp :	
	Sau khi chiếm được hầu hết các đô thị lớn trong cả nước, Pháp âm mưu mở cuộc tấn công lên Việt Bắc.	
	Tháng 3 - 1947, Bôlac được cử sang làm Cao uỷ Pháp ở Đông Dương, Bôlae vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc, nhằm mục tiêu :	
	Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt quân chủ lực của ta, hòng nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.	
	Chủ trương của ta : Khi Pháp vừa tiến công lên Việt Bắc, Đảng ta ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp".	
	Kết quả : Quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, 11 tàu chiến và ca nô, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh. Cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được giữ vững.	
	Ý nghĩa	
	Với chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới.	
	Chiến thắng Việt Bắc đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta và thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Nêu nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Theo em nguyên nhân nào là cơ bản ? Tại sao ?	
	– Thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế – xã hội, chủ quan duy ý chí, thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường. Điều đó làm cho nền kinh tế đất nước thiếu tính năng động, sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Về mặt xã hội thì thiếu dân chủ và công bằng, vi phạm pháp chế XHCN. Tình trạng đó kéo dài đã khơi sâu sự bất mãn trong quần chúng.	
	– Không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đưa tới khủng hoảng về kinh tế – xã hội.	
	– Khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm nặng nề.	
	– Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.	
	Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm 1989 – 1991 đã gây nên hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất lớn trong lịch sử phong trào cộng sản – công nhân quốc tế. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn tồn tại. Trật tự thế giới hai cực đã kết thúc.	
	Trong 4 nguyên nhân trên thì 3 nguyên nhân đầu là những nguyên nhân chủ quan đưa đến sự tan rã của chế độ xã hội chủ yếu ở Liên Xô và Đông Âu.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết tình hình Liên bang Nga trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX đến nay.	
	Liên bang Nga là "quốc gia kế tục" Liên Xô, trong đó được kế tục địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.	

	Về kinh tế, từ năm 1990 đến năm 1995 tăng trưởng GDP là âm. Từ năm 1996, nền kinh tế Nga dần dần phục hồi, đến năm 1997 tốc độ tăng trưởng đạt 0,5 %, năm 2000 là 9%.	
	Về chính trị, tuy Hiến pháp được ban hành tháng 12–1993, nhưng tình hình trong nước không ổn định, nhất là do phong trào li khai ở Trécxnia.	
	Về đối ngoại, lúc đầu ngả về phương Tây, sau có điều chỉnh, phát triển quan hệ với các nước châu Á.	
	Từ sau năm 2000, dưới chính quyền của Tổng thống V. Putin tình hình Liên bang Nga có nhiều chuyển biến tích cực về kinh tế, chính trị, vị thế quốc tế được nâng cao.	

ĐỀ SỐ 17

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trong giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1945 có những sự kiện lịch sử thế giới nào ảnh hưởng, tác động đến cách mạng Việt Nam ?**	**3 điểm**
	Từ năm 1930 đến năm 1945 có những sự kiện lịch sử thế giới đã ảnh hưởng, tác động đến cách mạng Việt Nam :	
	– Cuộc khủng khoảng kinh tế thế giới 1929 –1933 tác động đến tình hình kinh tế, xã hội các thuộc địa, trong đó có Việt Nam.	
	– Trên thế giới, chủ nghĩa phát xít ra đời và nắm quyền ở một số nước như Đức, Italia, Nhật Bản. Chúng ráo riết chuẩn bị cho cuộc chiến tranh thế giới mới nhằm chia lại thị trường, chống lại Liên Xô, phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng dân chủ tiến bộ.	
	Trước nguy cơ chiến tranh do chủ nghĩa phát xít gây ra, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở Mátxcơva (7–1935), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít, đề ra chủ trương thành lập mặt trận nhân dân ở các nước chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh do chúng gây ra.	

	Tại Pháp, năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp thắng cử lên nắm chính quyền. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã thi hành một số chính sách tự do, dân chủ tiến bộ ở một số thuộc địa, trong đó có Đông Dương và Việt Nam.	
	Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9–1939) với việc phát xít Đức chiếm hầu hết các nước châu Âu trong đó có nước Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức. Ở châu Á, Nhật đánh vào khu vực ảnh hưởng của các nước Mĩ, Anh, Pháp ở châu Á - Thái Bình Dương.	
	Liên Xô tham gia cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (6–1941), tính chất của cuộc chiến tranh thay đổi. Liên Xô đứng đầu các lực lượng dân chủ.	
	Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, Hội nghị Ianta được triệu tập và có những quyết định quan trọng. Tháng 5 –1945, phát xít Đức đầu hàng đồng minh không điều kiện ; tháng 8 -1945, quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.	
	Khi Hồng quân Liên Xô tiến công truy kích phát xít Đức, hàng loạt các nước Đông Âu được giải phóng và thành lập nhà nước dân chủ nhân dân ; phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, Phi phát triển, nhất là các nước trong khu vực Đông Nam Á.	
2	**Nêu nội dung, ý nghĩa của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5–1941).**	**2 điểm**
	a) Nội dung	
	Ngày 28–1–1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 ở Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19–5–1941.	
	Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.	
	Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng... Sau khi đánh đuổi Pháp – Nhật, sẽ thành lập Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	

	Thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, thay tên các hội Phản đế thành hội Cứu quốc và giúp đỡ Lào, Campuchia thành lập mặt trận.	
	Xác định hình thái các cuộc khởi nghĩa : đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa ; chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.	
	Ngày 19-5-1941, thành lập Mặt trận Việt Minh. Năm tháng sau, Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ Việt Minh được công bố chính thức.	
	b) Ý nghĩa	
	Hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng lần thứ 8 đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11-1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo để thực hiện mục tiêu ấy.	
3	**Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.**	**2 điểm**
	a) Nguyên nhân thắng lợi	
	Cuộc kháng chiến chống Pháp có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo ; toàn dân đoàn kết một lòng.	
	Nhờ có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn.	
	Đó là thắng lợi của tình đoàn kết giữa nhân dân 3 nước Đông Dương trong liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung. Sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác, cũng như sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.	
	b) Ý nghĩa lịch sử	
	Cuộc kháng chiến của nhân dân ta thắng lợi đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta.	

	Miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.	
	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi là một đòn mạnh giáng vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.	
	Thắng lợi này cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trong thời gian từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã đạt được những thành tựu gì ? Nêu ý nghĩa của những thành tựu đó.	
	– Thành tựu	
	Về công nghiệp : Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ), một số ngành có sản lượng cao nhất thế giới như dầu mỏ, than, thép... đi đầu trong lĩnh vực công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân...	
	Về nông nghiệp : Sản lượng nông phẩm trong những năm 60 tăng trung bình hằng năm là 16%.	
	Về khoa học– kĩ thuật : Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957) và đưa con tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất (1961 – I. Gagarin), mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.	
	Về đối ngoại : Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình, an ninh thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.	
	Về xã hội : có nhiều chuyển biến ; tỉ lệ công nhân chiếm hơn 50% lao động cả nước, học vấn của người dân được nâng cao.	

	– Ý nghĩa	
	Thể hiện bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Xô viết, là thành trì của hoà bình, chỗ dựa của cách mạng thế giới. Liên Xô là đối trọng với Mĩ, làm thất bại mọi âm mưu gây chiến, xâm lược.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Trình bày cuộc kháng chiến của nhân dân Lào chống thực dân, đế quốc xâm lược trong những năm 1945 –1975.	
	Giữa tháng 8–1945, Nhật Bản đầu hàng Đồng minh. Nắm thời cơ thuận lợi, ngày 23–8–1945 nhân dân Lào đã nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12–10–1945, Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố về nền độc lập của Lào.	
	Tháng 3–1946, thực dân Pháp trở lại xâm chiếm Lào. Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của bộ đội tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến của nhân nhân Lào ngày càng phát triển..	
	Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, Pháp buộc phải kí Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương ngày 21–7–1954, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Lào.	
	Nhưng sau đó, Mĩ thay chân Pháp, tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, quân dân Lào đã tiến hành cuộc đấu tranh trên cả ba mặt trận : quân sự – chính trị – ngoại giao và giành được nhiều thắng lợi.	
	Nhân dân Lào lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ, vùng giải phóng mở rộng tới 4/5 lãnh thổ (đầu những năm 70).	
	Tháng 2–1973, *Hiệp định Viêng Chăn* về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết.	
	Từ tháng 5 đến tháng 12–1975, quân dân Lào đã tiến hành tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn đất nước. Ngày 2–12–1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tuyên bố thành lập.	

ĐỀ SỐ 18

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã thực hiện chủ trương, sách lược gì để đối phó với thực dân Pháp từ sau ngày 2–9–1945 đến trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ ?**	**3 điểm**
	Từ ngày 2–9–1945 đến trước ngày 6–3–1946 : kiên quyết chống Pháp ở Nam Bộ	
	Với dã tâm xâm lược nước ta lần nữa, ngày 2–9–1945, thực dân Pháp đã xả súng vào những người dự mít tinh. Đêm 22 rạng sáng 23 -9–1945, thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ.	
	Quân dân ta kiên quyết đánh Pháp ở miền Nam vì thực dân Pháp đã vi phạm trắng trợn độc lập chủ quyền của dân tộc.	
	Quân và dân Sài Gòn – Chợ Lớn cùng với quân và dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến Sài Gòn, đánh phá kho tàng, phá nhà giam...	
	Phối hợp với các lực lượng vũ trang, nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn triệt phá nguồn tiếp viện, dựng chướng ngại vật và chiến luỹ trên đường phố. Quân Pháp trong thành phố bị bao vây và luôn bị tấn công.	
	Trung ương Đảng, Chính phủ đã kịp thời đề ra những chủ trương để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Cả nước chi viện về mọi mặt cho miền Nam. Các đơn vị xung phong "Nam tiến", nhân dân Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ quyên góp tiền thuốc men... ủng hộ nhân dân Nam Bộ kháng chiến.	
	Ý nghĩa : Ngăn chặn từng bước tiến công của địch, hạn chế âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của chúng, góp phần bảo vệ củng cố chính quyền cách mạng, tạo điều kiện cho cả nước có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho cuộc kháng chiến toàn quốc về sau.	

Từ ngày 6–3–1946 đến ngày 19- 12–1946 : Hoà hoãn với Pháp
Ngày 28–2 1946, Hiệp ước Hoa–Pháp được kí kết giữa Chính phủ *Trung Hoa Dân quốc* và Pháp đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường : Hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc. Hoặc là hoà hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó một lúc với nhiều kẻ thù.
Trước tình hình trên, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã chọn giải pháp *"hoà để tiến"*.
Chiều 6–3–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với G. Xanhtơni – đại diện Chính phủ Pháp bản *Hiệp định Sơ bộ*.
Với Hiệp định Sơ bộ, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do... có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng. Chính phủ Việt Nam đồng ý để cho 15000 quân Pháp được ra miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng ở những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm. Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam để đi đến cuộc đàm phán chính thức....
Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, cuộc đàm phán chính thức giữa hai chính phủ Việt Nam và Pháp tại Phôngtennơblô (7–1946) thất bại. Ở Đông Dương, quân Pháp tăng cường khiêu khích. Quan hệ Việt – Pháp căng thẳng.
Để kéo dài thêm thời gian hoà hoãn và tỏ rõ thiện chí hoà bình của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh – lúc đó đang ở thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách, đã kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14–9- 1946, nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá ở Việt Nam.
Việc kí Hiệp định Sơ bộ và bản Tạm ước là một chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Chính phủ ta. Ta đã tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng tay sai ra khỏi nước ta, có thêm thời gian hoà bình để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

	Về mặt pháp lí, Chính phủ Pháp đã phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, không còn là thuộc địa của Pháp.	
2	**Nêu những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở hai miền Bắc – Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954–1975).**	**2 điểm**
	Phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) làm phá sản chiến lược thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân mới, chuyển cách mạng miền Nam lên cao trào (từ giữ gìn lực lượng sang tiến công).	
	– Đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận, tiến công và nổi dậy, làm lung lay ba chỗ dựa của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là chính quyền và quân đội tay sai (công cụ), "ấp chiến lược" (xương sống) và đô thị (hậu cứ). Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ bị phá sản.	
	Chiến đấu đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967), làm phá sản chiến lược "hai gọng kìm" ("tìm diệt" và "bình định") của địch ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, mở đầu "thời kì sau Việt Nam" đối với Mĩ.	
	Quân dân ta, có sự phối hợp của quân dân Campuchia chiến đấu đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ – quân đội Sài Gòn đánh sang Campuchia (từ 30–4 đến 30–6–1970) và quân dân ta, có sự phối hợp của quân dân Lào chiến đấu đập tan cuộc "hành quân Lam Sơn – 719" của 4,5 vạn quân Mĩ – quân đội Sài Gòn đánh ra Đường 9 – Nam Lào (từ 12–2 đến 23–3–1971). Cuộc tiến công chiến lược năm 1972, mở đầu ngày 30–3 trên khắp miền Nam, đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.	
	Quân và dân miền Bắc đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mĩ vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27–1–1973) đã làm phá sản về cơ bản chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ, đã "đánh cho Mĩ cút".	

	Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, với 3 chiến dịch lớn là chiến dịch Tây Nguyên (từ 4 đến 24–3–1975), chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ 21 đến 29–3–1975), đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 đến 30–4–1975) đã "đánh cho ngụy nhào", làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", giải phóng Sài Gòn (30–4–1975) và toàn miền Nam (2–5–1975).	
3	**Trình bày hoàn cảnh, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" 1959–1960 ở miền Nam.**	**2 điểm**
	– Hoàn cảnh lịch sử	
	Trong những năm 1957–1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn.	
	Tháng 5–1957, Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Luật 10/59 công khai chém giết hàng vạn cán bộ, đảng viên, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày.	
	Đấu tranh hoà bình, chính trị của nhân dân miền Nam không phù hợp nữa, đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.	
	Tháng 1–1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng, đánh đổ chính quyền của Mĩ – Diệm. Xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.	
	Diễn biến	
	Phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương, như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) tháng 2–1959, Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8–1959, lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.	
	Tại Bến tre, ngày 17–1–1960, phong trào nổ ra ở một số xã thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện và các huyện Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại.	

	Quần chúng nổi dậy giải tán chính quyền địch, thành lập Uỷ ban nhân dân tự quản, thành lập lực lượng vũ trang. Phong trào "Đồng khởi" như nước vỡ bờ lan nhanh ra khắp các tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên và một số vùng miền Trung Trung Bộ.	
	- Kết quả	
	Phong trào Đồng khởi đã phá sập từng mảng lớn chính quyền địch ở các thôn xã, chính quyền về tay nhân dân...	
	Từ trong Đồng khởi, ngày 20–12–1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Mặt trận chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc... đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tập đoàn Ngô Đình Diệm.	
	Ý nghĩa lịch sử	
	Phong trào "Đồng khởi" thắng lợi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, chấm dứt thời kì tạm ổn định của chính quyền địch, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.	
	Phong trào "Đồng khởi" đánh dấu bước ngoặt, bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của cách mạng miền Nam, đồng thời cũng là thất bại có ý nghĩa chiến lược đầu tiên của Mĩ – Diệm.	
PHẦN RIÊNG (3 điểm)		
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Sau khi giành độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã thực hiện những chiến lược phát triển kinh tế gì ? Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược phát triển kinh tế đó.	
	Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN gồm Thái Lan, Malaixia, Xingapo, Philíppin và Inđônêxia.	
	Chiến lược kinh tế hướng nội	
	Trong những năm 50– 60, các nước này thực hiện chiến lược kinh tế : công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng trong nước thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất, nhờ đó đã đạt được những thành tựu to lớn.	

	Tuy nhiên, chiến lược kinh tế hướng nội cũng dần dần bộc lộ hạn chế là thiếu vốn, nguyên liệu, công nghệ lạc hậu, thị trường nhỏ hẹp, chi phí cao, làm ăn thua lỗ, tham nhũng, quan liêu phát triển.
	Chiến lược hướng ngoại
	Từ những thập kỉ 60 - 70, chính phủ các nước này chuyển sang chiến lược kinh tế hướng ngoại, công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo, mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn và công nghệ tiên tiến của nước ngoài, xuất khẩu hàng hoá, phát triển ngoại thương.
	Các nước đã đạt được những thành tựu to lớn. Thái Lan, Xingapo trở thành nước công nghiệp mới. Xingapo chuyển biến mạnh nhất với tốc độ tăng trưởng từ 1966 - 1973 liên tục là 12%/năm, trở thành một trong bốn "con rồng" kinh tế ở châu Á.
	Song chiến lược này cũng có những hạn chế như lệ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài, sự cạnh tranh quyết liệt, mất ổn định, độc lập tự chủ, tiêu biểu như cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997 – 1998.
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*	
	Xu thế toàn cầu hoá ngày nay được biểu hiện như thế nào ? Vì sao nói, toàn cầu hoá vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với các quốc gia đang phát triển ?
	Xu thế toàn cầu hoá được thể hiện trên những lĩnh vực sau :
	Xu thế toàn cầu hoá là hệ quả của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, nó là quá trình tăng lên mạnh mẽ của những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động lẫn nhau giữa các khu vực, các quốc gia – dân tộc trên thế giới.
	Sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ thương mại quốc tế. Nền kinh tế các nước có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau.
	Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia. Có khoảng 500 công ti xuyên quốc gia lớn kiểm soát 25% tổng sản phẩm thế giới.

	Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.	
	Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực, có vai trò ngày càng quan trọng trong các vấn đề kinh tế chung của thế giới.	
	Toàn cầu hoá vừa là thời cơ vừa là thách thức của các nước đang phát triển :	
	Tích cực : thúc đẩy sự phát triển nhanh, mạnh của lực lượng sản xuất, làm chuyển biến cơ cấu kinh tế, làm gia tăng tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế.	
	Tiêu cực : làm trầm trọng thêm bất công xã hội, phân hoá giàu nghèo, dẫn tới nguy cơ mất bản sắc văn hoá dân tộc, xâm phạm nền độc lập tự chủ...	

ĐỀ SỐ 19

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Tại sao thực dân Pháp đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ? Nêu các chính sách khai thác của Pháp ở Việt Nam.**	**3 điểm**
	Nguyên nhân	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp rút ra khỏi chiến tranh với tư thế của nước thắng trận nhưng bị thiệt hại nặng nề. Các ngành sản xuất công, nông, thương nghiệp và giao thông vận tải bị giảm sút nghiêm trọng. Các khoản đầu tư vào nước Nga bị mất trắng, đồng Phrăng mất giá...	
	Cuộc khủng hoảng thiếu trong các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất càng làm cho kinh tế Pháp gặp nhiều khó khăn. Pháp trở thành con nợ lớn, trước hết là của Mĩ. Vị thế của một cường quốc trong hệ thống thế giới tư bản của Pháp bị suy giảm nghiêm trọng. Vì vậy, Pháp cần phát triển vươn lên để khẳng định lại vị thế của mình.	

	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhu cầu về nguyên liệu (cao su), nhiên liệu (than đá) rất cao, đó cũng là ngành hàng thu lợi nhuận cao.	
	Để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra, đế quốc Pháp vừa tìm cách thúc đẩy sản xuất trong nước, vừa ráo riết đẩy mạnh việc đầu tư khai thác thuộc địa, trong đó có Đông Dương.	
	Chính sách khai thác : Ở Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam, Pháp thực hiện khai thác thuộc địa lần hai.	
	Về kinh tế : Pháp đầu tư mạnh với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam. Từ năm 1924 đến năm 1929, số vốn đầu tư khoảng 4 tỉ phrăng.	
	Nông nghiệp : Pháp đầu tư nhiều nhất, tăng cường cướp đoạt ruộng đất của nông dân, lập đồn điền chủ yếu trồng cao su. Diện tích trồng cao su được mở rộng, nhiều công ti cao su được thành lập.	
	Công nghiệp : Pháp còn mở mang các ngành dệt, muối, xay xát... Chú trọng khai thác mỏ, chủ yếu là mỏ than, ngoài ra còn khai thác thiếc, kẽm, sắt...	
	Thương nghiệp : ngoại thương có bước phát triển, quan hệ buôn bán nội địa được đẩy mạnh.	
	Giao thông vận tải : được mở rộng để phục vụ việc khai thác. Hệ thống đường sắt phát triển. Các tuyến đường thuỷ, bộ cũng được mở rộng, nhiều hải cảng được mở rộng và xây dựng.	
	Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành giấy bạc và cho vay lãi.	
	Thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp tăng thuế, do đó ngân sách Đông Dương thu năm 1930 tăng gấp 3 lần so với 1912.	
	Hậu quả : Pháp du nhập vào Việt Nam quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xen kẽ với quan hệ sản xuất phong kiến, kinh tế Việt Nam có những chuyển biến rõ rệt so với trước chiến tranh, nhưng về cơ bản, vẫn bị kìm hãm và lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.	
	Chính trị : Thực dân Pháp tăng cường cai trị và khai thác thuộc địa. Bộ máy cảnh sát, mật thám, nhà tù hoạt động ráo riết.	

	Thực hiện chính sách "chia để trị", chia rẽ dân tộc, tôn giáo, triệt để lợi dụng bộ máy cường hào của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn. Ngoài ra, Pháp còn tiến hành cải cách chính trị – hành chính, đưa thêm người Việt vào làm trong các công sở.	
	Văn hoá giáo dục : Hệ thống giáo dục Pháp – Việt được mở rộng. Cơ sở xuất bản, in ấn ngày càng nhiều, ưu tiên, khuyến khích xuất bản các sách báo cổ vũ chủ trương "Pháp – Việt đề huề". Các trào lưu tư tưởng, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, nghệ thuật phương Tây vào Việt Nam, tạo ra sự chuyển biến mới về nội dung, phương pháp tư duy sáng tác. Các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và ngoại lai nô dịch cùng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.	
2	**Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời như thế nào ? Nội dung cơ bản của bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2–9–1945.**	**2 điểm**
	Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà	
	Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội.	
	Ngày 28–8–1945, Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	
	Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước toàn thể quốc dân và thế giới : Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập.	
	Nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn Độc lập	
	Tuyên ngôn nêu rõ : "Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà".	
	Tuyên ngôn khẳng định "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập".	

	Cuối bản Tuyên ngôn, khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ vững nền tự do, độc lập mới giành được : "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".	
3	**Nêu sự giống và khác nhau giữa chiến lược chiến tranh của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam : Chiến tranh cục bộ và Việt Nam hoá chiến tranh.**	**2 điểm**
	a) Những điểm giống nhau giữa hai chiến lược	
	Đều là những chiến lược chiến tranh xâm lược, nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới.	
	Đều hoạt động phối hợp phá hoại miền Bắc, phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.	
	Đều gây tang tóc, đau thương đối với nhân dân ta.	
	b) Những điểm khác nhau giữa hai chiến lược	
	Chiến tranh cục bộ : Lực lượng tham gia là quân Mĩ, quân 5 nước đồng minh và quân đội Sài Gòn. Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu vừa cố vấn chỉ huy. Chiến tranh mở rộng ra cả miền Bắc bằng chiến tranh phá hoại (cả nước).	
	Việt Nam hoá chiến tranh : Lực lượng tham gia chủ yếu là quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hoả lực và không quân của Mĩ và quân đồng minh. Mĩ vừa cố vấn chỉ huy vừa phối hợp chiến đấu. Chiến tranh mở rộng ra cả miền Bắc, Lào, Campuchia (toàn Đông Dương).	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Trình bày khái quát chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000. Hãy cho biết đường lối đối ngoại của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì ?	
	Với ưu thế về nhiều mặt của nước Mĩ, các tổng thống Mĩ sau chiến tranh đều đưa ra các học thuyết nhằm phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Mĩ.	

	Chiến lược toàn cầu của Mĩ nhằm 3 mục tiêu quan trọng : *Một là*, ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn các nước xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân, phong trào hoà bình dân chủ, tiến bộ thế giới. *Ba là*, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh (nhất là các nước tư bản phát triển Tây Âu, Nhật Bản).	
	Để thực hiện chính sách đối ngoại đó, Mĩ chủ yếu dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế, như gây ra cuộc Chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang, thành lập các khối quân sự (NATO, SEATO, CENTO, ANZUS,...), xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự ở nhiều nơi trên thế giới, tiến hành hàng chục cuộc chiến tranh cục bộ, gây bạo loạn lật đổ, bao vây cấm vận kinh tế, tiến hành chiến tranh tâm lí, diễn biến hoà bình...	
	Năm 1972, Tổng thống Mĩ R. Níchxơn đi thăm Trung Quốc, rồi Liên Xô, nhằm hoà hoãn, thoả hiệp với hai nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất, lợi dụng mâu thuẫn trong phong trào cộng sản để chống phá cách mạng các nước.	
	Năm 1973, Mĩ phải kí Hiệp định Pari về Việt Nam, chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước, đánh dấu một thất bại nặng nề trong chính sách gây chiến, xâm lược của Mĩ.	
	Sau Chiến tranh lạnh, chính quyền Tổng thống Clintơn đã đề ra *Chiến lược Cam kết và Mở rộng* với ba mục tiêu : 1) Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh ; 2) Khôi phục sức mạnh của nền kinh tế Mĩ ; 3) Đề cao dân chủ và nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ các nước khác.	
	Mục tiêu bao trùm của Mĩ là muốn thiết lập Trật tự thế giới "đơn cực", trong đó Mĩ trở thành siêu cường duy nhất, đóng vai trò lãnh đạo thế giới.	
Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Mâu thuẫn Đông – Tây và Chiến tranh lạnh đã bắt đầu như thế nào ?	
	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mâu thuẫn Đông –Tây xuất hiện, đưa tới Chiến tranh lạnh với những biểu hiện sau đây :	

Một là, sự đối lập về mục tiêu giữa Liên Xô và Mĩ. Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình, ủng hộ các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc ; Mĩ ngược lại ủng hộ các lực lượng phản động, chống giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước, chạy đua vũ trang gây chiến tranh xâm lược.

Hai là, chủ nghĩa xã hội từ một nước trở thành hệ thống thế giới, nhất là với sự ra đời của nước Cộng hoà Dân chủ Đức và Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, đã trở thành một đối trọng lớn đối với Mĩ và các nước phương Tây.

Ba là, Mĩ và các nước phương Tây đã thi hành một chính sách thù địch, gây căng thẳng đối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, từng bước đi tới tình trạng đối đầu gay gắt và cuộc Chiến tranh lạnh.

Những biểu hiện dẫn tới cuộc Chiến tranh lạnh là :

1. Học thuyết Truman (1947) viện trợ cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì, tạo nên mối đe doạ từ sườn phía nam đối với Liên Xô và các nước Đông Âu.

2. Kế hoạch Mácsan của Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu tạo nên sự phân chia và đối lập về kinh tế giữa hai khối nước TBCN và XNCN ở châu Âu.

3. Sự thành lập khối quân sự NATO (1949) – khối quân sự của các nước phương Tây, tạo nên sự đối đầu về chính trị và quân sự giữa hai phe TBCN và XHCN ở châu Âu và cả thế giới.

Để chống lại với các chính sách thù địch của Mĩ và các nước phương Tây, Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV, 1–1949) về kinh tế và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (5–1955) về chính trị – quân sự.

Như vậy, thế giới đã phân chia thành hai phe TBCN và XHCN và trong tình trạng Chiến tranh lạnh căng thẳng.

ĐỀ SỐ 20

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy chứng minh rằng từ năm 1925 đến năm 1929 phong trào công nhân Việt Nam có sự chuyển biến rõ rệt so với giai đoạn trước. Nêu vai trò của phong trào công nhân đối với sự ra đời của Đảng.**	**3 điểm**
	Trong hai năm 1926 – 1927 đã nổ ra 27 cuộc đấu tranh của công nhân.	
	Cuối năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chủ trương "vô sản hoá", để tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân.	
	Phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn và trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước. Đấu tranh của công nhân đã nổ ra tại các trung tâm kinh tế, chính trị (mỏ than Mạo Khê, nhà máy cưa Bến Thuỷ, nhà máy xi măng Hải Phòng, đồn điền cao su Phú Riềng, hãng dầu Hải Phòng v.v..).	
	Các cuộc bãi công đã bắt đầu có sự liên kết thành phong trào chung.	
	Vai trò của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam :	
	Phong trào công nhân là một bộ phận của phong trào yêu nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào yêu nước nói chung.	
	Phong trào công nhân đã tiếp thu chủ nghĩa Mác–Lênin từ bên ngoài truyền vào Việt Nam, là nhân tố quan trọng kết hợp với chủ nghĩa Mác–Lênin và phong trào yêu nước dẫn đến việc thành lập Đảng.	
2	**So sánh chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng, hình thức đấu tranh giữa thời kì 1936 – 1939 với thời kì 1930 – 1931.**	**2 điểm**
	– Về chủ trương : Phong trào dân chủ 1936–1939, Đảng đề ra nhiệm vụ là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.	

	Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 : Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do.	
	– Về sách lược cách mạng : Thời kì 1936 – 1939, Đảng đưa ra khẩu hiệu "chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ...". Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, đưa ra khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền sống : công nhân với khẩu hiệu đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, đòi cải thiện điều kiện làm việc ; nông dân đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức v.v...	
	Về hình thức đấu tranh : Thời kì 1936 – 1939, Đảng phát động quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp. Trong phong trào 1930 – 1931, với hình thức bất hợp pháp đó là bãi công, biểu tình (có vũ trang tự vệ).	
3	**Nêu sự giống nhau và khác nhau về hoàn cảnh kí kết, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Pari.**	**2 điểm**
	a) Những điểm giống nhau giữa hai Hiệp định *Hoàn cảnh :* Đều có thắng lợi về chính trị và quân sự trên chiến trường, có trận thắng quyết định là Điện Biên Phủ năm 1954 và "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.	
	Nội dung cơ bản : Đều được các nước đế quốc công nhận các quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam. Đều đưa đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình. Đều đưa đến việc đế quốc xâm lược rút khỏi chiến tranh.	
	Ý nghĩa lịch sử : Đều là sự phản ánh thắng lợi giành được trên chiến trường. Đều là hiệp định hoà hoãn, đưa đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình. Đều là văn bản pháp lí, làm cơ sở để quân và dân ta tiếp tục đấu tranh.	

	b) Những điểm khác nhau giữa hai hiệp định	
	– Hiệp định Giơnevơ 1954 : *Hoàn cảnh kí :* Giơnevơ là hội nghị quốc tế, có sự chi phối của các nước lớn. *Nội dung cơ bản :* Pháp rút quân từng bước sau hai năm. Quân đội hai bên tập kết ở hai vùng hoàn chỉnh ở hai miền... *Ý nghĩa lịch sử :* Hiệp định Giơnevơ phản ánh không đầy đủ thắng lợi của ta trên chiến trường. Sau Hiệp định Giơnevơ, so sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho ta.	
	– Hiệp định Pari 1973 : *Hoàn cảnh kí :* Pari là hội nghị Hai bên (Việt Nam và Hoa Kì), được quyết định bởi hai bên. *Nội dung cơ bản :* Mĩ rút quân một lúc sau 2 tháng, quân đội hai bên giữ nguyên tại chỗ... *Ý nghĩa lịch sử :* Hiệp định Pari phản ánh đầy đủ thắng lợi của ta trên chiến trường. Sau Hiệp định Pari, so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.	
	PHẦN RIÊNG (3 điểm)	
Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*		
	Những nét chính về tình hình Tây Âu từ năm 1973 đến năm 2000.	
	– Về kinh tế :	
	Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề và tới khoảng năm 1950, nền kinh tế các nước này đã được khôi phục.	
	Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70, nền kinh tế các nước Tây Âu ổn định và phát triển nhanh. Kết quả là Tây Âu đã trở thành một trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới. Các nước Tây Âu có trình độ khoa học – kĩ thuật phát triển cao. Nền kinh tế đã có sự tăng trưởng nhưng vẫn thường xen kẽ với khủng hoảng và lạm phát. Từ năm 1994, nền kinh tế được phục hồi và phát triển trở lại.	

	– Về chính trị – xã hội :	
	Những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị – xã hội, phục hồi nền kinh tế và liên minh chặt chẽ với Mĩ...	
	Giai đoạn 1950 - 1973 : nét nổi bật của giai đoạn này là sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản. Trong các giai đoạn sau, tình hình chính trị của các nước Tây Âu nhìn chung là ổn định. Tuy nhiên, tình hình có lúc, có nơi không ổn định như cuộc đấu tranh của 80 vạn sinh viên, công nhân, công chức Pháp tháng 5–1968... Đó còn là tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày càng trầm trọng hơn.	
	Từ năm 1973 đến năm 1991, chính trường Tây Âu có phần ổn định hơn, bên cạnh sự phát triển, còn bộc lộ mặt trái như phân hoá giàu nghèo càng lớn, tệ nạn xã hội...	
	– Chính sách đối ngoại :	
	Những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với mưu đồ khôi phục chế độ thuộc địa, các nước Tây Âu như Anh, Pháp, Hà Lan..., đã tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa, nhưng cuối cùng đều bị thất bại.	
	Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh đối đầu giữa hai phe, nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu là liên minh chặt chẽ với Mĩ.	
	Tháng 8- 1975, các nước Tây Âu cùng Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu và hai nước Mĩ, Canada ở Bắc Mĩ đã kí kết Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu. Tình hình căng thẳng ở châu Âu đã dịu đi rõ rệt.	
	Vào cuối năm 1989, ở châu Âu đã diễn ra những sự kiện to lớn mang tính đảo lộn : bức tường Béclin bị phá bỏ (11–1989), hai siêu cường Xô –Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, sau đó không lâu nước Đức đã tái thống nhất (10–1990).	
Câu 4 b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*		
	Hãy cho biết đặc điểm tình hình thế giới thời kì sau Chiến tranh lạnh.	
	Một là, sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, trật tự hai cực sụp đổ, một trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành.	

	Hai là, sau Chiến tranh lạnh, hầu như các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm. *Ba là*, sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Mĩ đang ra sức thiết lập trật tự thế giới một cực, vươn lên làm bá chủ thế giới. *Bốn là*, sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, tuy nhiên vẫn diễn ra các cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài.	
	Sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển chiếm ưu thế. Tuy nhiên, cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11–9–2001 đã báo trước những nguy cơ mới của chủ nghĩa khủng bố quốc tế đối các quốc gia – dân tộc.	

Phần thứ tư

GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG NĂM 2009

I. ĐỀ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG

ĐỀ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2009

Môn : LỊCH SỬ ; Khối : C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(2,0 điểm).* Trình bày nội dung, ý nghĩa của Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ngày 6–1–1930.

Câu 2 *(2,0 điểm).* Nêu tóm tắt diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Câu 3 *(3,0 điểm).* Vì sao ngày 27–1–1973, Hoa Kì và các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ?

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3,0 điểm).* Nêu hoàn cảnh ra đời, quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3,0 điểm).* Trình bày những sự kiện dẫn đến sự đối đầu Đông–Tây trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009

Môn : LỊCH SỬ ; Khối : C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)

Câu 1 *(2,0 điểm).* Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải theo con đường nào ?

Câu 2 *(3,0 điểm).* Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1–1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10–1930) và Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5–1941).

Câu 3 *(2,0 điểm).* Trong thời kì 1954 - 1975, phong trào đấu tranh nào đánh đấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công ? Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đó.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3,0 điểm).* Hãy phân chia các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến từng giai đoạn.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3,0 điểm).* Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.

3. ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM ĐỀ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM ĐỀ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2009

Môn : LỊCH SỬ ; Khối : C

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Trình bày nội dung, ý nghĩa Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ngày 6–1–1930.**	2 điểm
	Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp từ ngày 6–1–1930 tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.	
	- Hội nghị nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.	
	– Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.	
	- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.	
	- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam mang tầm vóc lịch sử của một Đại hội thành lập Đảng.	
2	**Nêu tóm tắt diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.**	2 điểm
	– Được tin Nhật Bản đầu hàng, Uỷ ban khởi nghĩa thành lập, Hội nghị Toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào (Tuyên Quang), phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.	
	- Từ ngày 14–8, một số địa phương căn cứ vào tình hình cụ thể và vận dụng *"Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* đã khởi nghĩa giành chính quyền. Chiều 16–8, một đơn vị Giải phóng quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.	
	- Ở Hà Nội, chiều ngày 17 -8 quần chúng đã tổ chức mít tinh tại Nhà hát Lớn ; thực hiện quyết định của Uỷ ban khởi nghĩa, tối 19- 8 cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.	

Ở Huế, ngày 23-8 khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 25–8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.

– Ngày 28–8–1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trên cả nước.

3	**Vì sao ngày 27–1–1973, Hoa Kì và các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ?**	**3 điểm**

- Trải qua 18 năm (1954-1972), Mĩ đã thất bại trong việc tiến hành các chiến lược chiến tranh xâm lược, nhằm chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam.

– Do thất bại trên chiến trường, Mĩ buộc phải chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

– Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược.

- Để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị, ngoại giao mới, Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972, nhằm kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

Quân dân miền Bắc đã đánh trả những đòn đích đáng, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27-1–1973).

Với Hiệp định Pari, Hoa Kì và các nước phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam.

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Nêu hoàn cảnh ra đời, quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

Hoàn cảnh ra đời :

Sau khi giành độc lập, bước vào thời kì phát triển kinh tế, các nước Đông Nam Á thấy cần có sự hợp tác để cùng phát triển và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều và những thành công của Khối thị trường chung châu Âu đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.

– Ngày 8–8–1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập gồm 5 nước : Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo, Thái Lan.

Quá trình phát triển :

– Giai đoạn đầu (1967–1975), ASEAN là một tổ chức còn non trẻ, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị thế trên trường quốc tế.

- Tháng 2–1976, Hiệp ước Bali được kí kết, mở ra bước phát triển mới của các quốc gia Đông Nam Á.

- Từ năm 1984 đến năm 1999, các nước Brunây, Việt Nam, Lào, Mianma, Campuchia lần lượt gia nhập ASEAN.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đã phát triển thành 10 nước, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, xây dựng thành khu vực hoà bình, ổn định, cùng phát triển.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Trình bày những sự kiện dẫn đến sự đối đầu Đông – Tây trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ và Liên Xô cùng phát triển mạnh mẽ nhưng có lợi ích, mục tiêu chiến lược đối lập nhau.

- Tháng 3- 1947, thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman khẳng định sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn, từ đó Mĩ khởi đầu chính sách chống Liên Xô, gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh.

- Tháng 6–1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mácsan", giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, lôi kéo các nước này vào Liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

Việc thực hiện "Kế hoạch Mácsan" tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

	– Tháng 4–1949, Mĩ cùng các nước Tây Âu thành lập khối quân sự NATO – liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.	
	– Tháng 1–1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập *Hội đồng tương trợ kinh tế* (SEV) để hợp tác và giúp đỡ nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.	
	– Tháng 5-1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.	
	- Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vácsava đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, đối đầu Đông – Tây trong quan hệ quốc tế.	

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM ĐỀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009

Môn : LỊCH SỬ ; Khối : C

Câu	Đáp án	Điểm
	PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7 điểm)	
1	**Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải theo con đường nào ?**	**2 điểm**
	– Từ năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, hướng tới phương Tây, đến nước Pháp ; rồi qua nhiều nước, nhiều châu lục khác nhau. Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác ; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức, bóc lột dã man.	
	– Cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở lại Pháp, hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pari ; viết báo, truyền đơn, tham gia các buổi mít tinh... ; gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).	

	Tháng 6 – 1919, Người gửi đến Hội nghị Vécxai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*, đòi Chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.	
	– Giữa năm 1920, Người đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, khẳng định con đường giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.	
	- Tháng 12 - 1920, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (Đại hội Tua), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.	
	Nguyễn Ái Quốc khẳng định, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải theo con đường cách mạng vô sản.	
2	**Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1 – 1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 –1930) và Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941).**	**3 điểm**
	a) Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên	
	- Xác định lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức ; còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.	
	– Nhận xét :	
	+ Hội nghị đã thấy rõ thái độ chính trị và khả năng cách mạng của mỗi giai cấp trong xã hội thuộc địa, xác định đúng vai trò, vị trí của từng giai cấp, tầng lớp.	
	+ Phát huy sức mạnh dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc.	
	b) Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương với bản Luận cương chính trị tháng 10 - 1930.	
	- Xác định động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân.	

	- *Nhận xét :*	
	+ Đã xác định được động lực cách mạng, nhưng không đánh giá đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc và phong kiến ở mức độ nhất định của tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai.	
	Đây là điểm khác với *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên và cũng là hạn chế của *Luận cương chính trị* tháng 10 – 1930.	
	c) Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương	
	- Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh, đổi tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc, nhằm tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp, giai cấp và cá nhân yêu nước.	
	- *Nhận xét :*	
	+ Chủ trương trên đã huy động đến mức cao nhất lực lượng toàn dân tộc thực hiện nhiệm vụ số một là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do.	
	+ Khắc phục hạn chế của *Luận cương chính trị* tháng 10 - 1930 và khẳng định chủ trương đúng đắn trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng, góp phần trực tiếp đưa Cách mạng tháng Tám đến thành công.	
3	**Trong thời kì 1954 – 1975, phong trào đấu tranh nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công ? Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đó.**	**2 điểm**
	a) Phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.	
	b) Những nguyên nhân dẫn tới phong trào	
	- Lực lượng cách mạng ở miền Nam được giữ gìn và phát triển qua thực tiễn đấu tranh chính trị, hoà bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến lên dùng bạo lực, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho sự bùng nổ phong trào cách mạng mới.	

- Chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân (1957 – 1959), làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ xâm lược và tay sai ngày càng gay gắt, đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách.	
– Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1 – 1959) khẳng định con đường cách mạng bạo lực ; xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên.	

PHẦN RIÊNG (3 điểm)

Câu 4a. Theo chương trình Chuẩn *(3 điểm)*

Hãy phân chia các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến từng giai đoạn.	
a) Giai đoạn 1946 - 1954 : Kháng chiến chống thực dân Pháp	
– Tháng 3 – 1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào. Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập.	
Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào ngày càng phát triển.	
– Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thực dân Pháp kí Hiệp định Giơnevơ (7 – 1954), công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.	
b) Giai đoạn 1954 – 1975 : Kháng chiến chống đế quốc Mĩ	
- Sau Hiệp định Giơnevơ, Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, cuộc đấu tranh chống Mĩ được tiến hành trên cả 3 mặt trận quân sự - chính trị - ngoại giao.	
Quân và dân Lào lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của Mĩ. Đến đầu những năm 70, vùng giải phóng đã mở rộng với 4/5 lãnh thổ.	

– Tháng 2 1973, các phái ở Lào đã thoả thuận kí Hiệp định Viêng Chăn, lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

Từ tháng 5 đến tháng 12-1975, được sự cổ vũ của thắng lợi Xuân 1975 ở Việt Nam, quân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

– Ngày 2 12 1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức được thành lập.

Câu 4b. Theo chương trình Nâng cao *(3 điểm)*

Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.

a) Chiến lược kinh tế hướng nội

Nội dung : đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

– Thành tựu : đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.

– Hạn chế : thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ..., đời sống người lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.

b) Chiến lược kinh tế hướng ngoại

Nội dung : "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kĩ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

Thành tựu : tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

– Hạn chế : phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 3
A. Cấu trúc của sách 3
B. Những vấn đề chung về ôn luyện kiến thức theo cấu trúc đề thi 3

Phần thứ nhất. NỘI DUNG ÔN TẬP THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI 7
A. Nội dung ôn thi tốt nghiệp THPT 7
B. Nội dung ôn thi tuyển sinh ĐH và CĐ 10

Phần thứ hai. MỘT SỐ ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG 12
A. Giới thiệu một số đề ôn luyện kiến thức thi tốt nghiệp Trung học phổ thông 12
Đề số 1 12
Đề số 2 12
Đề số 3 13
Đề số 4 13
Đề số 5 14
Đề số 6 14
Đề số 7 15
Đề số 8 15
Đề số 9 16
Đề số 10 16
Đề số 11 17
Đề số 12 17
Đề số 13 17
Đề số 14 18
Đề số 15 18
B. Giới thiệu một số đề ôn luyện kiến thức thi tuyển sinh Đại học – Cao đẳng 19
Đề số 1 19
Đề số 2 20

Đề số 3 20
Đề số 4 21
Đề số 5 22
Đề số 6 22
Đề số 7 23
Đề số 8 23
Đề số 9 24
Đề số 10 24
Đề số 11 25
Đề số 12 25
Đề số 13 26
Đề số 14 27
Đề số 15 27
Đề số 16 28
Đề số 17 28
Đề số 18 29
Đề số 19 30
Đề số 20 30

Phần thứ ba. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỂ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG 31
A. Đáp án – thang điểm để ôn luyện kiến thức thi tốt nghiệp THPT 31
Đề số 1 31
Đề số 2 35
Đề số 3 38
Đề số 4 42
Đề số 5 46
Đề số 6 50
Đề số 7 53
Đề số 8 56
Đề số 9 60
Đề số 10 64
Đề số 11 67
Đề số 12 71

Đề số 13 73
Đề số 14 76
Đề số 15 80
B. Đáp án – thang điểm để ôn luyện kiến thức thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng 83
Đề số 1 83
Đề số 2 89
Đề số 3 95
Đề số 4 101
Đề số 5 107
Đề số 6 112
Đề số 7 118
Đề số 8 123
Đề số 9 129
Đề số 10 134
Đề số 11 139
Đề số 12 144
Đề số 13 150
Đề số 14 154
Đề số 15 159
Đề số 16 164
Đề số 17 169
Đề số 18 174
Đề số 19 180
Đề số 20 186
Phần thứ tư. GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG NAM 2009 31
Đề thi tuyển sinh Cao đẳng năm 2009 191
Đề thi tuyển sinh Đại học năm 2009 192
Đáp án - thang điểm đề thi tuyển sinh Cao đẳng năm 2009 193
Đáp án – thang điểm đề thi tuyển sinh Đại học năm 2009 196

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TỈNH

Giám đốc Công ty CP Sách ĐH–DN NGÔ THỊ THANH BÌNH

Biên tập tái bản:

NÔNG THỊ HUỆ

Trình bày bìa:

ĐINH XUÂN DŨNG

Thiết kế sách và chế bản:

HÀ THÁI LINH

ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

MÔN LỊCH SỬ

DÙNG ÔN LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT, ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG

Mã số: 8D293y1 – DAI

In 2.000 bản (QĐ : 05), khổ 17 x 24 cm. In tại Công ty Cổ phần In Phúc Yên.

Địa chỉ : Đường Trần Phú, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Số ĐKKH xuất bản : 14 – 2011/CXB/355 – 2075/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC DẠY NGHỀ
HEVOBCO
Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Hà Nội

TÌM ĐỌC

BỘ SÁCH ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

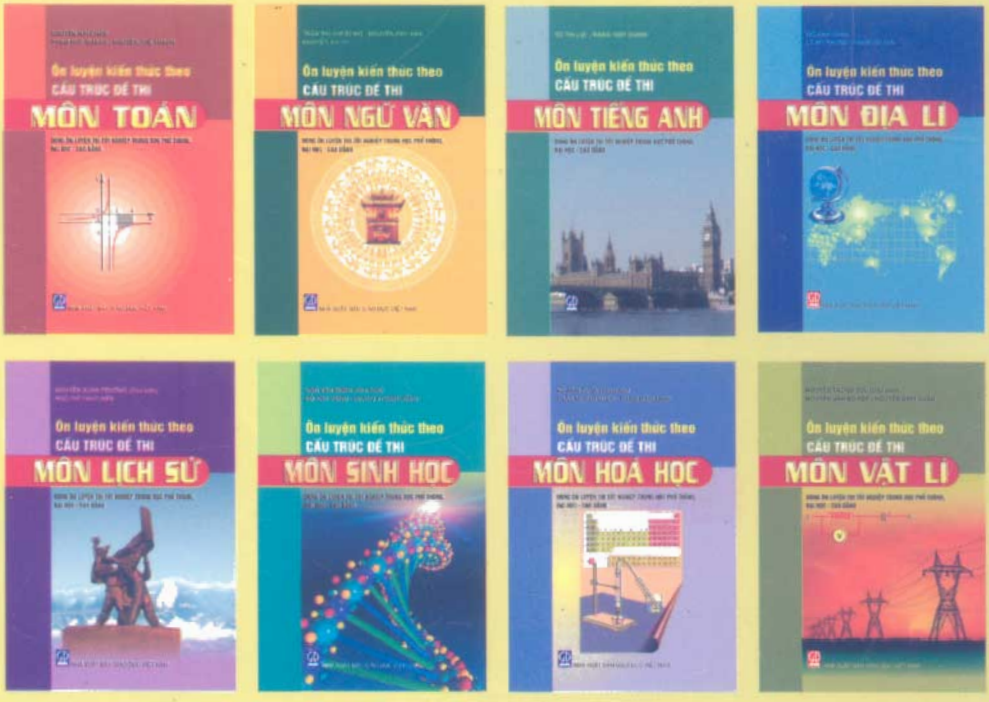
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN TOÁN
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN NGỮ VĂN
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN TIẾNG ANH
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN ĐỊA LÍ
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN LỊCH SỬ
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN SINH HỌC
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN HOÁ HỌC
Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN VẬT LÍ

Bạn đọc có thể tìm mua tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc Cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:
Tại Hà Nội: 25 Hàn Thuyên, 187B Giảng Võ, 23 Tràng Tiền.
Tại Đà Nẵng: 15 Nguyễn Chí Thanh
Tại Tp. Hồ Chí Minh: Cửa hàng 451b - 453, Hai Bà Trưng, Quận 3
Chi nhánh Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề, 240 Trần Bình Trọng, Quận 5.

8 934994 048392

Giá: 23.000VNĐ